

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
ĐỀ TÀI :

NGUYỄN PHẠM MAI LINH

NIÊN KHÓA:

i

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
ĐỀ TÀI :

Sinh viên thực hiện:

Nguyễn Phạm Mai Linh

Lớp: K49A - QTNL

Niên khóa: 2015 - 2019

Giảng viên hướng dẫn:

ThS. Bùi Văn Chiêm

Huế, Tháng

Lời Cảm Ơn

Đầu tiên, tôi mu ốn gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới Ban giám hi ệu nhà trường cùng toàn th ể các th ầy cô giáo và các anh chị em của Trường Đại Học Kinh Tế - Đại Học Huế, đặc biệt các th ầy cô giáo đã tận tình hướng dẫn và trang bị kiến thức cho tôi nh ững kiến thức bổ ích trong suốt bốn năm học v ừa qua.

Để có th ể hoàn thành tốt khóa lu ận tốt nghiệp, tôi xin g ửi lời c ảm ơn sâu s ắc tới các thầy cô giáo đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ và truyền đạt kinh nghiệm thực tiễn cho tôi.

Đặc biệt, tôi xin cảm ơn Ban giám đốc cùng với các dì, các anh chị em của Phân xưởng đã quan tâm, giúp đỡ, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình hoàn thành khóa lu ận tốt nghiệp.

Tôi xin chân thành c ảm ơn Ban giám đốc cùng với các dì, các anh chị em của Phân

xưởng **Phân xưởng**

Đường Bộ I Thừa Thiên Huế đã quan tâm, giúp đỡ, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình thực tập tại Công ty.

Qua đây tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành tới gia đình, bạn bè những người luôn quan tâm, động viên, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu để tôi có thêm động lực bước lên trong cuộc sống.

Qua quá trình thực tập, nghiên cứu tại đơn vị, mặc dù đã cố gắng trong việc

hoàn thành đề tài của mình nhưng do gặp một số hạn chế về thời gian cũng như

vấn kiến thứ ạn chế nên không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Rất mong sự đóng góp ý kiến, nhận xét của các thầy để đề tài của tôi được

hoàn thiện hơn.

*Một lần nữa, tôi xin chân thành cảm ơn toàn thể quý thầy
cô. Huế, tháng
Sinh viên*

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	i
MỤC LỤC	ii
DANH MỤC CÁC TỪ NGỮ VIẾT TẮT	vi
DANH MỤC HÌNH	vii
DANH MỤC BẢNG	viii
PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu đề tài	2
3. Đối tượng nghiên cứu	3
4. Phạm vi nghiên cứu	3
5. Phương pháp nghiên cứu	3
5.1. Phương pháp thu thập số liệu	3
5.2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu	3
1.6. Kết cấu bài khóa luận	4
PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	5
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN LAO ĐỘNG	5
ĐỘNG	5
1.1. Những vấn đề khái quát chung của công tác quản lý an toàn lao động	5
1.1.1. Một số khái niệm cơ bản	5
1.1.1.1. An toàn lao động, vệ sinh lao động và Bảo hộ lao động	5
1.1.1.2. Điều kiện lao động	6
1.1.1.3. Bệnh nghề nghiệp	7
1.1.1.4. Tai nạn lao động	8
1.1.2. Mục đích – ý nghĩa của công tác quản lý an toàn lao động	10
1.1.2.1. Mục đích của công tác quản lý an toàn lao động	10
1.1.2.2. Ý nghĩa của công tác quản lý an toàn lao động	11

1.1.3. Tính chất của công tác bảo hộ lao động	13
1.1.3.1. Tính pháp lý	13

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

ii

1.1.3.2. Tính khoa học kỹ thuật	13
1.1.3.3. Tính quần chúng	14
1.2. Nội dung của công tác an toàn vệ sinh lao động	14
1.2.1. Tổng quan chung về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về ATVSLĐ	14
1.2.1.1. Hiến pháp và hệ thống các Luật	14
1.2.1.2. Hệ thống các văn bản của Chính Phủ và các Bộ, ngành chức năng	15
1.2.1.3. Một số văn bản liên bộ	16
1.2.2. Các nội dung cơ bản về công tác an toàn – vệ sinh lao động	17
1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến công tác bảo hộ lao động	19
1.3.1. Các yếu tố có hại ảnh hưởng đến an toàn lao động	19
1.3.1.1. Yếu tố vệ sinh môi trường	19
1.3.1.2. Các yếu tố bất lợi về tư thế lao động	22
1.3.1.3. Các yếu tố bất lợi về tổ chức, bố trí nơi làm việc	23
1.3.1.4. Các yếu tố bất lợi về tâm, sinh lí lao động	23
1.3.2. Các yếu tố nguy hiểm ảnh hưởng đến an toàn lao động	23
1.3.2.1. Các bộ phận truyền động	23
1.3.2.2. Các bộ phận chuyển động củ máy	23
1.3.2.3. Vật văng bắn	23
1.3.2.4. Vật rơi, vật đổ, vật sập	24
1.3.2.5. Dòng điện	24
1.3.2.6. Các nguồn nhiệt và sự phát sinh nhiệt	24
1.3.2.7. Nổ vật lý	24
1.3.2.8. Nổ hóa học	24
1.3.2.9. Nổ vật liệu (nổ bởi các chất nổ)	24
1.4. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công tác bảo hộ lao động tại doanh nghiệp	24
1.5. Tình hình quản lý an toàn lao động tại Việt Nam và trên Thế Giới	26
1.5.1. Tình hình quản lý an toàn lao động tại Việt Nam	26

1.5.2. Tình hình quản lý an toàn lao động trên Thế Giới	28
1.6. Các nghiên cứu về lĩnh vực bảo hộ lao động tại các doanh nghiệp trong nước trước đây	30

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

iii

1.6.1. Chuyên đề tốt nghiệp của sinh viên Nguyễn Cảnh Đăng với đề tài “Nâng cao hiệu quả công tác Bảo hộ lao động tại nhà máy thuốc lá Thăng Long”	30
1.6.2. Luận văn tốt nghiệp của sinh viên Nguyễn Thị Phương với đề tài “Thực trạng công tác bảo hộ lao động tại Công ty Bánh kẹo Hải Hà”.	34
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN LAO ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BỘ I – TT HUẾ	38
2.1. Tổng quan về Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế	38
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế	38
2.1.2. Đặc điểm về lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế	39
2.1.3. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế	40
2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế	40
2.1.5. Về tài sản – nguồn vốn	41
2.1.6. Quy mô lao động	44
2.1.7. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017	45
2.2. Tình hình thực tế về an toàn lao động tại Công Ty Cổ Phần Đường Bộ I – TT Huế	45
2.2.1. Tổ chức Bộ máy làm công tác Bảo hộ lao động	45
2.2.2. Chức năng và nhiệm vụ của Hội đồng BHLĐ	48
2.2.3. Xây dựng nội quy, quy chế, quy trình và biện pháp đảm bảo ATVSLĐ	49
2.2.4. Tổ chức thực hiện công tác an toàn lao động tại Công Ty Cổ Phần Đường Bộ I – TT Huế	50
2.2.5. Kiểm tra thực hiện công tác an toàn Công Ty Cổ Phần Đường Bộ I – TT Huế	56
2.2.6. Thống kê, sơ kết, tổng kết, báo cáo.	56
2.2.6. Đánh giá chung về hoạt động quản lý an toàn lao động tại Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế	57
2.2.6.1. Những kết quả đạt được	57
2.2.6.2. Những tồn tại hạn chế	57

**CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CÔNG TÁC QUẢN LÝ
AN TOÀN LAO ĐỘNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BỘ I – TT HUẾ**
59

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

iv

3.1. Đánh giá chung về chính sách quản lý an toàn lao động tại Công Ty Cổ Phần Đường Bộ I – TT Huế	59
3.1.1. Thuận lợi	59
3.1.2. Khó khăn	59
3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao chính sách quản lý an toàn lao động tại Công Ty Cổ Phần Đường Bộ I – TT Huế	59
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	63
I. KẾT LUẬN	63
1.1. Kết quả đạt được	63
1.2. Hạn chế của đề tài	63
II. KIẾN NGHỊ	64
2.1. Kiến nghị Công Ty Cổ Phần Đường Bộ I – TT Huế	64
2.2. Hướng phát triển đề tài	65
KẾT LUẬN CHUNG	66
TÀI LIỆU THAM KHẢO	67

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

v

DANH MỤC CÁC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

AT	: An toàn
ATLĐ	: An toàn lao động
ATVSV	: An toàn vệ sinh viên
AT – VSLĐ	: An toàn – vệ sinh lao động
ATLĐ – VSLĐ	: An toàn lao động – Vệ sinh lao động
BHLĐ	: Bảo hộ lao động
BNN	: Bệnh nghề nghiệp
CD	: Công đoàn
CBCNVC	: Cán bộ công nhân viên chức
CNV	: Công nhân viên
CNH – HĐH	: Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa
ĐKLV	: Điều kiện làm việc
ĐKLD	: Điều kiện lao động
NLĐ	: Người lao động
NSDLĐ	: Người sử dụng lao động
MTLV	: Môi trường làm việc
MTLĐ	: Môi trường lao động
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
PCCN	: Phòng chống cháy nổ
PTBVCN	: Phương tiện bảo vệ cá nhân
TNLĐ	: Tai nạn lao động
TCCP	: Tiêu chuẩn cho phép

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

vi

DANH MỤC HÌNH

Hình 2.1. Mô hình hệ thống các văn bản pháp luật về ATVSLĐ	17
Hình 2.2. Các nội dung quy định về công tác ATVSLĐ	18
Hình 2.3. Tổn thương nghề nghiệp không gây tử vong và tỷ lệ mắc bệnh theo loại trường hợp, ngành tư nhân, giai đoạn 2003 – 2017	29
Hình 2.4.. Bộ máy tổ chức quản lý công tác BHLĐ của Công Ty Cổ Phần Đường Bộ I – TT Huế	47

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

vii

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Tình hình TNLĐ năm 2017 và năm 2016	26
Bảng 2.2. Bảng quy mô tài sản- nguồn vốn của Công ty Cổ phần Đường Bộ I – TT Huế qua 3 năm 2015-2017	43
Bảng 2.3. Tình hình Lao động của công ty qua 3 năm (2016- 2018)	44
Bảng 2.4. Kinh phí cho việc thực hiện BHLĐ năm 2017	51
Bảng 2.5. Số lượng máy móc thiết bị năm 2017	51
Bảng 2.6. Phương tiện vận tải tại công ty	52
Bảng 2.7. Kỹ thuật an toàn – PCCC	53
Bảng 2.8. Trang thiết bị bảo hộ lao động năm 2017 và 2018	54
Bảng 2.9. Phân loại sức khỏe năm 2017 và 2018	55

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

viii

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong thời kỳ hội nhập và phát triển kinh tế quốc tế hiện nay, vấn đề đảm bảo công tác quản lý an toàn lao động ngày càng được chú trọng hơn. Công tác quản lý an toàn lao động là cầu nối chặt chẽ dẫn đến sự phát triển, thành đạt của một doanh nghiệp, cũng như góp phần quyết định sự phát triển kinh tế bền vững của mỗi một quốc gia trên thế giới. Đặc biệt, đối với ngành xây dựng đang là một ngành chiếm vị trí rất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Đây cũng là một ngành đòi hỏi người lao động những đặc thù riêng trong công việc như địa điểm làm việc của người lao động luôn thay đổi, phần lớn các công việc được thực hiện ở ngoài trời, chịu ảnh hưởng của khí hậu thời tiết xấu, nhiều công việc nặng nhọc, chịu nhiều tác động của môi trường sản xuất. Người lao động phải làm việc, tiếp xúc với những máy móc, thiết bị công cụ lao động nặng nhọc, nguy hiểm,... Hay người lao động phải thi công ở những địa điểm, vị trí không thuận lợi, có nhiều yếu tố nguy hiểm, có hại dễ gây ra tai nạn lao động và làm suy giảm sức khỏe của người lao động, thậm chí gây ra bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Cho nên việc đảm bảo vệ sinh, an toàn lao động ở lĩnh vực xây dựng cơ bản là trách nhiệm hàng đầu trong mọi hoạt động của các xí nghiệp, công trường, các đơn vị sản xuất,...

Từ thời xưa, ngành xây dựng vẫn là một trong các ngành chiếm tỷ trọng cao nhất về tỷ lệ tai nạn lao động, thậm chí kể cả tai nạn chết người. Theo số liệu thống kê của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, trong 6 tháng đầu năm 2018 trên toàn quốc đã xảy ra 3.988 vụ tai nạn lao động (TNLD), làm 4.102 người bị nạn và riêng trong lĩnh vực xây dựng mỗi năm có từ 800 đến 900 số vụ tai nạn lao động chết người với hơn 800 người chết và con số đó vẫn còn gia tăng qua các năm. Đó là một trong những vấn đề đáng lo ngại đối với những người quản lý của doanh nghiệp. Trong những năm gần đây, ngành xây dựng đã và đang cố gắng xây dựng, thực hiện các biện pháp tổ chức và công nghệ nhằm cải thiện điều kiện lao động, tạo nên một điều kiện lao động thuận lợi cho người lao động. Bên cạnh đó, ngăn ngừa hạn chế những trường hợp tai nạn lao động, những thiệt hại khác đối với người lao động, nhằm bảo vệ sức khỏe, đảm bảo an toàn về tính mạng người lao động và cơ sở vật chất vẫn đang còn là

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

1

mối quan tâm, lo ngại cho những người làm việc trong ngành xây dựng cũng như cho doanh nghiệp.

Xuất phát từ những vấn đề thực tế trên, một trong những vấn đề quan trọng là làm thế nào để người lao động thực hiện cũng như quán triệt được các chế độ chính sách về an toàn lao động, bảo hộ lao động. Để người lao động hiểu biết về an toàn vệ sinh lao động, các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm về an toàn lao động và những biện pháp an toàn cụ thể trong công việc của bản thân. Với các doanh nghiệp xây dựng như công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế quá trình lao động của công nhân phải đối mặt với một hoặc nhiều yếu tố nguy hiểm. Nếu công ty không kịp thời phòng ngừa, ngăn chặn, chúng có thể gây ra những chấn thương, bệnh nghề nghiệp, làm giảm sút, làm mất khả năng lao động hoặc gây ra tai nạn lao động dẫn đến chết người. Cho nên việc cải thiện điều kiện lao động, đảm bảo nơi làm việc an toàn, vệ sinh là một trong những nhiệm vụ trọng yếu để phát triển doanh nghiệp và tăng năng suất lao động. Thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động sẽ đem lại lợi ích to lớn về kinh tế rõ rệt. Trong lĩnh vực xây dựng nếu người lao động được đảm bảo an toàn về điều kiện làm việc, sức khỏe thì người lao động sẽ cảm thấy thoải mái, yên tâm khi thực hiện công việc, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, phấn đấu nâng cao tiến trình thực hiện mà vẫn đảm bảo chất lượng công trình đề ra, góp phần hoàn thành tốt kế hoạch xây dựng. Vì vậy, việc nghiên cứu, phân tích tìm ra những nguyên nhân ảnh hưởng đến an toàn lao động, từ đó tìm ra những giải pháp nhằm nâng cao công tác quản lý an toàn lao động là vấn đề đang rất được quan tâm, chú trọng đến. Đó là lý do tôi chọn đề tài: “ **Phân tích tình hình quản lý an toàn lao động tại Công Ty Cổ Phần Đường Bộ I – TT Huế**” làm đề tài nghiên cứu khóa luận tốt nghiệp.

2. Mục tiêu nghiên cứu đề tài

Thực hiện đề tài này với những mục tiêu nghiên cứu sau:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về tình hình bảo hộ lao động trong các doanh nghiệp.
- Phân tích và đánh giá tình hình thực hiện bảo hộ lao động tại Công Ty Cổ Phần Đường Bộ I – TT Huế.
- Đưa ra một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo hộ lao động cho Công Ty Cổ Phần Đường Bộ I – TT Huế.

3. Đối tượng nghiên cứu

Công tác thực hiện bảo hộ lao động tại Công Ty Cổ Phần Đường Bộ I – TT Huế, những nguyên nhân, thiếu sót cần khắc phục và những biện pháp nhằm nâng cao công tác quản lý an toàn lao động tại Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế.

4. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi không gian: Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế.
- Phạm vi nội dung: Nghiên cứu, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác bảo hộ lao động, thực trạng bảo hộ lao động tại Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế và các giải pháp nâng cao công tác bảo hộ lao động tại Công ty.
- Phạm vi thời gian:
 - + Tình hình về công tác bảo hộ lao động cho công nhân của Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế qua 3 năm 2016 – 2018.
 - + Công tác quản lý, kiểm tra an toàn máy móc, thiết bị, cấp đồ bảo hộ cho công nhân trong năm 2017.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu các giáo trình n toàn lao động trong xây dựng và khóa luận tốt nghiệp về đề tài an toàn lao động để hiểu rõ hơn cơ sở lý luận về quản lý an toàn lao động, cách trình bày nội dung trong bài khóa luận.

Thu thập các nguồn tài liệu và thông tin số liệu liên quan dùng cho việc phân tích, đánh giá tình hình bảo hộ lao động tại Công ty.

5.2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

- Phương pháp phân tích thống kê: Phân tích số liệu thu thập được về các quá trình quản lý an toàn lao động của Công ty: cung cấp đồ phòng hộ cho công nhân, ...
- Phương pháp so sánh, tổng hợp, phân tích và đánh giá: Từ những số liệu thu thập được ban đầu về vấn đề quản lý an toàn lao động của Công ty ta phân tích những biến động của việc quản lý an toàn lao động về mặt tương đối và tuyệt đối, phân tích

theo chiều ngang, chiều dọc từ đó phân tích, so sánh mức độ tăng giảm và đánh giá hoạt động quản lý an toàn lao động của Công ty.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

3

- Phương pháp thống kê mô tả: Mô tả lại bộ máy quản lý, chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận cụ thể, quá trình hoạt động quản lý an toàn lao động và phương pháp chuẩn bị ứng phó các tình huống khẩn cấp và những thuận lợi, khó khăn của quá trình quản lý an toàn lao động.

1.6. Kết cấu bài khóa luận

Nội dung nghiên cứu của bài khóa luận bao gồm các phần

sau: **Phần I:** Đặt vấn đề

Phần II: Nội dung và kết quả nghiên cứu

Chương 1: Cở sở lý luận về công tác quản lý an toàn lao động.

Chương 2: Thực trạng công tác quản lý an toàn lao động tại Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm nâng cao công tác quản lý an toàn lao động tại Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế.

Phần III: Kết luận và kiến nghị

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

4

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN LAO ĐỘNG

1.1. Những vấn đề khái quát chung của công tác quản lý an toàn lao động

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.1.1. An toàn lao động, vệ sinh lao động và Bảo hộ lao động

An toàn lao động là tình trạng nơi làm việc đảm bảo cho người lao động được làm việc trong điều kiện lao động an toàn, không gây nguy hiểm đến tính mạng, không bị tác động xấu đến sức khỏe.

Vệ sinh lao động là môn khoa học có nhiệm vụ nghiên cứu tác dụng sinh học của những yếu tố có hại trong sản xuất đối với sức khỏe người lao động, tìm các biện pháp cải thiện điều kiện lao động, cải tiến tổ chức lao động và quá trình thao tác, phòng ngừa các bệnh nghề nghiệp, nâng cao khả năng lao động cho con người khi làm việc.

An toàn lao động và vệ sinh lao động là những chế định của luật lao động bao gồm những quy phạm pháp luật quy định việc đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người lao động, đồng thời duy trì tốt khả năng làm việc lâu dài của người lao động.

Bảo hộ lao động là một môn học mà đối tượng nghiên cứu của nó là các vấn đề lý thuyết và thực tiễn về an toàn và vệ sinh lao động; an toàn phòng chống cháy, các sự cố cháy và nổ trong lao động và sản xuất; nguyên nhân và các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động; bệnh nghề nghiệp và các yếu tố độc hại nhằm đảm bảo sức khỏe và an toàn tính mạng cho người lao động. Nội dung bao gồm:

- Pháp luật bảo hộ lao động là một phần của bảo hộ lao động bao gồm những quy định về chính sách, chế độ, thể chế bảo hộ lao động. Pháp luật bảo hộ lao động được xây dựng trên cơ sở yêu cầu thực tế của quần chúng lao động và căn cứ vào trình độ phát triển kinh tế và khoa học kỹ thuật mà được sửa đổi bổ sung dần dần thích hợp với hoàn cảnh sản xuất trong từng thời kỳ xây dựng kinh tế của đất nước.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

5

- Khảo sát, phân tích các nguyên nhân dẫn đến tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, nguy cơ cháy nổ trong sản xuất, xác định được quy luật phát sinh của chúng. Từ đó xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn, biện pháp và phương tiện về tổ chức, kỹ thuật nhằm phòng tránh tác động của các yếu tố nguy hiểm gây chấn thương cho người lao động trong quá trình sản xuất, tạo điều kiện làm việc an toàn để đạt hiệu quả cao nhất.

- Trên cơ sở đó mà đề xuất và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, loại trừ những nguyên nhân phát sinh của chúng; đảm bảo các quá trình thi công xây lắp công trình được an toàn, vệ sinh; bảo vệ tính mạng và sức khỏe cho người lao động; phòng tránh sự cố cháy nổ trên công trường.

1.1.1.2. Điều kiện lao động

Điều kiện lao động là tổng thể các yếu tố về kinh tế, xã hội, tổ chức, kỹ thuật, tự nhiên được phát sinh khi người lao động sử dụng các công cụ, phương tiện lao động tác động vào đối tượng lao động theo những quy trình công nghệ nhất định và sự tác động qua lại giữa chúng trong quá trình lao động sản xuất.

Phân loại điều kiện lao động:

- Các yếu tố kỹ thuật, tổ chức lao động, kinh tế, xã hội, tự nhiên, văn hóa
- + Các yếu tố kỹ thuật, tổ chức lao động: máy, thiết bị, công cụ, nhà xưởng, năng lượng, nguyên nhiên vật liệu, đối tượng lao động, người sử dụng lao động.
- + Các yếu tố liên quan đến lao động: các yếu tố tự nhiên có liên quan đến nơi làm việc, các yếu tố kinh tế, xã hội, quan hệ, đời sống hoàn cảnh gia đình liên quan đến người lao động, quan hệ đồng nghiệp – đồng nghiệp, quan hệ của cấp dưới với cấp trên, chế độ thưởng – phạt, sự hài lòng với công việc,...
- + Ảnh chất của quá trình lao động: lao động thể lực hay trí óc, lao động thủ công, cơ giới, tự động,...
- + Các yếu tố về tổ chức bố trí lao động: bố trí vị trí lao động, phương pháp hoạt động, thao tác, chế độ lao động nghỉ ngơi, chế độ ca kíp, thời gian lao động,...
- Các yếu tố tổ sinh lý lao động và nhân trắc học (Ergonomi)

Yếu tố tâm – sinh lý: gánh nặng thể lực, căng thẳng thần kinh – tâm lý, thần kinh – giác quan,... Do cường độ lao động, chế độ lao động, tư thế lao động không

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

6

thuận lợi và đơn điệu trong lao động không phù hợp với hoạt động sinh lý bình thường và nhân trắc của cơ thể người lao động trong lao động,...

- Các yếu tố môi trường lao động

Các yếu tố môi trường bao động bao gồm nhóm yếu tố về vật lý (khí hậu, bụi, tiếng ồn, rung động, ánh sáng...), hóa học (hơi, khí độc, bụi độc, các hóa chất có độc,...), sinh học (virut, vi khuẩn, ký sinh trùng, các yếu tố vi sinh có hại,...)

1.1.1.3. Bệnh nghề nghiệp

Bệnh nghề nghiệp là sự suy yếu dần về sức khỏe của người lao động gây nên bệnh tật do tác động của các yếu tố độc hại tạo ra trong sản xuất lên cơ thể con người trong quá trình lao động.

Theo Điều 143. Bệnh nghề nghiệp, Mục 2 Chương IX của Bộ Luật Lao Động năm 2012 định nghĩa Bệnh nghề nghiệp là bệnh phát sinh do điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động đối với người lao động.

Khi người lao động bắt đầu tham gia vào quá trình lao động, con người cũng bắt đầu phải chịu ảnh hưởng những tác hại của nghề nghiệp và có thể bị bệnh nghề nghiệp. Các nhà khoa học đều cho rằng, người lao động bị bệnh nghề nghiệp phải được hưởng các chế độ bù đắp về vật chất để có thể bù lại phần nào đó sự thiệt hại của họ về thu nhập từ tiền công lao động do bị bệnh nghề nghiệp đã làm mất đi một phần sức lao động. Bên cạnh đó, phải giúp họ khôi phục lại sức khỏe và phục hồi chức năng y học cho người lao động.

Danh mục BNN được bảo hiểm ở các nước trên Thế giới rất khác nhau, tùy thuộc vào nền kinh tế, các quan niệm xã hội và khả năng tổ chức thực hiện ở từng nước. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) đã xếp BNN thành 29 nhóm bệnh gồm hàng trăm BNN khác nhau.

Ở Việt Nam, bắt đầu từ năm 1976 Nhà nước đã công nhận 8 bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm, năm 1991 bổ sung thêm 8 BNN, năm 1997 bổ sung thêm 5 BNN, năm 2006 bổ sung thêm 4 BNN, năm 2010 bổ sung thêm 3 BNN, năm 2013 bổ sung thêm 1 BNN, năm 2016 bổ sung thêm 6 BNN, nâng tổng số lên 34 bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm, đó là:

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

7

- Bệnh bụi phổi Silic nghề nghiệp; Bệnh bụi phổi Amiăng; Bệnh bụi phổi bông nghề nghiệp; Bệnh bụi phổi TALC nghề nghiệp; Bệnh bụi phổi than nghề nghiệp.

- Bệnh viêm phế quản mạn tính nghề nghiệp

- Bệnh hen nghề nghiệp

- Bệnh nhiễm độc chì nghề nghiệp; Bệnh nhiễm độc nghề nghiệp do benzen và đồng đẳng; Bệnh nhiễm độc thủy ngân nghề nghiệp; Bệnh nhiễm độc Mangan nghề nghiệp; Bệnh nhiễm Trinitrotoluen nghề nghiệp; Bệnh nhiễm độc Asen nghề nghiệp; Bệnh nhiễm độc háo chất bảo vệ thực vật nghề nghiệp; Bệnh nhiễm độc Nicotin nghề nghiệp; Bệnh nhiễm độc Cacbon monoxit nghề nghiệp; Bệnh nhiễm độc Cadimi nghề nghiệp.

- Bệnh điếc nghề nghiệp do tiếng ồn

- Bệnh giảm áp nghề nghiệp

- Bệnh nghề nghiệp do rung toàn thân

- Bệnh nghề nghiệp do rung cục bộ

- Bệnh phóng xạ nghề nghiệp

- Bệnh đục thể thủy tinh nghề nghiệp

- Bệnh nốt dầu nghề nghiệp

- Bệnh sạm da nghề nghiệp; Bệnh viêm da tiếp xúc nghề nghiệp do crôm; Bệnh da nghề nghiệp do tiếp xúc môi trường ẩm ướt và lạnh kéo dài; Bệnh da nghề nghiệp

do tiếp xúc với cao su tự nhiên, hóa chất phụ gia cao su.

- Bệnh Leptospira nghề nghiệp

- Bệnh viêm gan vi rút B nghề nghiệp

- Bệnh lao nghề nghiệp

- Nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp

- Bệnh viêm gan vi rút C nghề nghiệp

- Bệnh ung thư trung biểu mô nghề nghiệp

1.1.1.4. Tai nạn lao động

Tai nạn lao động là tai nạn xảy ra trong quá trình lao động do tác động của các yếu tố bên ngoài dưới dạng cơ, nhiệt, điện, hóa năng và sinh học là chết người hay làm

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

8

tổn thương hoặc phá hủy chức năng hoạt động bình thường của một bộ phận bất kỳ trong cơ thể. Nhiễm độc đột ngột cũng là tai nạn lao động.

Theo Điều 142, Tai nạn lao động Mục 2 Chương IX của Bộ Luật Lao Động năm 2012 định nghĩa: Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động.

Ngoài ra, những trường hợp sau bản chất không phải TNLD, nhưng được coi là tai nạn lao động như tai nạn xảy ra trên tuyến đường đi và về trực tiếp giữa nơi làm việc và nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người lao động; nơi người lao động đến nhận tiền lương, tiền công.

Tai nạn xảy ra do những nguyên nhân khách quan như: thiên tai, họa hoạn và các trường hợp rủi ro khác gắn liền với việc thực hiện ác công việc, nhiệm vụ lao động hoặc không xác định được người gây ra tai nạn xảy ra tại nơi làm việc.

Tai nạn lao động được chia thành 3 loại: tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động nặng và tai nạn lao động nhẹ. Việc phân loại tai nạn lao động nặng, nhẹ là căn cứ tình trạng thương tích được ban hành theo Thông tư liên tịch số 12/2012/TTLT – BLĐTBXH – BYT ngày 21/5/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội – Bộ Y tế hướng dẫn việc khai báo, điều tra, thống kê và báo cáo tai nạn lao động.

Để đánh giá đúng đắn về tình hình tai nạn lao động và xác định được số lượng tai nạn xảy ra nhiều hay ít, thời gian lao động kéo dài phải dùng các chỉ số gọi là hệ số tần suất tai nạn K.

Hệ số K là tỷ số giữa các tai nạn lao động xảy ra trong một khoảng thời gian điều t a (th ờng là một năm hay một quý) với số người làm việc bình quân trong

khoảng thời gian đó tính trên 1000 người lao¹⁰⁰⁰động, tức là:

$$K = \frac{S}{N}$$

Trong đó

S là số tai nạn lao động xảy ra trong thời gian thống kê.

N là số người làm việc bình quân hằng ngày trong thời gian thống kê.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

9

Thông qua phân tích hệ số K mà các nhà chuyên môn trong lĩnh vực này có thể đánh giá được tình hình tai nạn lao động ở một doanh nghiệp, đơn vị, địa phương hoặc một ngành, một quốc gia, cao hay thấp, tăng hay giảm.

1.1.2. Mục đích – ý nghĩa của công tác quản lý an toàn lao động

1.1.2.1. Mục đích của công tác quản lý an toàn lao động

Trong quá trình xây dựng công trình, người công nhân trực tiếp sử dụng và tiếp xúc với các máy móc, thiết bị, công cụ lao động và nguyên vật liệu để làm ra sản phẩm. Trong lao động sản xuất dù sử dụng công cụ thô sơ hay máy móc hiết bị hiện đại, dù quy trình công nghệ đơn giản hay phức tạp đều có những yếu tố nguy hiểm, độc hại có thể dẫn đến tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Nên việc quản lý an toàn lao động, cụ thể là bảo hộ lao động là rất quan trọng đối với người lao động. Mục đích của công tác quản lý an toàn lao động – bảo hộ lao động:

- Bảo đảm cho mọi người lao động được hưởng những điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh, thuận lợi và tiện nghi nhất.
- Thông qua các biện pháp khoa học kỹ thuật, tổ chức kinh tế – xã hội nhằm hạn chế, giảm thiểu và loại trừ các yếu tố nguy hiểm, độc hại xảy ra đối với người lao động.
- Hạn chế ốm đau và giảm sút sức khỏe cũng như những thiệt hại khác đối với người lao động. Đảm bảo an toàn thân thể người lao động, hạn chế đến mức thấp nhất, hoặc không xảy ra tai nạn lao động, chấn thương, gây tàn phế hoặc tử vong trong lao động.
- Tạo điều kiện thuận lợi, an toàn cho người lao động khi tham gia vào quá trình sản xuất, bồi dưỡng, phục hồi và duy trì sức khỏe, khả năng lao động cho người lao động, góp phần bảo vệ và phát triển lực lượng sản xuất, nhờ đó tăng năng suất lao động cho doanh nghiệp, công ty. Đây cũng là một trong những chính sách đầu tư cho chiến lược phát triển kinh tế, xã hội trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.

Như vậy, mục đích của công tác bảo hộ lao động là thông qua các biện pháp khoa học kỹ thuật, tổ chức, kinh tế, xã hội nhằm đảm bảo điều kiện an toàn và vệ sinh

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

10

cho con người, cho máy móc thiết bị và kết cấu của công trình, phòng tránh các bệnh nghề nghiệp, cải thiện điều kiện làm việc của những người lao động.

1.1.2.2. Ý nghĩa của công tác quản lý an toàn lao động

Công tác bảo hộ lao động được thực hiện tốt sẽ mang lại hiệu quả to lớn về chính trị, kinh tế và xã hội trong quá trình hội nhập và phát triển đất nước.

Ý nghĩa về mặt chính trị:

Việc làm tốt công tác quản lý an toàn lao động sẽ góp phần vào việc củng cố lực lượng sản xuất và phát triển quan hệ sản xuất.

Công tác bảo hộ lao động được phát triển trước hết vì những yêu cầu tất yếu, khách quan của quá trình sản xuất, của sự phát triển kinh tế, đồng thời là vì sức khỏe, an toàn, hạnh phúc của mỗi con người tham gia vào quá trình sản xuất.

Công tác bảo hộ lao động nếu được quan tâm, thực hiện tốt sẽ góp phần tích cực chăm lo sức khỏe, hạn chế bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động, bảo đảm tính mạng, đời sống của người lao động. Từ đó, tạo cho người lao động có sự tin tưởng vào chế độ, gắn bó với cơ sở sản xuất, doanh nghiệp. Người lao động sẽ có động lực và đem hết sức mình cống hiến cho sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, góp phần đẩy mạnh về mặt chính trị của đất nước với các nước khác.

Ý nghĩa về mặt xã hội và nhân văn:

Công tác bảo hộ lao động là góp phần tích cực vào việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Đối với bản thân người lao động, cũng như gia đình của họ ai cũng mong muốn người lao động được làm việc trong điều kiện lao động an toàn, sức khỏe, tính mạng của họ được đảm bảo.

Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động góp phần xây dựng một xã hội văn minh lành mạnh. Một xã hội văn minh là một xã hội mà quyền và nghĩa vụ của con người được tôn trọng; người lao động trong xã hội có sức khỏe, có tri thức, được làm việc trong điều kiện an toàn, vệ sinh. Họ là những người công dân luôn sống và làm việc theo pháp luật. Đồng thời, họ cũng nắm vững các quy tắc về ATVSLĐ, các nguyên tắc làm việc an toàn. Tại nơi làm việc, họ là những người lao động gương mẫu. Trong gia đình họ cũng là

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại teamluanvan.com

những người cha, người mẹ gương mẫu, nuôi dạy con cái ngoan hiền. Vì thế, gia đình người lao động sẽ là một thành trì vững chắc mà không tẻ

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

11

nạn nào có thể phá vỡ được. Nếu một gia đình, hai gia đình và nhiều gia đình như vậy, sẽ góp phần tạo nên một xã hội lành mạnh, không có tệ nạn xã hội.

Trong điều kiện sản xuất được an toàn, vệ sinh, người lao động có đủ sức khỏe tham gia sản xuất liên tục, nâng cao năng suất lao động và thu nhập của họ ngày càng được nâng cao. Vì thế, cuộc sống gia đình của họ được đảm bảo, mức sống được cải thiện, góp phần củng cố và bảo vệ hạnh phúc gia đình người lao động.

Vì vậy, công tác bảo hộ lao động nếu được thực hiện tốt thì những vấn đề như tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sẽ không xảy ra, từ đó giúp cho người lao động an tâm công tác hơn. Như vậy, hằng tháng lực lượng lao động này sẽ góp phần bảo toàn và làm cho quỹ BHXH không ngừng được phát triển. Mặt khác, Nhà nước sẽ có điều kiện đầu tư xây dựng nhiều hơn các công trình phúc lợi, phục vụ nhân dân.

Nhưng hiện nay vẫn đang tồn tại một thực trạng hung tại các doanh nghiệp là môi trường lao động đang bị ô nhiễm bởi nồng độ hơi khí độc, khói bụi,... vượt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép. Nguyên nhân là các doanh nghiệp hiện nay chưa coi trọng vấn đề bảo vệ môi trường lao động nói riêng cũng như môi trường nói chung. Vì thế, khi chúng ta thực hiện tốt công tác ATVSLĐ cũng chính là chúng ta đã quan tâm đến nội dung bảo vệ môi trường. Các doanh nghiệp nên có các biện pháp xử lý các chất thải, đảm bảo sau khi chúng ta xử lý không gây ô nhiễm môi trường bên ngoài.

Vì thế, thực hiện tốt công tác ATVSLĐ sẽ mang lại nhiều ý nghĩa đối với mỗi người lao động, mà còn đối với doanh nghiệp, bên cạnh đó còn mang lại những lợi ích kinh tế cao cho toàn xã hội.

Ý nghĩa về mặt kinh tế:

Việc thực hiện công tác bảo hộ lao động có ý nghĩa kinh tế rất to lớn, đặc biệt trong đời sống và sản xuất.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của doanh nghiệp có diễn ra bình thường và thông suốt hay không điều này phụ thuộc rất nhiều vào nhận thức về công tác ATVSLĐ của người sử dụng lao động, người lao động trong chính doanh nghiệp đó.

Trong sản xuất, người lao động được bảo vệ tốt, giảm thiểu người lao động bị tai nạn, ốm đau, bệnh tật, họ sẽ an tâm tham gia vào sản xuất, nâng cao năng suất lao động, hoàn thành kế hoạch sản xuất. Do đó, công tác bảo hộ lao động chủ yếu nhằm

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

12

bảo vệ người lao động, góp phần đảm bảo thu nhập cá nhân và phúc lợi tập thể sẽ được tăng lên, điều kiện sống, vật chất và tinh thần ngày càng được cải thiện, làm tăng lợi nhuận của doanh nghiệp lên.

Và ngược lại, nếu công tác quản lý an toàn lao động – bảo hộ lao động không được thực hiện tốt thì các tai nạn lao động, cũng như bệnh nghề nghiệp sẽ ngày càng tăng lên. Từ đó, người phải nghỉ việc để điều trị, chữa lành những tai nạn gặp phải, ... Điều đó, làm giảm năng suất, tiến độ công việc của quá trình sản xuất, cũng như giảm lợi nhuận của doanh nghiệp.

Về phía người lao động, nếu công tác ATVSLĐ không đảm bảo, ảnh hưởng đến người lao động sẽ gây cho người lao động những tâm lý lo lắng, hoa g mang, không biết nơi mình làm việc liệu có nguy cơ tai nạn lao động nào đang rình rập hay không? Vì thế, sẽ ảnh hưởng rất nhiều vào sự tập trung và tính sáng tạo của người lao động trong khi thực hiện nhiệm vụ, công việc được giao. Điều này lại có ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của doanh nghiệp.

Cho nên việc thực hiện tốt công tác ATVSLĐ không chỉ mang lại lợi ích về kinh tế cho người lao động, cho doanh nghiệp mà nó còn là nền tảng vững chắc để đất nước cần phát triển hơn về mọi mặt.

1.1.3. Tính chất của công tác bảo hộ lao động

Để đạt được mục đích và ý nghĩa như trên, công tác BHLĐ có 3 tính chất sau:

1.1.3.1. Tính pháp lý

Thể hiện trong hiến pháp, trong các bộ luật, các nghị định, thông tư, chỉ thị,... (ví dụ: Luật lao động, các chế độ chính sách, quy phạm tiêu chuẩn của Nhà nước về bảo hộ lao động đã ban hành). Pháp luật về bảo hộ lao động được nghiên cứu, xây dựng nhằm bảo vệ con người trong lao động sản xuất, nó là cơ sở pháp lý bắt buộc các tổ chức Nhà nước, các tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế và mọi người tham gia lao động và sử dụng lao động phải có trách nhiệm nghiêm chỉnh thực hiện.

1.1.3.2. Tính khoa học kỹ thuật

Mọi hoạt động của công tác bảo hộ lao động đều xuất phát từ những cơ sở khoa học và biện pháp khoa học kỹ thuật nhằm loại trừ các yếu tố nguy hiểm và có hại đối với người lao động thông qua các hoạt động điều tra, khảo sát, phân tích và đánh giá

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

13

điều kiện lao động. Các biện pháp kỹ thuật an toàn, phòng chữa cháy, các biện pháp kỹ thuật vệ sinh xử lý ô nhiễm môi trường lao động, các phương tiện bảo vệ cá nhân,... đều phải ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến chuyên ngành hoặc tổng hợp nhiều chuyên ngành để phòng ngừa, hạn chế tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

1.1.3.3. Tính quần chúng

Tính chất quần chúng của công tác bảo hộ lao động thể hiện trên hai mặt là:

- Bảo hộ lao động có liên quan đến tất cả mọi người tham gia sản xuất. Họ là những người vận hành, sử dụng các dụng cụ, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu nên có thể phát hiện được thiếu sót trong công tác bảo hộ lao động, đề xuất các biện pháp có hiệu quả để loại bỏ những yếu tố có hại và nguy hiểm ngay tại chỗ làm việc trong quá trình sản xuất, góp ý xây dựng hoàn thiện các tiêu chuẩn quy phạm an toàn và vệ sinh lao động.

- Khi đã có những biện pháp khoa học kỹ thuật; các chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, quy phạm về bảo hộ lao động một cách đầy đủ nhưng mọi người (lãnh đạo, quản lý, người lao động và người sử dụng lao động) chưa thấy rõ lợi ích thiết thực tự giác chấp hành thì công tác bảo hộ lao động cũng không thể đạt hiệu quả. Cho nên, việc giác ngộ nhận thức cho tất cả mọi người tham gia lao động sản xuất hiểu rõ để thực hiện tốt và xây dựng công tác bảo hộ lao động là cần thiết.

1.2. Nội dung của công tác an toàn vệ sinh lao động

1.2.1. Tổng quan chung về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về ATVSLĐ

Các văn bản chính có quy định hoặc có liên quan đến công tác bảo hộ lao động, an toàn – vệ sinh lao động gồm:

1.2.1.1. Hiến pháp và hệ thống các Luật

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi mới nhất năm 2013.
- Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 ban hành ngày 18/6/2012 gồm 17 chương, 242 điều. Trong Bộ luật lao động có chương IX gồm 14 điều nói về an toàn lao động, vệ sinh lao động. Ngoài ra, trong các chương khác cũng có một số điều liên quan đến ATVSLĐ như Chương VII nói về thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi;

Chương X về những quy định riêng đối với lao động nữ; Chương XII về bảo hiểm xã hội;

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

14

Chương XVI về thanh tra lao động, xử lý vi phạm pháp luật về lao động,... Đây là văn bản pháp luật chủ yếu về BHLĐ ở nước ta.

- Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ban hành ngày 20/11/2014
- + Quy định chế độ bảo hiểm xã hội đối với tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- + Quy định chế độ thai sản, ốm đau, hưu trí, với quy định riêng cho người làm trong điều kiện môi trường nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
- + Quy định chế độ tử tuất.
- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ban hành ngày 29/6/2006 quy định về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trong việc đảm bảo an toàn, vệ sinh và sức khỏe người lao động.
- Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 21/LCT/HĐNN8 ban hành năm 1989 quy định trách nhiệm của con người sử dụng lao động trực tiếp chăm lo, bảo vệ, tăng cường sức khỏe cho người lao động.
- Luật Bảo vệ môi trường nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 55/2014/QH13 ban hành năm 2014 về quy oạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.
- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 ban hành ngày 22/11/2013 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy về trách nhiệm phòng cháy và chữa cháy của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

1.2.1.2. Hệ thống các văn bản của Chính Phủ và các Bộ, ngành chức năng

Căn cứ vào Bộ Luật lao động, một số hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn và vệ sinh lao động được ban hành, gồm các văn bản chính như:

- Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ Luật lao động.
- Nghị định số 06/CP ngày 20 tháng 01 năm 1995 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung điều của Bộ luật lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

- Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2002 của Chính Phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 06/CP quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

15

- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2007 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
- Nghị định số 47/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 05 năm 2010 của Chính Phủ quy định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật lao động
- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

1.2.1.3. Một số văn bản liên bộ

- Thông tư Số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ Lao Động – Thương Binh và Xã Hội Hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân.
- Thông tư Số 19/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Y Tế Hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.
- Thông tư Số 53/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao Động – Thương Binh và Xã Hội Ban hành Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.
- Thông tư Số 04/2017/TT-BXD ngày 30 tháng 03 năm 2017 của Bộ xây dựng Quy định về Quản lý An toàn lao động trong thi công xây dựng công trình
- Thông tư Số 19/2017/TT-BLĐTBXH ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã Hội Quy định chi tiết và Hướng dẫn thực hiện hoạt động huấn luyện An toàn lao động.
- Thông tư Số 26/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã Hội Quy định và hướng dẫn thực hiện chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.

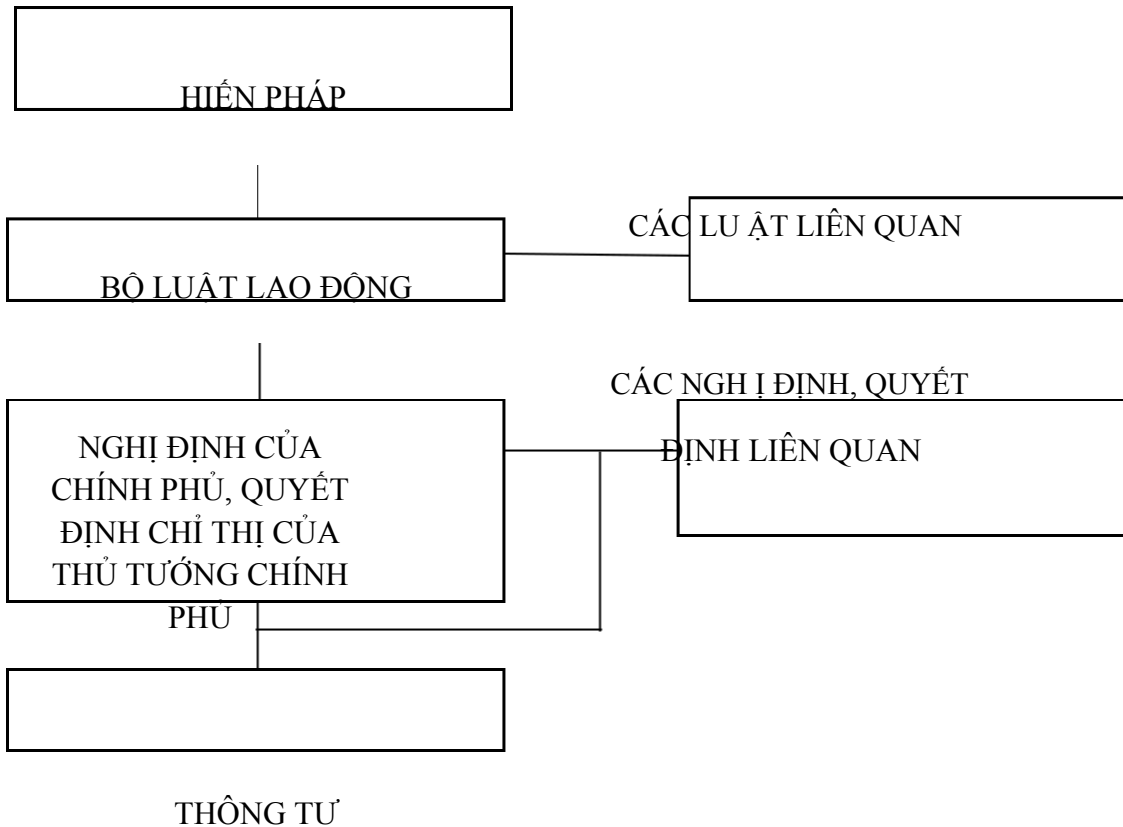
Ngoài ra, Nhà nước còn Ban hành hàng chục thông tư hướng dẫn, các chỉ thị về các nội dung cụ thể của công tác bảo hộ lao động, đã thúc đẩy mạnh công tác BHLĐ ở nước ta.

Các nội dung cơ bản được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn và vệ sinh lao động gồm có:

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

16

- Các chế độ, chính sách về bảo hộ lao động, bảo đảm an toàn – vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động.
 - + Chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân; bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật; bồi dưỡng, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
 - + Quản lý và chăm sóc sức khỏe người lao động tại nơi làm việc: khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp, chế độ dinh dưỡng,...
 - + Chế độ thời gian làm việc, thời giờ nghỉ ngơi
 - + Chế độ đặc thù cho người làm nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
 - + Chế độ bảo hộ lao động đặc thù cho lao động, lao động g c ưa thành niên, người lao động cao tuổi, lao động là người tàn tật,...



Hình 2.1. Mô hình hệ thống các văn bản pháp luật về ATVSLĐ

(Nguồn: Tài li ệu huấn luyện về an toàn – vệ sinh lao động, NXB Lao động – Xã h ội)

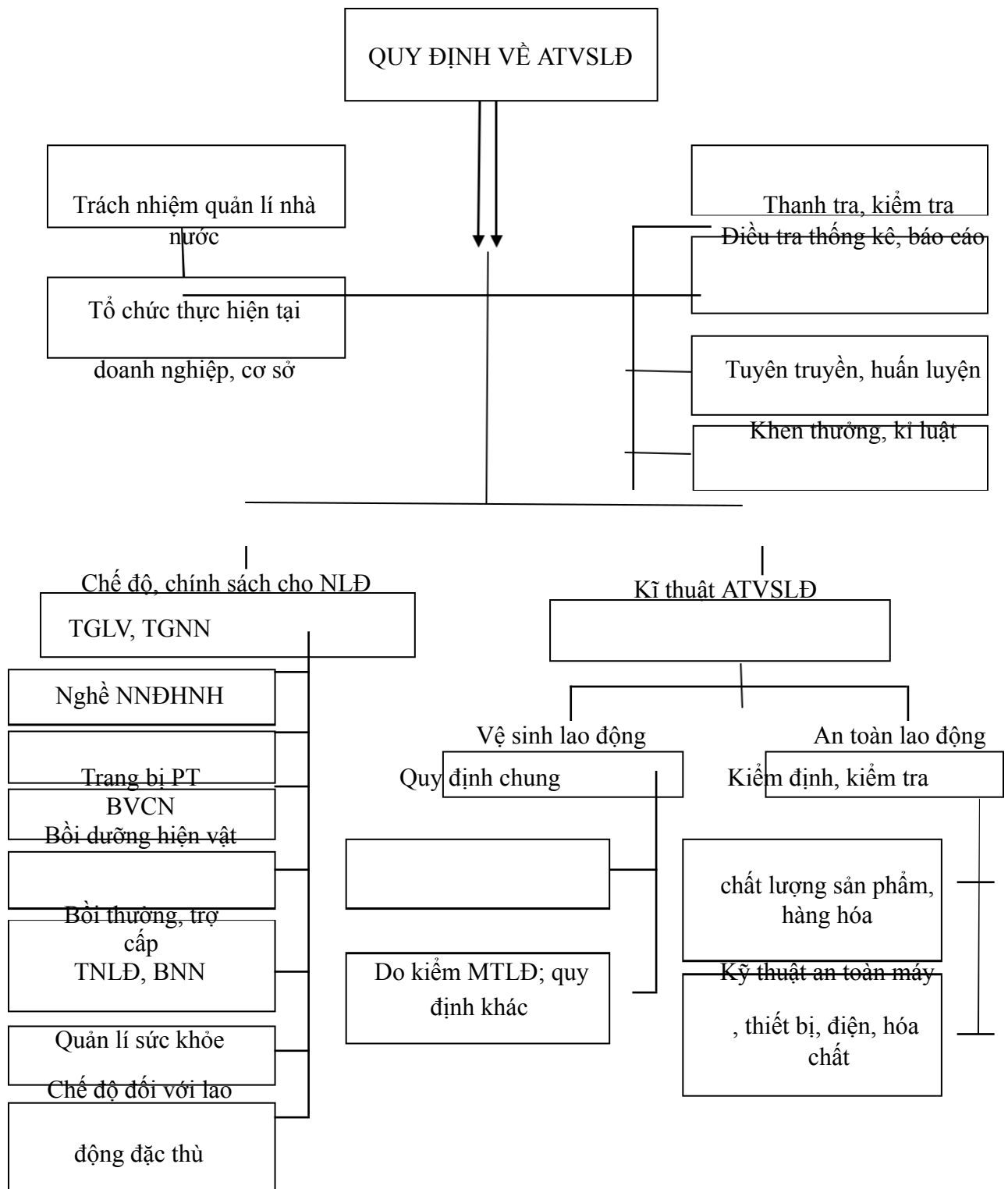
1.2.2. Các nội dung cơ bản về công tác an toàn – vệ sinh lao động

- Các quy định kỹ thuật về ATVSLĐ
 - + Tiêu chuẩn, quy chuẩn về vệ sinh môi trường lao động: tiêu chuẩn vệ sinh đối với từng yếu tố trong môi trường lao động như: ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm,...

- + Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn lao động
- + Quy rình kiểm định, quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

17



Hình 2.2. Các nội dung quy định về công tác ATVSLĐ

(Nguồn: Tài liệu huấn luyện về an toàn – vệ sinh lao động, NXB Lao động – Xã hội)

- Các quy định nhằm đảm bảo và thúc đẩy thực hiện công tác ATVSLĐ + Phân công trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước về ATVSLĐ

+ Hướng dẫn việc tổ chức thực hiện công tác ATVSLĐ cấp cơ sở (bao gồm cả

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

18

trách nhiệm và quyền hạn của người sử dụng lao động, người lao động).

- + Khai báo điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- + Thông tin về an toàn - vệ sinh lao động
- + Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về an toàn – vệ sinh lao động
- + Khen thưởng việc thực hiện tốt công tác an toàn – vệ sinh lao động

1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến công tác bảo hộ lao động

1.3.1. Các yếu tố có hại ảnh hưởng đến an toàn lao động

1.3.1.1. Yếu tố vệ sinh môi trường

Điều kiện môi trường lao động

Điều kiện lao động là tổng thể các yếu tố về kinh tế, xã hội, tổ chức, kỹ thuật, tự nhiên được phát sinh khi người lao động sử dụng các công cụ, phương tiện lao động tác động vào đối tượng lao động theo những quy trình công nghệ nhất định và sự tác động qua lại giữa chúng trong quá trình lao động sản xuất.

- Điều kiện lao động kém an toàn và môi trường sản xuất bị ô nhiễm sẽ đưa đến tai nạn lao động, có thể làm tổn thương bất kỳ bộ phận nào trên cơ thể con người, và ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động. Nguyên nhân chính của tình trạng trên xuất phát từ việc không phát hiện các nguy hiểm và ô nhiễm tại nơi làm việc, thiếu kiểm tra và xử lý triệt để những trường hợp nguy hiểm và ô nhiễm đang tồn tại trong môi trường lao động.

- Chỗ làm việc của công nhân phải di chuyển nhiều tùy theo chu vi và chiều cao của công trình tùy thuộc vào tiến trình xây dựng.

- Công việc nặng nhọc, khối lượng công việc lớn (công tác đất đai, bê tông, vận chuyển vật liệu,...) nhưng mức độ cơ giới hóa thi công còn thấp, phần lớn phải làm thủ công, tốn nhiều sức, năng suất lao động thấp, có nhiều yếu tố nguy hiểm.

- Quá trình thi công phần lớn phải tiến hành ở ngoài trời, nên công nhân phải chịu ảnh hưởng xấu của thời tiết, khí hậu như nắng gắt, mưa dầm, gió rét,..., điều kiện vệ sinh lao động không được đảm bảo.

- Có nhiều trường hợp công nhân phải làm việc trong môi trường ô nhiễm độc hại, có tiếng ồn, có nhiều bụi, rung động lớn, hơi khí độc (trong công tác bê tông, gia công cơ khí, sơn, trang trí,...)

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

19

Biện pháp phòng ngừa điều kiện môi trường lao động: Áp dụng các tiến bộ KHKT nhằm giúp công nhân thực hiện xây dựng nhanh chóng, rút ngắn thời gian thực hiện, đảm bảo sức khỏe, hạn chế đối việc phải làm trong điều kiện thời tiết xấu kéo dài; có những quy định, chế độ lao động thích hợp, khám sức khỏe định kỳ; tổ chức lao động, chế độ nghỉ ngơi hợp lý, trang bị đầy đủ đồ dùng BHLĐ; cập nhật dự báo thời tiết để có biện pháp chủ động phòng ngừa.

Tiếng ồn, rung động, phóng xạ và bức xạ

- Tiếng ồn

Trong quá trình thực hiện thi công, xây dựng công trình có nhiều loại việc sinh ra tiếng ồn và rung động. Tiếng ồn và rung động trong sản xuất là các tác hại nghề nghiệp nếu cường độ của chúng vượt giới hạn tiêu chuẩn cho phép.

Làm việc trong điều kiện có tiếng ồn dễ gây ác bệnh nghề nghiệp như hiện tượng mệt mỏi thính giác không khả năng hồi phục hoàn toàn về trạng thái bình thường, dẫn đến việc có thể gây ra các bệnh nặng tai và bệnh điếc; tác động đến hệ thần kinh, đau đầu, chóng mặt, cảm giác sợ hãi ay bực tức, trạng thái tâm thần không ổn định, trí nhớ giảm sút,...

- Rung động

Khi công nhân làm việc trong môi trường rung động với cường độ nhỏ và tác động ngắn thì rung động ảnh hưởng tốt cho cơ thể như tăng lực bắp thịt, làm giảm mệt mỏi,... Nhưng với cường độ lớn và tác dụng lâu thì sự rung động dẫn đến những biến chuyển khó chịu trong cơ thể. Khi công nhân thi công xây dựng công trình phải đối mặt với máy móc có độ rung động lớn có thể làm thay đổi sự hoạt động của tim, gây ra sự di lệch các nội tạng trong ổ bụng, làm rối loạn tuyến sinh dục nam và nữ; có thể gây ảnh hưởng đến tuyến giáp trạng, gây chấn động cơ quan tiền đình và làm rối loạn chức năng giữ thăng bằng của cơ quan này; rung động lâu ngày gây nên bệnh đau xương, viêm khớp, vôi hóa các khớp và vỏ thể phát triển thành bệnh rung động nghề nghiệp.

- Phóng xạ và bức xạ

+ Phóng xạ:

Là dạng đặc biệt của bức xạ. Tia phóng xạ phát ra do sự biến đổi bên trong hạt nhân nguyên tử của một số nguyên tố và khả năng iôn hoá vật chất. Những nguyên

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

20

tổ đó gọi là nguyên tố phóng xạ, các tia phóng xạ gây tác hại đến cơ thể người lao động dưới dạng: gây nhiễm độc cấp tính hoặc mãn tính; rối loạn chức năng của thần kinh trung ương, nơi phóng xạ chiếu vào bị bỏng hoặc rộp đỏ, cơ quan tạo máu bị tổn thương gây thiếu máu, vô sinh, ung thư, tử vong.

+ Nguồn bức xạ:

Mặt trời phát ra bức xạ hồng ngoại, tử ngoại, hồ quang, hàn cắt kim loại, nắn đúc thép phát ra bức xạ tử ngoại, người ta có thể bị say nắng, giảm thị lực (do bức xạ hồng ngoại), đau đầu, chóng mặt, giảm thị lực, bỏng (do bức xạ tử ngoại) và dẫn đến tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Biện pháp: Trang bị đồ dùng BHLĐ như tai nghe chống ồn, đồ dung bảo vệ thân thể, môi trường làm việc chống tia bức xạ và phóng xạ,...

Các hóa chất độc hại.

Hóa chất ngày càng được dùng nhiều trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản như: Asen, Crom, Benzen, rượu, các khí bụi, các dung dịch axit, bazơ, kiềm, muối, các phế liệu, phế thải khó phân hủy. Hóa chất độc có thể ở trong trạng thái rắn, lỏng, khí, bụi...tùy theo điều kiện nhiệt độ và áp suất, hóa chất độc có thể gây ảnh hưởng tới người lao động dưới dạng nhiễm độc cấp tính, nhiễm độc mãn tính. Hóa chất độc thường được phân loại thành các nhóm sau:

- Nhóm 1: Chất gây bỏng kích thích da như Axit đặc, Kiềm...
- Nhóm 2: Chất kích thích đường hô hấp như Clo, amoniác, SO₃,...
- Nhóm 3: Chất gây ngạt như các oxit cacbon (CO₂, CO), mê tan (CH₄)...
- Nhóm 4: Tác dụng lên hệ thần kinh trung ương như H₂S (mùi trứng thối), xăng...
- Nhóm 5: Chất gây độc cho hệ thống cơ thể như hydrocacbon các loại (gây độc cho nhiều cơ quan), benzen, phenol, chlordane, asen Khi tiếp xúc với hóa chất độc, người lao động có thể bị nhiễm độc qua đường tiêu hóa, đường hô hấp hoặc qua da. Trong đó, theo đường hô hấp là nguy hiểm nhất và chiếm tới 95% trường hợp nhiễm độc. Chất độc thâm nhập vào cơ thể và tham gia các quá trình sinh hóa có thể đổi

thành chất không độc, nhưng cũng có thể biến thành chất độc hơn. Một số chất độc xâm nhập vào cơ thể và tích tụ lại. Chất độc cũng có thể được thải ra khỏi cơ thể qua da, hơi thở, nước tiểu, mồ hôi, qua sữa... tùy theo tính chất của mỗi loại hóa chất.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

21

Biện pháp phòng ngừa: Tập huấn cho người lao động hiểu biết về tác hại của các chất độc có trong sản xuất, biện pháp an toàn, kỹ năng kiểm soát, thay thế công nghệ lạc hậu bằng công nghệ tiên tiến, tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động trực tiếp phải tiếp xúc với chất độc hại, trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân.

Các yếu tố vi sinh vật có hại.

Một số nghề người lao động phải tiếp xúc với vi sinh vật gây bệnh, vi khuẩn, siêu vi khuẩn, ký sinh trùng, cùn trụng, nấm mốc như các nghề: chăn nuôi, sát sinh, chế biến thực phẩm, người làm vệ sinh đô thị, người làm lâm nghiệp, nông nghiệp, người phục vụ tại các bệnh viện, khu điều trị, điều dưỡng phục hồi chức năng, các nghĩa trang...

1.3.1.2. Các yếu tố bất lợi về tư thế lao động

- Di chuyển nhiều trong khi làm việc.

Trong quá trình làm việc có nhiều người lao động do đặc thù công việc phải di chuyển nhiều trong khi làm việc. Trong không gian làm việc chật hẹp làm người lao động có thể di chuyển khó khăn.

Biện pháp phòng ngừa: Thiết kế, bố trí nơi làm việc sao cho khoảng cách di chuyển của người lao động là ngắn nhất, không gian làm việc đủ rộng để người lao động dễ dàng di chuyển.

- Làm việc trên cao hay làm việc dưới nước nên khó thao tác.

Với đặc thù công việc thì có nhiều người làm việc trong môi trường trên cao hay dưới nước đòi hỏi họ phải có kỹ năng cũng như những kiến thức cơ bản phục vụ cho công việc

Biện pháp phòng ngừa: Kiểm tra sức khỏe thường xuyên, huấn luyện kỹ năng đặc trưng cho từng ngành nghề phù hợp với công việc.

- Tư thế làm việc gò bó, không gian làm việc chật hẹp.

Trong quá trình làm việc người lao động phải giữ mãi một tư thế để khỏi ảnh hưởng đến sản xuất là tư thế bất buộc. Hoặc do môi trường làm việc trong không gian chật hẹp buộc người lao động phải giữ yên vị trí làm việc.

Biện pháp phòng ngừa: Môi trường làm việc thoáng mát, có đủ không gian đi lại cũng như không gian thoải mái cho người lao động làm việc; huấn luyện cho người

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

22

lao động nâng cao nhận thức về tư thế làm việc sao cho tự bảo vệ bản thân, tổ chức khám định kì sớm cho người lao động.

1.3.1.3. Các yếu tố bất lợi về tổ chức, bố trí nơi làm việc

- Bố trí, sắp xếp máy, thiết bị không khoa học.

Cách bố trí, sắp xếp máy, thiết bị không khoa học dẫn tới môi trường làm việc không khoa học từ đó phát sinh nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả lao động của người lao động.

Biện pháp: Bố trí nơi làm việc sao cho hợp lí, thoáng mát, bố trí máy móc, thiết bị phù hợp với quy trình sản xuất cũng như tiện lợi cho người lao động làm việc.

- Bố trí, sắp xếp người lao động không đúng chuyên môn nghiệp vụ.

Mỗi người lao động đều có kĩ năng cũng như trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, vì vậy việc bố trí công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ của người lao động giúp nâng cao hiệu quả cũng như tạo hứng thú trong công việc của người lao động.

1.3.1.4. Các yếu tố bất lợi về tâm, sinh lí lao động

- Căng thẳng thần kinh tâm lí và mệt mỏi hệ thần kinh trung ương.

Để tạo ra năng suất lao động tốt nhất thì người lao động phải luôn luôn được thoải mái trong công việc, có chế độ làm việc và nghỉ ngơi hợp lý.

- Căng thẳng thị giác trong khi làm việc

Việc sử dụng thị giác quá sức dẫn đến căng thẳng làm cho người lao động cảm thấy mệt mỏi, đau nhức rồi ảnh hưởng đến chất lượng cũng như năng suất lao động.

1.3.2. Các yếu tố nguy hiểm ảnh hưởng đến an toàn lao động

1.3.2.1. Các bộ phận truyền động

Tuyền động bằng dây cu roa, bánh răng xe răng, ma sát....có nguy cơ làm một bộ phận cơ thể người, thậm chí cả cơ thể người bị cuốn vào....

1.3.2.2. Các bộ phận chuyển động của máy

Chuyển động quay, chuyển động thẳng ... có nguy cơ làm một bộ phận cơ thể người bị va đập hay cuốn vào...

1.3.2.3. Vật văng bắn

Vật gia công bị văng bắn, mảnh đá mài của máy mài bị vỡ, răng cưa đĩa bị mẻ... có nguy cơ làm cho một bộ phận của người lao động đang làm việc hoặc người khác đang hoạt động trong vùng nguy hiểm có thể bị chấn thương.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

23

1.3.2.4. Vật rơi, vật đổ, vật sập

Đứt dây khi đang cầu vật liệu, cầu kiện; vật liệu, cầu kiện rơi khi chằng, buộc không chặt, xếp quá đầy; vật liệu, dụng cụ, rơi trong khi đang làm việc ở trên cao;... có nguy cơ làm cho một bộ phận cơ thể người, thậm chí cả cơ thể người bị chấn thương, bị vùi lấp, hoặc bị đè bẹp...

1.3.2.5. Dòng điện

Vi phạm khoảng cách an toàn lưới điện cao thế, ngắn mạch, chập mạch khi thao tác, thao tác nhầm khi ngắn mạch, chập mạch,... có nguy cơ làm cho một bộ phận cơ thể người có thể bị tổn thương bị cháy hoặc bị bỏng hoặc người bị nạn bị tê liệt hô hấp, tim ngừng đập.

1.3.2.6. Các ngu ồn nhiệt và sự phát sinh nhiệt

Hậu quả của cháy, hậu quả của nổ hóa chất, hậu quả của chập điện, vỡ văng, bắn vào người,... có nguy cơ làm cho một bộ phận hoặc một phần lớn cơ thể có thể bị cháy, bỏng nóng, bỏng lạnh, cảm nóng, cảm lạnh, say nóng.

1.3.2.7. Nổ vật lý

Vỏ thiết bị bị rạn nứt, phồng, móp, bị mòn trong quá trình sử dụng mà không kịp thời phát hiện, bị đốt nóng quá mức, áp suất bên trong bị tăng quá mức do sai sót trong vận hành... có nguy cơ làm cho cơ thể người có thể bị cháy bởi nhiệt của sự nổ, bị phá hủy bởi áp lực các sự nổ, nhà xưởng, công trình bị phá hủy..

1.3.2.8. Nổ hóa học

Bảo quản không phù hợp, vận chuyển không phù hợp, pha trộn hóa chất ở thể lỏng sai qui trình... có nguy cơ làm cho cơ thể hoặc một phần cơ thể bị cháy do nhiệt, bị hủy hoại do sức ép, nhà xưởng, tài sản bị cháy, bị phá hủy.

1.3.2.9. Nổ vật liệu (nổ bởi các chất nổ)

Do con người điều khiển chủ động cho nổ theo ý muốn, do sai sót trong vận chuyển, do sai sót trong bảo quản, do sai sót trong sử dụng có nguy cơ làm cho cơ thể người bị cháy bởi nhiệt, bị hủy hoại bởi áp lực, tài sản công trình bị phá hủy.

1.4. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công tác bảo hộ lao động tại doanh nghiệp

- Dựa vào năng suất lao động

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

24

Mỗi công việc khác nhau đòi hỏi người lao động phải sử dụng năng lực, khả năng của bản thân để hoàn thành công việc một cách tốt nhất. Trong quá trình lao động mỗi bản thân người lao động phải chịu sự chi phối bởi nhiều yếu tố và yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến năng suất lao động đó là công tác bảo hộ lao động, ATVSLĐ cho các ngành công việc đặc thù. Công tác bảo hộ lao động, ATVSLĐ có thể là cải thiện điều kiện lao động, trang bị những đồ dùng thiết yếu để chăm sóc cá nhân người lao động, chú trọng đến môi trường làm việc của người lao động từ đó không ngừng nâng cao năng suất lao động.

- Dựa vào hệ số “tần suất tai nạn lao động K”

Hệ số K là tỷ số giữa các tai nạn lao động xảy ra trong một khoảng thời gian điều tra (thường là một năm hay một quý) với số người làm việc bình quân trong khoảng thời gian đó tính trên 1000 người lao động, K tức là:

$$K = \frac{S}{N} \cdot 1000$$

Trong đó

K là tần suất tai nạn lao động

S là số tai nạn lao động xảy ra trong thời gian thống kê.

N là số người làm việc bình quân hằng ngày trong thời gian thống kê.

Thông qua phân tích hệ số K mà các nhà chuyên môn trong lĩnh vực này có thể đánh giá được tình hình tai nạn lao động ở một doanh nghiệp, đơn vị, địa phương hoặc một ngành, một quốc gia, cao hay thấp, tăng hay giảm.

Nếu $K = 0$ tức là việc bảo hộ lao động tại công ty, doanh nghiệp đang thực hiện hiệu quả. Nếu $K > 0$ thì doanh nghiệp phải không ngừng hoàn thiện cũng như tìm ra những biện pháp, cách khắc phục giúp giảm thiểu tối đa tai nạn lao động.

- Dựa vào việc chăm sóc sức khỏe cho người lao động

Trong quá trình làm việc tại doanh nghiệp người lao động thường xuyên được kiểm tra sức khỏe định kỳ. Trong thời gian đó, khi người lao động có sức khỏe yếu hơn có thể là do bên trong bản thân người lao động và cũng có thể là do môi trường làm việc ảnh hưởng đến sức khỏe của họ. Vì vậy, việc đảm bảo môi trường làm việc

tốt, và hơn hết là công tác bảo vệ lao động được thực hiện một cách có hiệu quả sẽ giúp cho họ yên tâm hơn để lao động sao cho có hiệu quả nhất.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

25

- Dựa vào sự phát triển, tiến bộ khoa học kỹ thuật tại doanh nghiệp

Việc tham gia vào quá trình lao động ngoài người lao động thì còn có máy móc, việc giảm thiểu tai nạn lao động cũng một phần lớn nhờ đóng góp của việc phát triển khoa học kỹ thuật, việc người lao động hiểu rõ và sử dụng công cụ lao động hiệu quả cũng góp phần nâng cao năng suất lao động và giảm thiểu tối đa tai nạn lao động.

1.5. Tình hình quản lý an toàn lao động tại Việt Nam và trên Thế Giới

1.5.1. Tình hình quản lý an toàn lao động tại Việt Nam

Theo báo cáo của 62/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2017 trên toàn quốc đã xảy ra 8.956 vụ tai nạn lao động (TNLĐ) làm 9.173 người bị nạn (bao gồm cả khu vực có quan hệ lao động và khu vực người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động) trong đó:

Số vụ TNLĐ chết người: 898 vụ

Số vụ TNLĐ có hai người bị nạn trở lên: 101 vụ

Số người chết: 928 người

Số người bị thương nặng: 1.915 người

Nạn nhân là lao động nữ: 2.727 người

- So sánh tình hình TNLĐ năm 2017 so với năm 2016:

Bảng 2.1. Tình hình TNLĐ năm 2017 và năm 2016

TT	Chỉ tiêu thống kê	Năm 2016	3	Số vụ có người chết	655
			4	Số người chết	711
1	Số vụ	7.580	5	Số người bị thương nặng	1.855
			6	Số lao động nữ	2.291
2	Số nạn nhân	7.800	7	Số vụ có 2 người bị nạn trở lên	95

Năm 2017	Tăng/giảm	Tỷ lệ Tăng/ giảm (%)
7.749	+161	2,1
7.907	+101	1,3
648	-7	-1,1
666	-45	-6,3
1.681	-174	-9,4
2.317	+26	1,1
70	-25	-26,3

(Nguồn: antoanlaodong.gov.vn)

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

26

Năm 2017, trong khu vực có quan hệ lao động số nạn nhân là lao động nữ tăng 1,1 %, số vụ TNLĐ tăng 2,1 %, tổng số nạn nhân tăng 1,3 %. Bên cạnh đó, số người chết giảm 6,3 %, số vụ có người chết giảm 1,1 %, số người bị thương nặng giảm 9,4%. Số vụ có từ 02 nạn nhân trở lên giảm 26,3 %.

** Tình hình quản lý an toàn lao động trên địa bàn Thừa Thiên Huế*

Trong năm 2016, Ban chỉ đạo Tuần lễ Quốc gia về An toàn, vệ sinh lao động – Phòng chống cháy nổ tỉnh đã tổ chức Lễ phát động Tuần lễ Tuần lễ Quốc gia về An toàn, vệ sinh lao động – Phòng chống cháy nổ lần thứ 18, năm 2016 với sự tham gia của hơn 1.200 cán bộ, công nhân viên chức và người lao động, đại diện cơ quan lực lượng lao động và các doanh nghiệp trong tỉnh; đã triển khai Tuần lễ tại các huyện, thị xã, thành phố, khu công nghiệp, khu kinh tế, các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh,...

Bên cạnh đó, lực lượng liên ngành đã thường xuyên tổ chức thanh, kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Về quản lý sức khỏe, có 65% tổng số cơ sở đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

Công tác tuyên truyền về an toàn, vệ sinh lao động được triển khai thực hiện rộng rãi và thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Trong năm 2016, Thừa Thiên Huế cũng đã tổ chức 13 lớp huấn luyện về công tác an toàn, vệ sinh lao động cho cán bộ quản lý cấp huyện, xã, người sử dụng lao động trong doanh nghiệp, cán bộ làm công tác chuyên môn và người lao động với 585 người tham gia; 5 lớp huấn luyện cho người lao động không có quan hệ lao động với 250 người tham dự tại 5 huyện. Hướng dẫn, thẩm định cho các đơn vị dịch vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, các doanh nghiệp tổ chức 133 lớp với 11.891 người tham gia.

Mạng lưới an toàn vệ sinh viên ngày càng phát triển. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế có hơn 3.600 an toàn vệ sinh viên.

Nhìn chung, công tác an toàn, vệ sinh lao động năm 2016 tại tỉnh Thừa Thiên Huế đã có những chuyển biến đáng kể. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đã thực sự quan tâm đúng mức về cải thiện điều kiện lao động, quản lý chặt chẽ, nhiều

sáng kiến cải tiến kỹ thuật được áp dụng vào thực tế sản xuất, đã góp phần giảm thiểu tác động môi trường, hạn chế tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

Tuy nhiên công tác trên vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tồn tại hạn chế nhất định. Trong năm 2016, toàn tỉnh Thừa Thiên Huế đã xảy ra 40 vụ tai nạn lao động, trong đó có 7 vụ làm 7 người chết, tăng 3 người so với năm 2015; xảy ra 104 vụ cháy, tăng 72 vụ, gây thiệt hại kinh tế ước tính trên 13 tỷ đồng.

Mục tiêu trong năm 2017 của tỉnh Thừa Thiên Huế là giảm 5% tần suất tai nạn lao động; đảm bảo 100% vụ tai nạn lao động được điều tra và xử lý theo đúng quy định; tăng 5% số cơ sở tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, tăng 5% người lao động được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp,...

1.5.2. Tình hình quản lý an toàn lao động trên Thế Giới

Theo ước tính của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), trên thế giới, mỗi ngày có khoảng 6.400 người chết do tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, 860 nghìn người bị thương khi làm việc. Gánh nặng do thương tích, ốm đau, tử vong dẫn đến những thiệt hại nặng nề về con người và kinh tế, đặt ra nhu cầu bức thiết về việc đầu tư thỏa đáng vào công tác an toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ) ở cấp quốc tế, quốc gia và cấp doanh nghiệp.

Theo thống kê của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), hàng năm những tai nạn và những bệnh liên quan đến lao động làm thiệt mạng khoảng 1,1 triệu người trên thế giới, tương đương số người chết do sốt rét.

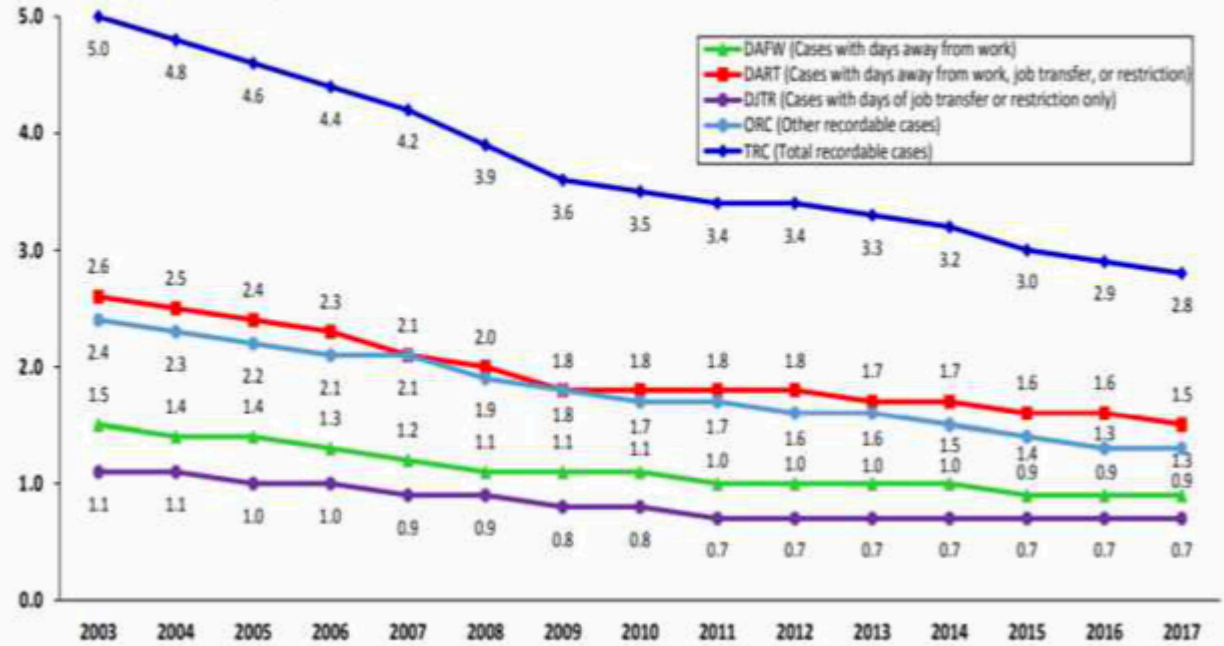
Cụ thể, theo Bộ lao động của Hoa Kỳ (United States Department of Labor), Cục thống kê lao động Hoa Kỳ (the U.S. Bureau of Labor Statistics) thống kê có khoảng 2,8 triệu vụ thương tích và bệnh tật do người lao động tự nhân báo cáo trong năm 2017; xảy ra với tỷ lệ 2,8 trường hợp trên 100 công nhân làm việc đủ thời gian (full – time equivalent (FTE) workers). Các nhà tuyển dụng công nghiệp tự nhân báo cáo gần 45.800 trường hợp bị thương và các trường hợp bệnh không bị tử vong trong năm 2017 so với một năm trước đó, theo ước tính từ cuộc điều tra về thương tích và bệnh tật nghề nghiệp (the Survey of Occupational Injuries and Illnesses – SOII).

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

28

Chart 1. Nonfatal occupational injury and illness incidence rates by case type, private industry, 2003-17

Incidence rates per 100 full-time equivalent workers



Tổn thương nghề nghiệp không gây tử v

– 2017.



Tỷ lệ

(DAFW),

(DJTR), và các trường hợp

khác (ORC) là không thay đổi so với năm ngoài.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

29

Tỷ lệ đối với trường hợp DJTR đã duy trì ở mức 0,7 trường hợp trên 100 công nhân làm việc đủ thời gian (FTE) kể từ năm 2011.

Gần một phần ba tai nạn lao động không tử vong và mắc bệnh dẫn đến những ngày nghỉ việc kéo dài.

Trong số 19 ngành công nghiệp tư nhân, chỉ sản xuất, tài chính và bảo hiểm mới có những thay đổi đáng kể về tỷ lệ thương tích và bệnh tật không theo quy định trong năm 2017 - mỗi trường hợp giảm 0,1 trường hợp trên 100 công nhân làm việc đủ thời gian (FTE) so với năm 2016.

1.6. Các nghiên cứu về lĩnh vực bảo hộ lao động tại các doanh nghiệp trong nước trước đây

1.6.1. Chuyên đề tốt nghiệp của sinh viên Nguyễn Cảnh Đăng với đề tài “Nâng cao hiệu quả công tác Bảo hộ lao động tại nhà máy thuốc lá Thăng Long”

Đánh giá chung về tình hình thực hiện công tác bảo hộ lao động tại nhà máy thuốc lá Thăng Long.

Nhà máy đã thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước về công tác bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ đã được ban lãnh đạo nhà máy quan tâm và có sự phối hợp chặt chẽ với công đoàn trong việc phổ biến tuyên truyền và huấn luyện về kỹ thuật an toàn vệ sinh lao động-phòng chống cháy nổ. Các chế độ chính sách bảo hộ lao động được nhà máy thực hiện nghiêm túc và có sự giám sát thực hiện pháp luật lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động đã quán triệt được vị trí, vai trò, nội dung của công tác bảo hộ lao động.

Hội đồng bảo hộ lao động của nhà máy đã thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị và bố trí cán bộ kỹ thuật chuyên trách làm công tác an toàn theo thông tư liên tịch số 14 của Bộ lao động TBXH-BYT-TLĐLĐ Việt Nam, xây dựng chỉ tiêu thi đua, có quy định thưởng phạt rõ ràng.

Công đoàn nhà máy cũng tích cực tham gia với chuyên môn thực hiện đầy đủ chính sách với người lao động, kiểm tra giám sát đối với việc thực hiện công tác

ATVSLĐ- PCCN và duy trì đẩy mạnh hoạt động của công đoàn và ban an toàn lao động vệ sinh công nghiệp.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

30

Công tác bảo vệ lao động đã được Đảng ủy Nhà máy, Ban giám đốc, công đoàn nhà máy luôn quan tâm tạo mọi điều kiện, để đảm bảo cho mọi thiết bị sản xuất và con người. Thường xuyên giáo dục, nâng cao ý thức và trách nhiệm cho người lao động, coi công tác bảo vệ lao động là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, gắn liền với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, chấp hành và thực hiện tiêu chuẩn quy trình kỹ thuật an toàn - phòng chống cháy nổ, đầu tư thêm và đổi mới công nghệ sản xuất, do đó cải thiện điều kiện lao động và góp phần giảm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong sản xuất, tăng năng suất lao động. Đặc biệt, trong những năm qua đời sống của công nhân lao động ngày càng được nâng cao lẫn vật chất với tinh thần nhà máy ngày càng phát triển.

Tồn tại

Trong những năm qua nhà máy đã đạt được nhiều thành tích vẻ vang, mang lại uy tín cho nhà máy, tuy nhiên trong nhà máy vẫn còn một số điểm cần phải khắc phục:

- Nhà máy vẫn còn nhiều thiết bị công nghệ cũ, năng suất lao động không cao gây ra một số yếu tố không tốt ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động
- Hầu hết các phân xưởng đều có điều kiện vi khí hậu tốt nhưng riêng khu vực lò hơi có nhiệt độ cao hơn tiêu chuẩn cho phép.
- Tại một số công đoạn còn phát sinh nhiều bụi như:
 - + Khu vực máy mài của phân xưởng bao mền.
 - + Khu vực máy cuốn điếu.

❖ Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ lao động tại nhà máy thuốc lá Thăng Long.

Vì sức khỏe và tính mạng của người lao động trong quá trình sản xuất mà nhà máy luôn phải quán triệt, thực hiện đầy đủ về công tác BHLĐ -ATVSLA-PCCN. Mục tiêu của nhà máy đặt ra là: hằng năm giảm tỉ lệ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, Tuy nhiên, trước những yêu cầu ngày càng đa dạng của thị trường tiêu thụ, không có gì là tuyệt đối hoàn hảo. Do vậy, việc không ngừng tăng cường, hoàn thiện công tác bảo vệ lao động là hết sức cần thiết. Các giải pháp hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng

ong cơ thể, quy định của Nhà nước nhưng cũng phải phù hợp với đặt điểm của nhà máy với hiệu quả cao nhất.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

31

Từ những kiến thức học tập và nghiên cứu trên cơ sở yêu cầu đặt ra cộng với kết quả tìm tòi, học hỏi tại đơn vị thực tập, em xin mạnh dạn đề xuất một số biện pháp về nâng cao công tác bảo hộ lao động tại nhà máy.

- Tăng cường tổ chức công đoàn chỉ đạo quản lý nhà máy về công tác bảo hộ lao động.

- Công tác bảo hộ lao động là công tác hàng đầu, đặc biệt quan tâm, nó phục vụ trực tiếp cho sản xuất và không thể tách rời sản xuất. Chính vì vậy, công tác bảo hộ nhà máy quan tâm và thực hiện theo chủ trương “ An toàn để sản xuất , sản xuất phải an toàn”.

- Nghiên cứu công tác bảo hộ lao động là công việc phức tạp , khó khăn đòi hỏi sự nỗ lực của toàn thể cán bộ quản lý của nhà máy. Để làm tốt công tác bảo hộ lao

động thì nhà máy cần thành lập một biện pháp chuyên trách về công tác bảo hộ lao động để thường xuyên nghiên cứu kiểm tra, thống kê về quá trình thực hiện công tác bảo hộ lao động. Những cán bộ nghiên cứu công tác bảo hộ lao động là những người có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và có nhiều kinh nghiệm, có kiến thức và có hiểu biết sâu sắc về công tác bảo hộ lao động và có nhiệm vụ:

+ Thu nhập, phân tích và xử lý thông tin về tình hình tai nạn, bệnh nghề nghiệp của cán bộ nhân viên trong nhà máy.

+ Căn cứ vào tình hình biến động về công tác bảo hộ lao động để đưa ra những biện pháp hợp lý, giúp người lao động luôn đảm bảo sức khỏe và an toàn.

Tổ chức Công đoàn và bộ phận cán bộ quản lý nhà máy là người trực tiếp đưa ra các biện pháp phòng ngừa, hạn chế các vụ tai nạn lao và bệnh nghề nghiệp, và cũng là người trực tiếp chỉ đạo thực hiện công tác bảo hộ lao động xuống các đơn vị, các cơ sở nên cần luôn tăng cường công tác lãnh đạo, cán bộ quản lý nhà máy. Hiện nay nhà máy đã thành lập được Hội đồng về công tác bảo hộ lao động nên việc thực hiện công tác bảo hộ nhà máy luôn đầy đủ, kịp thời.

- Biện pháp thường xuyên thực hiện tuyên truyền, giáo dục về công tác bảo hộ lao động:

Tuyên truyền và giáo dục bảo hộ lao động là một yêu cầu thường xuyên đối với các doanh nghiệp. Với nhà máy thuốc lá Thăng Long thì công tác này phải được thực

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

32

hiện thường xuyên đối với các doanh nghiệp. Với nhà máy thu ốc lá Thăng Long thì công tác này được thực hiện thường xuyên và ngày càng ph ả i đi vào chiều sâu. Hằng năm cần phải đào tạo, huấn luyện cho những công nhân mới được tuyển vào làm việc về kỹ thuật an toàn bảo hộ lao động. Đối với công nhân công thay đổi nghề làm việc, khi làm nghề mới phải được huấn luyện và đào tạo lại. Đối với công nhân làm nghề nguy hiểm: điện, hàn điện, hàn hơi, vận hành nồi hơi, thiết bị chịu áp lực... cần ph ả i được huấn kỹ càng, có sát h ạch kiểm tra cấp theo quy định của nhà nước. Hằng năm nhà máy c ần mở các lớp huấn luyện về công tác an toàn lao động cho toàn hệ cán bộ công nhân viên.

Để có thể thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục về công tác b ẢO HỘ LAO ĐỘNG nhà máy c ần:

+ Trang bị cho cán bộ công nhân viên ở bộ phận ông đoàn, nhất là nhân viên phụ trách về công tác tuyên truyền, giáo dục những kiến thức nhất định về lý thuyết tuyên truyền giáo dục.

+ Quán triệt một cách sâu sắc về những kiến thức tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ công nhân viên nhà máy.

+ Tổ chức các buổi nói chuyện, giao lưu, tìm hiểu mở các cuộc thi hiểu biết về công tác tuyên truyền, huấn luyện trong nhà máy.

+ Phối hợp một cách đồng bộ các chính sách của công tác b ẢO HỘ LAO ĐỘNG, đưa ra một hệ thống biện pháp cụ thể về tuyên truyền, giáo dục đi liền với các chính sách, chế độ của công tác b ẢO HỘ LAO ĐỘNG.

+ Kết hợp với các cơ quan chuyên ngành về tuyên truyền huấn luyện ngoài nhà máy, mời về giảng dạy cho cán bộ công nhân viên nhà máy.

+ Tổ chức công đoàn triển khai nhiều đợt về tuyên truyền nghiên cứu bộ luật lao động về an toàn, vệ sinh lao động cho công nhân nhà máy. Tổ chức các cuộc thi về an toàn vệ sinh giỏi trong nhà máy.

- Cải thiện điều kiện làm việc, ngăn ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Điều kiện làm việc là các yếu tố rất cần thiết cho quá trình sản xuất. Nó vừa

đảm bảo chất lượng sản phẩm của nhà máy, đồng thời bảo đảm an toàn, sức khỏe cho doanh nghiệp lao động. Để bảo vệ cho người lao động khỏi bị tác động bởi các yếu tố

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

33

nguy hiểm nảy sinh trong lao động thì nhà máy cần thực hiện một số biện pháp về kỹ thuật an toàn vệ sinh lao động như sau:

+ Trang bị thiết bị che chắn, thiết bị bảo hiểm phân xưởng, phòng ngừa và cách ly người lao động đối với vùng nguy hiểm, ngăn chặn tác động xấu do sự cố gây ra của quá trình sản xuất như: quá tải, bộ phận chuyển động đã chuyển động quá giới hạn, nhiệt độ cao quá, thấp quá, cường độ dòng điện cao quá...

+ Trang bị hệ thống tín hiệu, báo hiệu để nhắc người lao động tránh những nguy hiểm.

+ Quy định khoảng cách giữa người lao động và phương tiện, thiết bị máy móc.

+ Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân. Ngoài các loại thiết bị và biện pháp bảo vệ: bao che, bảo hiểm tín hiệu, khoảng cách an toàn... nhằm ngăn ngừa chống ảnh hưởng đến các yếu tố nguy hiểm do quá trình sản xuất sinh ra đối với người lao động.

+ Phòng cháy chữa cháy: nhằm bảo đảm tài sản của nhà máy, tính mạng của người lao động. Vì thế để phòng cháy chữa cháy tốt trong nhà máy cần phải thực hiện một số biện pháp từ tuyên truyền giáo dục đến biện pháp kỹ thuật, biện pháp hành chính. Cần thực hiện ngay từ khi thiết kế thi công như lựa chọn vật liệu xây dựng như: tường ngăn cháy lối thoát nạn, hệ thống nước chữa cháy...

Ngoài những biện pháp trên về kỹ thuật an toàn trong sản xuất nhà máy cần phải thực hiện một số biện pháp vệ sinh lao động nhằm cải thiện môi trường làm việc của người lao động.

+ Khắc phục điều kiện vi khí hậu ở khu vực lò hơi: cơ giới hóa, tự động hóa, lắp các hệ thống gió, lắp điều hòa nhiệt độ, giảm thiểu khí độc ở các đơn vị sản xuất

+ Chống bụi trong các phân xưởng sản xuất; sử lý bằng thông gió cục bộ và sử dụng các phương tiện bảo vệ cá nhân.

+ Chống tiếng ồn cá nhân cho công nhân, lắp các thiết bị máy móc phải đảm bảo chất lượng, thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng, thực hiện các biện pháp cách ly và triệt tiêu tiếng ồn.

1.6.2. Luận văn tốt nghiệp của sinh viên Nguyễn Thị Phượng với đề tài “Thực trạng công tác bảo hộ lao động tại Công ty Bánh kẹo Hải Hà”.

Việc đánh giá về công tác bảo hộ lao động tại Công ty Bánh kẹo Hải Hà theo nghiên cứu của sinh viên Nguyễn Thị Phượng có những ưu điểm và nhược điểm như sau:

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

34

Ưu điểm:

-Bộ máy tổ chức lãnh đạo công ty nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác bảo hộ lao động nên đã có ý thức thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về pháp luật, chế độ chính sách.

-Công ty đã xây dựng được hệ thống tổ chức bộ máy hoạt động trong công tác bảo hộ lao động hoàn chỉnh với sự phối hợp của công đoàn và các phòng ban khác.

- Xây dựng các nội quy, quy chế, các biện pháp an toàn riêng cho công ty.

-Đối với các máy, thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn như lò hơi bình khí nén, nồi nấu kẹo,... đều có các thiết bị kiểm tra an toàn, đèn báo tín hiệu và được kiểm tra thường xuyên, đo đạc theo đúng định kỳ.

-Thực hiện các biện pháp về an toàn điện, an toàn thiết bị máy móc, mỗi máy hay thiết bị đều được sử dụng các biện pháp như: Ngăn ngừa xuất hiện điện áp bằng cách nối đất; nối không; cách ly phần tử điện bằng cách sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. Ngoài ra, mỗi thiết bị đều có lắp đặt cầu dao đóng cắt bảo vệ, có hộp bao che bọc cách điện.

-Hệ thống chống sét kết hợp bằng k m và lưới đảm bảo an toàn cho người lao động cũng như tài sản trong mùa mưa bão.

-Công tác phòng chống cháy nổ luôn được công ty chú trọng và đề cao thực hiện đúng quy định của Nhà nước.

-Công tác vệ sinh lao động , môi trường làm việc cũng như môi trường xung quanh rất được công ty quan tâm, hằng năm công ty đều mời các Cán bộ an toàn – vệ sinh lao động về kiểm tra, đo đạc và tiếp nhận ý kiến, đóng góp để môi trường làm việc ngày càng cải thiện hơn.

-Đa số các công nhân trong công ty đều được trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân đầy đủ, đúng định kỳ.

-Nhà xưởng được xây dựng, cải tạo đảm bảo công nhân làm việc thoải mái, an toàn và hợp vệ sinh. Các khu vực làm việc trong điều kiện nóng bức đều được lắp đặt thêm quạt. Hệ thống thông gió tự nhiên đều được Công ty sử dụng tối đa.

-Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh thường xuyên, định kỳ cho công nhân, do thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường tích cực cho nên công ty chưa phát hiện ra bệnh nghề nghiệp.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

35

-Thực hiện công tác huấn luyện bảo hộ lao động hàng năm, kẻ vẽ biển báo, áp phích tuyên truyền, mua tài liệu về bảo hộ lao động, khen thưởng các đơn vị, tổ sản xuất thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động.

-Về vấn đề bồi dưỡng độc hại công ty thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước. Hiện nay công tu chính thức chỉ có khoảng 90 người được hưởng bồi dưỡng độc hại nhưng để đảm bảo sức khỏe và khuyến khích công nhân công ty đã trích thêm một số tiền để bồi dưỡng thêm cho khoảng 30 người khác làm việc tại những nơi ít độc hại và nguy hiểm. Ngoài ra, công ty trả tiền phụ cấp đầy đủ đúng mức cho người lao động, 100% công nhân được đóng bảo hiểm.

-Thực hiện việc kiểm tra thường xuyên và đột xuất xử phạt nghiêm túc những trường hợp vi phạm nội quy an toàn.

-Nội dung kế hoạch bảo hộ lao động được xây dựng hàng năm cũng với kế hoạch sản xuất kinh doanh.

-Công tác báo cáo, sơ kết, tổng kết đều được ban lãnh đạo công ty thực hiện đầy đủ theo quy định của Nhà nước.

-Tổ chức công đoàn luôn luôn quan tâm chăm sóc đời sống công nhân trong công ty và phối hợp các bộ phận khác tham gia thực hiện công tác bảo hộ lao động.

❖ Tồn tại

- Mạng lưới an toàn vệ sinh viên rộng khắp nhưng hiệu quả hoạt động chưa cao.

- Một số bộ phận chuyển động của máy cán cắt kẹo, máy đóng gói chưa có cơ cấu che chắn.

- Còn có hiện tượng công nhân chưa thực hiện nghiêm chỉnh yêu cầu vận hành máy móc thiết bị.

- Hiện nay, còn một số cầu dao chưa có nắp đóng.

- Mặc dù hệ thống chống sét bảo đảm an toàn cho cơ sở vật chất nhưng hiện nay các gá vào tường đã bị bật ra, bị gỉ. Còn một số kết cấu nhô cao khỏi mái chưa bố trí kim thu sét.

- Ở một số khu vực sản xuất kẹo mềm vẫn còn chướng ngại vật trên đường ra và lối vào. Gây cản trở xe cứu hỏa khi có cháy ở công ty.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

36

- Về vấn đề vệ sinh lao động các yếu tố vi khí hậu như nhiệt độ, độ ẩm, ồn, bụi còn cao hơn tiêu chuẩn cho phép. Đặc biệt là ô nhiễm do nước thải công ty khá nghiêm trọng.
- Một số phân xưởng như lò nướng bánh, quá trình trộn bột, hào các chất như sô đa, bột nở cần nhiệt độ cao do đó những khu vực trên nhiệt độ cao gây khó chịu ảnh hưởng cho sức khỏe người lao động.
- Công ty đã bỏ sót một số bộ phận cần tăng cường phương tiện bảo vệ cá nhân theo tính chất công việc.
- Công ty hiện khám sức khỏe định kỳ dựa trên nguyên tắc chủ yếu khám ở chỗ độc hại, nguy hiểm và khám luân phiên (tức là nếu công nhân này khám sức khỏe tốt năm nay thì người đó không khám nữa mà nhường cho người yếu hơn người năm trước chưa được khám).

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

37

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN LAO ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BỘ I – TT HUẾ

2.1. Tổng quan về Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế

Công Ty Cổ Phần Đường Bộ I Thừa Thiên Huế là một trong hai đơn vị được S ở giao thông vận tải Thừa Thiên Huế được giao nhiệm vụ quản lý duy tu, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa và XDCB cầu đường bộ. Trụ sở công ty đặt tại số 19 - Đường Nguyễn Huệ - Thành Phố Huế - Thừa Thiên Huế.

Công ty được chia tách từ Xí nghiệp quản lý và sửa chữa đường bộ I Thừa thiên Huế thuộc sở giao thông vận tải Thừa Thiên Huế theo quyết định số 2775/TCCB ngày 25/02/1992 của Bộ giao thông vận tải lập khu quản lý đường bộ IV. Xí nghiệp sửa chữa đường bộ I Thừa Thiên Huế được chia làm 2 đơn vị: Một là đơn vị Phân khu quản lý đường bộ I Thừa Thiên Huế trực thuộc Khu quản lý đường bộ IV, một đơn vị là Đoàn quản lý đường bộ I trực thuộc Sở giao thông vận tải Thừa Thiên Huế theo quyết định số 846/QĐ/UBND ngày 14/12/1992 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế - Là một đơn vị sự nghiệp kinh tế. Sau khi thực hiện Nghị định 50/CP ngày 28/8/1996 của Chính phủ về việc thành lập, giải thể và phá sản doanh nghiệp. Đơn vị đã được UBND Tỉnh ra Quyết định số 54/QĐ ngày 13/01/1999 chuyển đổi thành DN hoạt động công ích với tên gọi là Công ty Quản lý và sửa chữa đường bộ I Thừa Thiên Huế.

Ngày 11/10/2005 UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế ra quyết định số 3510/QĐ – UBND chuyển đổi công ty sửa chữa đường bộ I Thừa Thiên Huế thành công ty TNHH nhà nước một thành viên quản lý, bảo trì và xây dựng đường bộ Thừa Thiên Huế.

Ngày 12/01/2007 – UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định 76/QĐ- UBND chuyển đổi tên công ty TNHH nhà nước một thành viên bảo trì đường bộ Thừa Thiên Huế.

Thực hiện Quyết định số 160/QĐ- UBND ngày 20/01/2009 của chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sắp xếp DN nhà nước năm 2009. Căn cứ QĐ số 1371/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 về việc chuyển công ty TNHH nhà nước một thành viên bảo trì đường bộ Thừa Thiên Huế thành công ty Cổ phần đường bộ I Thừa Thiên Huế.

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BỘ I THỪA THIÊN HUẾ

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

38

Tên giao dịch quốc tế: **THUA THIEN HUE ROAD TRANSPORT JOINT-STOCK COMPANY No.1**

Tên viết tắt: **ROTRACO**

Mã số thuế: 3300100441

Địa chỉ: 19 Nguyễn Huệ, Phường Vĩnh Ninh, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông. Phan Thanh Minh

2.1.2. Đặc điểm về lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế

Lĩnh vực hoạt động của công ty thuộc khối ngành xây dựng bao gồm những hoạt động sau:

- Quản lý, duy tu, sửa chữa và bảo trì đường bộ
- Xây dựng các công trình giao thông, các công trình dân dụng, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, công nghiệp
- Tư vấn, khảo sát, thí nghiệm vật liệu các công trình giao thông, thủy lợi, thoát nước, hệ đường
- Sản xuất các vật liệu xây dựng, vật liệu nung và không nung, sản xuất kinh doanh các cấu kiện đúc sẵn, cấu kiện định hình tấm đan, cốt thép, thiết bị đảm bảo giao thông, san lấp mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật.
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa kết cấu thiết bị, phương tiện phục vụ an toàn giao thông
- Thiết kế các công trình giao thông vừa và nhỏ
- Sửa chữa máy móc thiết bị chuyên dụng ngành giao thông vận tải
- Sản xuất kinh doanh khác, phục vụ duy tu, bảo dưỡng cầu đường bộ
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà đất và khu đô thị, nuôi trồng thủy sản nội địa
- Hoạt động kinh doanh: Hợp đồng ngoài các công trình và dịch vụ vận tải, ca máy, tư vấn kỹ thuật,...

Sản phẩm xây dựng có những đặc điểm sau:

- Sản phẩm xây dựng mang tính riêng lẻ, mỗi sản phẩm có những kết cấu kỹ thuật, mỹ thuật, vật tư, địa điểm, nhân lực, dự toán và phương pháp thi công khác nhau.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

39

- Sản phẩm xây dựng có giá trị lớn và quá trình thi công thường kéo dài, chi phí rất lớn của thời tiết trong quá trình thi công.

- Thời gian sử dụng sản phẩm xây dựng dài nên đòi hỏi những chỉ tiêu về kỹ thuật, mỹ thuật cũng như quá trình thi công và bàn giao rất khắt khe.

- Sản phẩm xây dựng gắn liền với những địa điểm cố định trong suốt quá trình thi công và sử dụng.

2.1.3. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế

Công ty có nhiệm vụ là quản lý duy tu, sửa chữa đường bộ, xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, công nghiệp; tư vấn, khảo sát, thí nghiệm vật liệu các công trình giao thông, thủy lợi, thoát nước, hè đường; sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu nung và không nung, thiết kế đảm bảo giao thông, xây dựng cơ sở hạ tầng, san lấp mặt bằng...

2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế

Công ty cổ phần đường bộ I Thừa Thiên Huế là một đơn vị vừa kinh doanh vừa thực hiện nhiệm vụ nhà nước giao, do đó khối lượng công việc rất lớn. Để quản lý tốt hoạt động, duy trì và đảm bảo sự phát triển bền vững, tăng khả năng cạnh tranh, công ty đã tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình quan hệ trực tuyến - chức năng. Với đặc trưng gọn nhẹ, quản lý theo chế độ thủ trưởng. Đứng đầu là chủ tịch hội đồng quản trị kiêm chức giám đốc - người có quyền cao nhất chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước khách hàng. Ban Giám Đốc lãnh đạo các phòng tham mưu và các đơn vị trực thuộc, các phòng ban theo quy định về quyền hạn, nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm trước Ban Giám Đốc về hoạt động của mình. (Xem tại Phụ lục 1)

- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý công ty, quyết định mọi vấn đề liên quan tới mục đích, quyền lợi của công ty theo điều lệ công ty.

- Giám đốc: Là người điều hành chung mọi hoạt động kinh doanh, chịu trách nhiệm chung về hoạt động của công ty, là người đại diện công ty tham gia vào hoạt động và

quyết định chỉ tiêu hoạt động tài chính.

- Phó giám đốc: Chịu sự lãnh đạo trực tiếp của giám đốc, quản lý các phòng kế hoạch, kỹ thuật vật tư, phòng quản lý giao thông trong công ty

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

40

- Phòng kế hoạch - kỹ thuật - Vật tư thiết bị xây dựng (PHÒNG KH – KT – VTTB):

Nghiên cứu xây dựng kế hoạch, dự toán thực hiện các hợp đồng xây dựng.

- Phòng tổ chức hành chính (PHÒNG TC – HC): Nghiên cứu đề xuất và tham gia cùng lãnh đạo để cải tiến, hoàn thiện hệ thống các chính sách, quy định của công ty và

thủ tục nhân sự.

- Phòng kế toán tài vụ (PHÒNG KT – TV): Tổ chức hạch toán các nghiệp vụ kinh tế trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty, lập báo cáo tài chính, theo dõi sự biến động của tài sản và nguồn vốn.

- Phòng quản lý giao thông (PHÒNG QLGT): Quản lý hệ thống đường bộ của các huyện trong tỉnh thừa thiên huế thuộc trách nhiệm quản lý của công ty phát hiện hư hỏng để sửa chữa kịp thời.

- Xí nghiệp Thi công cơ giới (XN – TCCG): Chức năng cung cấp vật liệu, thiết bị máy móc đến tận chân công trình.

- Xí nghiệp Quản lý và xây dựng (XN QL & XD): Chức năng quản lý duy tu, sửa chữa bảo dưỡng cầu đường bộ trong phạm vi km đã giao.

- Xí nghiệp Xây dựng công trình (XN XDCT): Chức năng chuyên xây dựng cơ bản các cầu, cống, đường bộ vừa và nhỏ.

2.1.5. Về tài sản – nguồn vốn

- Về tài sản

Trong cơ cấu tổng tài sản, tài sản ngắn hạn luôn chiếm một tỷ trọng lớn hơn gấp nhiều lần so với tài sản dài hạn. Tài sản ngắn hạn có xu hướng tăng dần qua các năm, trong khi tài sản dài hạn lại giảm nguyên nhân là do công ty luôn chú trọng đầu tư vào tài sản ngắn hạn như những trang thiết bị, máy móc phục vụ cho việc sản xuất, những đồ dùng thiết bị đáp ứng nhu cầu cho công nhân, hay những trang thiết bị hỗ trợ thêm trong quá trình sản xuất do điều kiện môi trường làm việc, hay những biến động trong sản xuất, hơn thế nữa, tình hình lao động hằng năm luôn tăng lên đáng kể nên việc đầu tư thêm vào tài sản ngắn hạn là tất yếu. Cụ thể, vào năm 2016 tổng tài sản ngắn hạn là

35,62% so với năm 2015, tương tự thì năm 2017 thì tổng tài sản ngắn hạn là 34,51% so với năm 2016. Về tài sản dài hạn, năm 2016 tổng tài sản dài hạn giảm 17,53% so

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

41

với năm 2015, tương tự năm 2017 thì tổng tài sản dài hạn giảm xuống 12,51% so với năm 2016.

Vì vậy, biến động tài sản của công ty tăng nhưng không đồng đều cụ thể là năm 2016 thì tổng tài sản là 25,56% so với năm 2015, tương ứng tăng 8.179,543 (tỷ đồng), tương tự năm 2017 tổng tài sản tăng lên 28,66% so với năm 2016 tương ứng tăng lên 11.515,721 (tỷ đồng). Nguyên nhân là do sự biến động giảm của tài sản dài hạn thấp trong khi đó tài sản ngắn hạn lại tăng đáng kể.

- Về nguồn vốn

Nhìn vào cơ cấu nguồn vốn, nợ phải trả luôn chiếm tỷ trọng lớn so với vốn chủ sở hữu, nhìn chung trong giai đoạn 2015-2017 thì tổng nguồn vốn biến động tăng nhưng tỷ trọng nợ phải trả tăng nhanh hơn so với vốn chủ sở hữu. Mặt khác, doanh thu của công ty hàng năm luôn tăng mạnh đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh, nói cách khác doanh thu tăng giúp cho doanh nghiệp tăng lượng vốn doanh nghiệp,

ngoài ra giúp doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh hơn bù đắp những khoản chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh. Cụ thể được thể hiện ở bảng dưới đây:

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

42

Khóa luận tốt nghiệp

GVHD: ThS. Bùi Văn Chiêm

Bảng 2.2. Bảng quy mô tài sản- nguồn vốn của Công ty Cổ phần Đường Bộ I – TT Huế qua 3 năm 2015-2017

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		So sánh 2016/2015		So sánh 2017/2016	
	ĐVT (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)	ĐVT (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)	ĐVT (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ (%)	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ (%)
Tổng tài sản	31.997,452	100	40.176,995	100	51.692,716	100	8.179,543	25,56	11.515,721	28,66
1.TSNH	25.941,046	81,07	35.182,533	87,57	47.322,929	91,55	9.241,487	35,62	12.140,396	34,51
2.TSDH	6.056,406	18,93	4.994,421	12,43	4.369,787	8,45	-1.061,985	- 17,53	-624,634	-12,51
Tổng nguồn vốn	31.997,452	100	40.176,995	100	51.692,716	100	8.179,543	25,56	11.515,721	28,66
1.NPT	20.184,864	63,08	25.122,868	62,53	31.754,609	61,43	4.938.004	24,46	6.631,741	26,40
2.Nguồn VCSH	11.812,588	36,92	15.054,087	37,47	19.938,107	38,57	3.241,499	16,06	4.884.020	32,44

(Phòng Kế toán – Tài vụ)

2.1.6. Quy mô lao động

Bảng 2.3. Tình hình Lao động của công ty qua 3 năm (2016- 2018)

Chỉ tiêu	2016		2017		2018		So sánh	
	SL (người)	SL (người)	SL (người)	SL (người)	+/-	%	2017/2016	2018/2017
Tổng số lao động	179	10 186	10 162	10 7				
					3,91	-24	-12,9	
I. Phân theo tính chất	105	58, 110	59, 109	67, 5	4,76	-1	-0,91	
		66	14	28				
1)Lao động trực tiếp	74	41, 76	40, 53	32, 2	2,7	-23	-30,26	
		34	86	71				
2)Lao động gián tiếp								
II. Phân theo giới tính								
1)Lao động nữ								
2)Lao động nam								
III. Phân theo trình độ								
					1)Đại học và Cao đẳng	2)Trung cấp	3)Công nhân bậc cao	4)Lao động phổ thông

25	13,97	27	14,52	28	17,28
154	86,03	159	85,48	134	82,72
49	27,84	52	27,96	58	35,80
30	17,05	31	16,67	25	15,43
42	23,86	40	21,50	29	17,90
55	31,25	63	33,87	50	30,86

2	8,0	1	3,7
5	3,25	-25	-15,72
3	6,12	6	11,54
1	3,33	-6	-18,75
-2	-4,76	-11	-27,5
8	14,55	-13	-20,63
(Phòng Kế		toán - Tài vụ)	

Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế có đội ngũ CBCNV chủ yếu là lao động trực tiếp chiếm đa số. Qua bảng 2.2 ta nhận thấy rằng chất lượng đội ngũ nhân viên của công ty đang được tăng lên. Trong đó tỷ lệ lao động trực tiếp chiếm 67,28% năm 2018, tỷ lệ lao động gián tiếp chiếm 32,71%. So với năm 2017, tỷ lệ lao động trực tiếp giảm 0,91% và tỷ lệ lao động gián tiếp giảm xuống 30,26%.

- Xét về giới tính

Do đặc thù công việc, khối lượng công việc lớn áp lực nên số lượng lao động nam chiếm đa số với 82,72% năm 2018 và số lượng lao động nữ là 17,28%. Để hoàn thành tốt công việc, Công ty còn thuê thêm các lao động bên ngoài để hỗ trợ c o tiến độ thực hiện công việc diễn ra hiệu quả hơn.

- Xét về trình độ

Qua bảng số liệu có thể thấy được lao động có trình độ đại học có xu hướng tăng.

Trình độ Đại học, Cao đẳng chiếm 35,8% năm 2018.

2.1.7. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

Trong năm 2017, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty như sau:

- Tổng doanh thu đạt 72,163 tỷ đồng
- Nộp ngân sách đạt 3,319 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế đạt 1,745 tỷ đồng
- Thu nhập tiền lương bình quân đạt 7,738 triệu đồng
- Nộp các khoản BHXH và KPCĐ: 3,054 tỷ đồng
- Cổ tức: 8%

Từ những số liệu trên cho thấy: tình hình khó khăn chung của nhiều doanh nghiệp thì công ty đã hoàn thành tốt mọi nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước cũng như các quyền lợi của người lao động được các cơ quan ban ngành đánh giá cao. Bên cạnh đó, đơn giá nhân công lao động theo chế độ chính sách mặc dù giảm trong dự toán, nhưng với phương châm “Ưu tiên quan tâm đến đời sống của NLĐ công ty đã đảm bảo tiền lương và thu nhập cao hơn năm 2016, chi trả cổ tuuwsc cho CBCNV – LĐ đầy đủ.

2.2. Tình hình thực tế về an toàn lao động tại Công Ty Cổ Phần Đường Bộ I – TT Huế

2.2.1. Tổ chức Bộ máy làm công tác Bảo hộ lao động

Bảo hộ lao động trong doanh nghiệp là một công tác bao gồm nhiều nội dung phức tạp, nó có liên quan đến nhiều bộ phận, phòng ban, cá nhân và phụ thuộc vào đặc

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

45

điểm của doanh nghiệp. Thực hiện tốt là góp phần giảm tai nạn lao động, giảm chi phí phúc lợi xã hội, nâng cao năng suất lao động và chất lượng cuộc sống của người lao động

Mỗi doanh nghiệp có thể chọn một mô hình bộ máy tổ chức quản lý công tác bảo hộ lao động có những nét riêng phù hợp với đặc điểm của mình như:

Phát huy được sức mạnh tập thể của toàn doanh nghiệp đối với công tác bảo hộ lao động

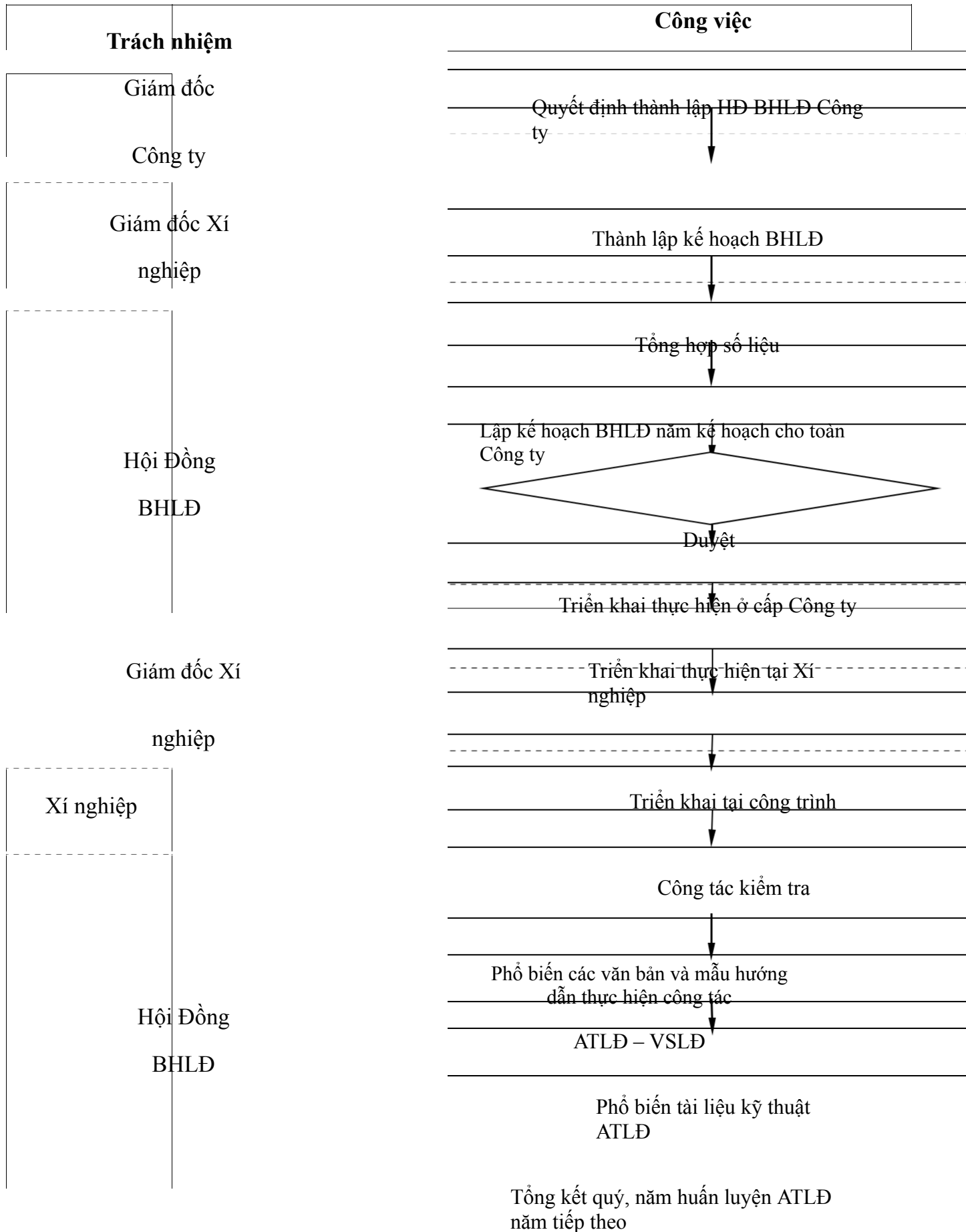
Thể hiện rõ trách nhiệm chính và trách nhiệm phối hợp của các bộ phận phòng ban, cá nhân đối với từng nội dung cụ thể của công tác bảo hộ lao động, phù hợp với chức năng của mình.

Bảo đảm sự chỉ đạo tập trung thống nhất và có hiệu quả của giám đốc trong công tác này và phù hợp với quy định của pháp luật.

Nhận thức được vấn đề quan trọng tạo nên tâm lý thoải mái khi làm việc của NLĐ có ảnh hưởng rất lớn đến năng suất làm việc, chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp. Và một trong những yếu tố tạo nên tâm lý đó là phải làm sao để cho NLĐ luôn cảm thấy An toàn khi lao động trong một môi trường vệ sinh. Do đó, Ban giám đốc Công ty đã rất quan tâm đến vấn đề đảm bảo ATLĐ – VSLĐ cho NLĐ. Công ty đã thành lập một Hội đồng Bảo hộ lao động do Giám đốc ra quyết định tại Xí nghiệp.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

46



Hình 2.4.. Bộ máy tổ chức quản lý công tác BHLĐ của Công Ty Cổ Phần
Đường Bộ I – TT Huế

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

47

2.2.2. Chức năng và nhiệm vụ của Hội đồng BHLĐ

- Phó Giám Đốc

- + Chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ BHLĐ
- + Tổ chức định kỳ kiểm tra sức khỏe cho công nhân
- + Tổ chức huấn luyện cho công nhân về ATLĐ – VSLĐ
- + Tổ chức, cải thiện ĐKLV, MTLV cho công nhân
- + Có trách nhiệm giám sát việc thực hiện công tác BHLĐ của cấp dưới

- Cán bộ chuyên trách BHLĐ

- + Lập kế hoạch BHLĐ hằng năm để trình lên Phó Giám Đốc duyệt
- + Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện các biện pháp ATLĐ – VSLĐ của công nhân trong Xí nghiệp
- + Giải quyết chế độ bồi dưỡng cho người bị TNLĐ và BNN
- + Trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân theo định kỳ
- + Tiến hành công tác tập huấn, kiểm tra về BHLĐ cho công nhân trong Xí nghiệp theo định kỳ

- Công đoàn

- + Công đoàn có chức năng, quyền hạn, vai trò trong công tác BHLĐ đã được quy định trong các văn bản pháp luật và cũng đã thể hiện rõ trách nhiệm của mình theo đúng tinh thần của các văn bản pháp luật đã quy định.
- + Công đoàn tập hợp các kiến nghị của NLĐ và thay mặt NLĐ trình bày lên Giám đốc để có sửa đổi, điều chỉnh hợp lý trong việc xây dựng các kế hoạch BHLĐ cải thiện điều kiện làm việc
- + Tham gia vào các đoàn điều tra xử lý các vụ TNLĐ, theo dõi tình hình tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, nghiêm chỉnh chấp hành chế độ báo cáo về TNLĐ, sự cố cháy nổ, máy móc, thiết bị, vệ sinh MTLĐ với Công đoàn cấp trên.

- + Công đoàn tổ chức phong trào quần chúng về công tác BHLĐ, phát huy sáng kiến kỹ thuật, cải thiện ĐKLV đảm bảo cuộc sống cho NLĐ.
- + Công đoàn chăm lo bảo vệ sức khỏe cho cán bộ công nhân viên, tham gia tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLĐ. Công đoàn kiến nghị bố trí việc phù

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

48

hợp với sức khỏe NLĐ, giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách đối với NLĐ.

2.2.3. Xây dựng nội quy, quy chế, quy trình và biện pháp đảm bảo ATVSLĐ

Trước hết, quản lý công tác ATVSLĐ là sự cam kết của NSDLĐ với tổ chức đại diện quyền lợi của NLĐ. Cam kết thể hiện quan điểm, ý thức trách nhiệm của NSDLĐ đối với công tác ATVSLĐ. Đối với công ty thì thể hiện qua các thảo ước lao động tập thể, hợp đồng lao động hoặc trong những văn bản khác của NSDLĐ.

Trên cơ sở những cam kết, NSDLĐ phải cụ thể thành các nội quy, quy định phù hợp với cơ sở, phải áp dụng thử và xác định những điều kiện cần thiết để thực hiện những quy định đó. Các nội dung được quy định cần được chỉ rõ là ai làm cái gì, khi nào thực hiện và thực hiện ở đâu... để tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người khi áp dụng và thực hiện. Trong các nội quy quy định cũng cần phải thể hiện tiết kiệm và hiệu quả kinh doanh. Nhìn chung, các quy định phải tuân theo nguyên tắc sau:

- Tuân thủ luật pháp, phù hợp với thỏa ước lao động tập thể, hợp đồng lao động cũng như những yêu cầu khác đã được cam kết
- Bảo vệ sức khỏe và an toàn cho mọi người lao động thông qua việc phòng ngừa tai nạn, ốm đau, bệnh tật và sự cố mất an toàn.
- Phù hợp với quy mô, tính chất sản xuất, kinh doanh của công ty
- Phân công trách nhiệm cụ thể cho từng người theo chức trách của họ
- Trình bày ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu,
- Có ngày tháng và chữ kí của NSDLĐ
- Phải liên tục rà soát, điều chỉnh phù hợp với những thay đổi tại công ty.

Trong Quy định về An toàn vệ sinh lao động của Giám đốc Công ty nêu rõ gồm có 9 chương và 39 điều (*Xem tại Phụ lục 2*)

- Sau khi lập kế hoạch về BHLĐ theo các nội dung, Ban Giám Đốc công ty cùng với các phòng chức năng, Hội đồng BHLĐ, Công đoàn công ty cùng nhau họp bàn về các phương án thực hiện kế hoạch sao cho phù hợp nhất, tối ưu nhất và phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng cá nhân, tập thể đối với công việc cần thực hiện trong kế hoạch.

2.2.4. Tổ chức thực hiện công tác an toàn lao động tại Công Ty Cổ Phần Đường Bộ I – TT Huế

- Công ty cam kết chỉ đạo các bộ phận chức năng liên quan thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn vệ sinh lao động. Tuy nhiên trong khuôn khổ năng lực của cơ sở, sẽ chú trọng giải quyết các vấn đề cấp thiết nhất góp phần bảo đảm an toàn vệ sinh lao động cho người lao động gồm:

- Bộ phận an toàn vệ sinh lao động phối hợp với bộ phận tổ chức xây dựng nội quy, quy chế quản lý công tác an toàn vệ sinh lao động của doanh nghiệp. Phối hợp với bộ

phận kỹ thuật xây dựng quy trình vận hành an toàn các máy móc thiết bị .

- Tiến hành tuyên truyền, huấn luyện nhằm:

Phổ biến chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, quy phạm về an toàn vệ sinh lao động của Nhà nước, nội quy, quy chế, chỉ thị của doanh nghiệp đến các cấp và người lao động.

Phối hợp với bộ phận tổ chức lao động, bộ phận kỹ thuật, quản đốc phân xưởng tổ chức huấn luyện nâng cao nhận thức chấp hành kỷ luật lao động, kỹ năng và quy chế vận hành máy móc, thiết bị, sử dụng phương tiện BVCN và công cụ lao động an toàn.

- Bộ phận an toàn vệ sinh lao động phối hợp với bộ phận y tế tổ chức đo đạc yếu tố có hại trong môi trường lao động, theo dõi sức khỏe, bệnh tật, đề xuất với doanh nghiệp sử dụng các biện pháp chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

- Bộ phận kỹ thuật (hoặc cán bộ kỹ thuật) phối hợp với bộ phận an toàn vệ sinh lao động, quản đốc phân xưởng nghiên cứu đề xuất và tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm bảo đảm an toàn vệ sinh lao động:

Giải pháp tổ chức sản xuất an toàn.

Giải pháp kỹ thuật an toàn và phòng chống cháy nổ.

Giải pháp kỹ thuật vệ sinh, cải thiện điều kiện lao động.

Hàng năm kinh phí cho hoạt động BHLĐ lên tới trên dưới 250 triệu đồng.

Theo thống kê năm 2017, kinh phí cho việc thực hiện các nội dung kế hoạch BHLĐ:

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

50

Bảng 2.4. Kinh phí cho việc thực hiện BHLĐ năm 2017

TT
1
2
3
4
5

Nội dung kế hoạch
Thực hiện các chế độ chính sách
Các quy định về kỹ thuật an toàn
Công tác phòng cháy chữa cháy
Thực hiện trang bị BHLĐ
Công tác vệ sinh lao động
Tổng chi phí

(Phòng Kế toán - Tài vụ)

a) Kỹ thuật an toàn

Đối với việc thực hiện các giải pháp kỹ thuật an toàn được Công ty cũng như Xí nghiệp rất quan tâm.

Công ty cung cấp các trang thiết bị, máy móc cho các Xí nghiệp và nâng cấp trang bị hệ thống cầu và thang lồng chở người. Trang bị máy cầu và một số thiết bị máy thi công như: máy đầm, máy cuốn, máy thép,... nhằm mục đích giảm bớt gánh nặng lao động cho người lao động. Điều đó giúp cải thiện điều kiện lao động đáng kể, làm cho người lao động nâng cao được năng suất lao động, giảm thời gian trên công trình và đạt hiệu quả cao hơn.

Do đặc thù của công việc ở các công trình xây dựng nên vấn đề ATLĐ và rõ hơn là xây dựng, sửa chữa của Công ty gồm các vấn đề chính sau:

- An toàn cơ khí
- An toàn phương tiện vận tải
- An toàn chu g

An toàn cơ khí

Bảng 2.5. Số lượng máy móc thiết bị năm 2017

STT
1

2
3
4
5

6
7
8

TÊN MÁY MÓC THIẾT	SỐ LƯỢNG	CÔNG SUẤT
Bị Máy đào	2	0,7 m ³ 0,3 m ³
Lu rung LIUGONG	1	
Máy ly SAKAI	3	10 tấn
	1	
	1	
Máy ủi KOMAISU	2	
Máy rung Bomag	1	8 tấn
	1	
Máy san bánh lốp	1	
Máy lu ASAHI		(Phòng Tổ chức – Hành chính)
Máy san MITSUBISHI		

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

51

Xe tải Ben Hoa Mai Xe tải ISUZU

Khóa luận tốt nghiệp

GVHD: ThS. Bùi Văn Chiêm

Với lĩnh vực cơ khí, Công ty sử dụng nhiều loại máy khác nhau. Hầu như các loại máy này còn mới, được mua từ các nước có nền công nghệ tiên tiến nên đảm bảo an toàn chất lượng. Ngoài ra, các thiết bị máy móc này đều được trang bị nội quy an toàn. Người lao động đã qua huấn luyện mới được phép sử dụng. Bên cạnh đó, công ty cũng hỗ trợ thuê thêm máy móc, thiết bị nếu thiếu. Sau khi thi công công trình, các máy móc, thiết bị được các Xí nghiệp báo cáo trình tu máy móc lên Công ty, để kịp thời cải thiện, sửa chữa và bảo quản máy móc, thiết bị.

Ngoài ra, công ty cũng có các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn và vệ sinh chung cho khu vực thi công và văn phòng làm việc. Máy móc thiết bị thi công được bảo dưỡng định kỳ, xe ô tô vào cấp định kỳ đúng theo quy định.

An toàn phương tiện vận tải

Bảng 2.6. Phương tiện vận tải tại công ty

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	SỐ LƯỢNG
1		2
2		1

(Phòng Tổ chức – Hành chính)

Đối với phương tiện vận tải, mặc dù còn hạn chế về phương tiện vận chuyển

nhưng công ty vẫn đã g cố gắng trang bị đủ số lượng xe để kịp thời vận chuyển nguyên vật liệu cho các công trình. Bên cạnh đó, công ty không ngừng cải thiện và trang bị thêm các phương tiện vận chuyển để bổ sung cho các xí nghiệp.

b) Công t ác phòng cháy chữa cháy

Có rất nhiều nguyên nhân để gây ra cháy nổ, cháy nổ là một sự cố rất dễ xảy ra được hình thành trước hết cần 3 yếu tố: chất cháy (xăng, dầu,...), oxy và nguồn nhiệt (nguồn nhiệt phát ra từ các máy móc, thiết bị,...).

Công tác phòng cháy chữa cháy được Công ty đặc biệt quan tâm tại mọi điểm như công trình, văn phòng làm việc đều có những phương tiện trang bị công cụ phòng cháy.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

52

Tại công ty như văn phòng, nhà kho, nơi làm việc đều có những phương tiện chữa cháy thích hợp như bình chữa cháy. Công nhân được trang bị những kiến thức, thao tác cơ bản về sử dụng các dụng cụ chữa cháy tại chỗ.

Tại công trình, do đặc thù công việc ở ngoài trời, điều kiện thời tiết khắc nghiệt, mặc dù các trang thiết bị để đảm bảo cho công tác phòng cháy chữa cháy vẫn chưa được đầy đủ. Nhưng công nhân vẫn được trang bị những kiến thức cơ bản về việc sử dụng các phương tiện trang bị phòng cháy khi khẩn cấp. Các công trình được trang bị đầy đủ các biển báo cấm, các đèn tín hiệu,... để đảm bảo an toàn cho công nhân và những người xung quanh.

Công ty cũng đã quan tâm mua sắm, trang bị thiết bị dụng cụ chữa cháy, các trang thiết bị dụng cụ này được bảo quản tốt, thường xuyên được kiểm tra cả về số lượng và chất để kịp thời bổ sung.

B	STT	K	an toàn thi công
ả		Y	
n		T	3 Số máy
g		H	móc cần
2		U	được lập
.		Ậ	biện pháp
7		T	lắp, dựng,
.		A	biện pháp
K		N	an toàn
ỹ		T	
t		O	4 Số thiết bị
h		À	yêu cầu
u		N	nghiêm
ậ		-	
t		P	
a		C	
n		C	
t		C	
o		C	
à	1		Số lượng công trình thi công
n			
-			
P			
C	2		Số công trình có biện pháp
C			
C			

			Số
	CT		lượng
	CT	15	
	Cái	10	
	Cái	15	
	Bình	11	
		8	
6			
7			

Các trang thiết bị cứu hỏa khác (bồn, ủng)
Các công tác bảo dưỡng và công tác KTAT – PCCC

(Phòng Tổ

c) Phương tiện bảo vệ cá nhân

Tại chương IX – Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, mục 3 – Phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Điều 149 – Kế hoạch an toàn lao động, vệ sinh lao động. Văn bản có đề cập, người lao động làm việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại được người sử dụng lao động phải trang bị đầy đủ phương

tiện sử dụng trong quá trình làm việc theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Do đặc tính của công việc xây dựng, sửa chữa của công ty có những yếu tố nguy hiểm nên công ty trang bị cho cán bộ công nhân viên các công trình những phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp với công việc. Mỗi năm, công nhân sẽ được cấp 1 bộ quần áo bảo hộ, 1 áo mưa và 1 đôi giày, đối với mũ nhựa công ty cấp 2 năm/1 lần.

Bảng 2.8. Trang thiết bị bảo hộ lao động năm 2017 và 2018

TRANG THIẾT BỊ BẢO HỘ CÁ NHÂN	2017	2018
	1	Quần áo
2	Mũ nhựa	C
3	Áo mưa	C
4	Giày	E

(Phòng Tổ chức – Hành chính)

d) Tình hình chăm sóc sức khỏe người lao động

Tình hình chăm sóc sức khỏe người lao động

Do đặc thù của công ty là một đơn vị xây dựng, sửa chữa nên các công trình thi công xây dựng nằm rải trên khắp tỉnh, thành phố, huyện khác nhau nên không tránh khỏi được những sơ suất trong công tác bảo hộ lao động. Được sự quan tâm và đầu tư của Ban Giám đốc công ty nên từ nhiều năm nay không có vụ tai nạn nghiêm trọng nào xảy ra.

Thực hiện trang bị bảo hộ lao động và thực hiện các quy định về sử dụng lao động (ký hợp đồng lao động, khám sức khỏe,...) theo luật lao động luôn

luôn được công ty thực hiện nghiêm chỉnh, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Tổ chức khám sức khỏe cho công nhân với 111 công nhân tham gia

Khám sức khỏe định kỳ cho công nhân toàn công ty năm 2017 vừa qua không có trường hợp bị bệnh nghề nghiệp.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

54

Loại

I
II
III

Khóa luận tốt nghiệp

GVHD: ThS. Bùi Văn Chiêm

Bảng 2.9. Phân loại sức khỏe năm 2017 và 2018

	2017 (Số người)	Tỷ lệ (%)	2018 (Số người)	Tỷ lệ (%)
	22	22,4	13	15,2
	35	32,0	37	32,8
	47	40,0	55	51,2
IV&V	7	5,6	1	0,8

(Phòng Tổ chức – Hành chính)

Theo bảng thống kê tình hình sức khỏe lao động của công ty năm 2017 và 2018, tình hình sức khỏe lao động tại công ty khá ổn. Cụ thể, năm 2017 và 2018 loại sức khỏe III lần lượt là 47 người và 55 người, chiếm tỷ lệ cao nhất với 40 % và 51,2%. Bên cạnh đó, năm 2017 có 7 người xếp loại hình sức khỏe IV chiếm tỷ lệ 5,6%, đến năm 2018 loại hình sức khỏe IV & V giảm xuống còn 1 người chiếm 0,8%.

Số tiền chi cho việc khám sức khỏe là 38.920.000 triệu đồng.

Công ty mua bảo hiểm y tế 100% cho cán bộ công nhân viên tại công ty.

Công ty tổ chức cho công nhân viên tham quan nghỉ mát theo chế độ với khả năng hiện có.

Công ty luôn trang bị quần áo bảo hộ lao động, các phương tiện phòng hộ cá nhân cho mọi chức danh nghề nghiệp mà nhà nước quy định cho người lao động. Số tiền chi cho công việc này là 61.890.937 triệu đồng.

e) Tình hình tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện về BHLĐ

Công ty nhận thức đầy đủ về yêu cầu và tầm quan trọng của công tác bảo hộ lao động trong tình hình mới nên hoạt động tuyên truyền, huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động khá phong phú. Công ty mỗi năm 1 lần tổ chức huấn luyện cho người lao động đầy đủ về bảo hộ lao động cần thiết và sát thực tế công việc.

Việc thực hiện các chế độ bảo hộ lao động được thực hiện nghiêm túc có nề nếp nhiều năm đã đảm bảo an toàn tuyệt đối về người và tài sản cũng như đảm bảo cho việc thực hiện tốt kế hoạch chính của công ty.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

55

2.2.5. Kiểm tra thực hiện công tác an toàn Công Ty Cổ Phần Đường Bộ I – TT Huế

Công ty tổ chức tự kiểm tra về an toàn nhằm phát hiện kịp thời các thiếu sót để có biện pháp khắc phục trong quá trình thực hiện kế hoạch an toàn, cụ thể:

- Tổ chức đoàn kiểm tra ở cấp Công ty.
- Hợp đoàn kiểm tra, phân công cho từng thành viên, xác định lịch kiểm tra.
- Thông báo lịch kiểm tra.
- Tiến hành kiểm tra

Hình thức kiểm tra:

Kiểm tra tổng thể các mặt hoạt động của công tác an toàn tại các Xí nghiệp

Kiểm tra định kỳ: 6 tháng hoặc 1 năm.

Kiểm tra sau khi kết thúc một đợt thi công công trình hoặc đợt xuất khi có sự cố xảy ra tại nơi thi công.

Nội dung kiểm tra:

Việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình, quy phạm.

Hiện trạng, tình hình an toàn: các trang thiết bị, che chắn... phương tiện bảo hộ công nhân, chiếu sáng, biển báo.

Việc thực thi kế hoạch đặt ra, các kiến nghị của các đợt kiểm tra trước.

Kiến thức về an toàn của người quản lý và người lao động.

Hoạt động tự kiểm tra của các CBCNV, nơi thi công công trình.

- Kết quả kiểm tra an toàn phải được lập biên bản và báo cáo với cấp trên tại Xí nghiệp. Sau đó, xí nghiệp xem xét và kiến nghị trên Công ty.
- Ở công trình thi công, mỗi cá nhân người lao động thực hiện việc tự kiểm tra thường xuyên vào đầu giờ ngày làm việc. Kết quả báo cáo lên quản lý, người giám sát tại công trình để xác minh và kịp thời đề xuất giải pháp khắc phục.

2.2.6. Thống kê, sơ kết, tổng kết, báo cáo.

- Các cơ sở phải có sổ sách thống kê số liệu liên quan đến việc thực hiện kế hoạch an toàn hàng năm.
- Số liệu phải được lưu giữ 5 năm ở cấp phân xưởng và 10 năm ở cấp doanh nghiệp.
- Định kỳ 6 tháng và hàng năm doanh nghiệp phải tổ chức sơ kết, tổng kết công tác an

toàn để phân tích hiệu quả đạt được, thiếu sót tồn tại nhằm rút ra bài học kinh nghiệm để vạch kế hoạch khắc phục cho năm sau. Tổ chức khen thưởng cá nhân, bộ phận thực hiện tốt.

- Báo cáo công tác an toàn phải được soạn thảo định kỳ 1 năm 2 lần và gửi về cơ quan quản lý cấp trên, Sở Lao động thương binh Xã hội, Sở Y tế và liên đoàn lao động địa phương và thông báo cho toàn bộ người lao động cùng biết. Thời gian nộp báo cáo vào ngày 10 tháng 7 hàng năm với báo cáo 6 tháng và trước ngày 15 tháng 1 của năm sau đối với báo cáo cả năm.

2.2.6. Đánh giá chung về hoạt động quản lý an toàn lao động tại Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế

2.2.6.1. Những kết quả đạt được

Công ty đã chấp hành và thực hiện đúng với những quy định, thông tư đề ra. Cũng như, công ty đang ngày càng cố gắng cải thiện và nâng cao chất lượng an toàn lao động.

Để quản lý chặt chẽ an toàn lao động trên công trình thi công, các quản lý, người giám sát đã chủ trương nghiêm khắc quản lý đơn vị thi công cũng như công nhân tham gia vào quá trình thi công.

Bên cạnh đó, để cải thiện và nâng cao nhận thức về an toàn lao động cho CBCNV công ty đã tổ chức các hoạt động huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức cho CBCNV. Đối với các công nhân, công ty luôn thực hiện công tác cấp đồ phòng hộ cá nhân đầy đủ và quy định nghiêm túc thực hiện.

2.2.6.2. Những tồn tại hạn chế

Hệ thống hồ sơ, sổ sách quản lý về ATVSLĐ của Công ty chưa được khoa học, hoàn chỉnh theo quy định, tại Công ty chưa tổ chức bộ máy quản lý công tác BHLĐ hiệu quả, cán bộ chuyên trách về ATLĐ của Công ty còn hạn chế, vẫn chưa đáp ứng đúng với yêu cầu của công tác ATVSLĐ và còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng.

Công tác kiểm tra thực hiện BHLĐ, tuyên truyền giáo dục pháp luật tại Công ty chưa thật sự được thực hiện, vẫn chỉ đang còn hình thức.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

57

Việc tổ chức huấn luyện thực hiện chế độ BHLĐ ở Công ty còn nặng về hình thức, chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư 37/BLĐTBXH, công tác huấn luyện ATVSLĐ cho người sử dụng lao động chưa được duy trì thực hiện thường xuyên hoặc không thực hiện.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

58

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN LAO ĐỘNG TẠI XÍ NGHIỆP ĐƯỜNG BỘ 106 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BỘ I – TT HUẾ

3.1. Đánh giá chung về chính sách quản lý an toàn lao động tại Công Ty Cổ Phần Đường Bộ I – TT Huế

3.1.1. Thuận lợi

Công ty luôn chấp hành đầy đủ các văn bản pháp luật của Nhà nước.

Công ty luôn thực hiện tốt các nội dung về bảo hộ lao động của thông tư số 14/TTLB – BLĐTBXH – BYT – TLĐLĐVN và Luật số 10/2012/QH13 Bộ luật lao động.

Với tất cả những việc đã thực hiện và làm được trong công tác bảo hộ lao động, trong năm qua công ty không để trường hợp tai nạn lao động nào xảy ra. Cũng như không có người lao động nào mắc bệnh nghề nghiệp, không để xảy ra sự cố về cháy nổ.

Công ty luôn quan tâm đến đời sống tinh thần, vật chất của anh em CBCNV trong toàn công ty. Vì vậy, đời sống của CBCNV trong toàn công ty ngày càng được cải thiện và ổn định hơn.

3.1.2. Khó khăn

Mặc dù công ty đã có rất nhiều cố gắng trong công tác bảo hộ lao động nhưng cũng không tránh khỏi được những khó khăn.

Môi trường lao động của công nhân bị ô nhiễm bởi các yếu tố như bụi, chất thải công trường,...

Công nhân phải di chuyển liên tục trong quá trình thi công công trình, do điểm thi công không ổn định gây nên việc khó khăn trong đi lại, ăn ở cho công nhân.

Ý thức tự giác thực hiện các công tác an toàn của công nhân còn chưa được tốt.

3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao chính sách quản lý an toàn lao động tại Công Ty Cổ Phần Đường Bộ I – TT Huế

Về phía các cơ quan quản lý

Bộ thanh tra Lao động tăng cường thanh tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động ở tất cả các cơ sở các thành phần kinh tế.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

59

Cần lưu ý các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các lĩnh vực như xây dựng, lắp đặt, sửa chữa và sử dụng điện, khai thác khoáng sản và khai thác đá, sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

Kiên quyết xử lý nghiêm minh, kịp thời đối với các hành vi vi phạm luật lao động theo quy định của Nhà nước.

Về phía doanh nghiệp

+ Việc huấn luyện an toàn cho người lao động là một trong những biện pháp quan trọng nhất để giảm thiểu rủi ro, chi phí và đảm bảo an toàn cho quá trình thi công cũng như sản xuất. Pháp luật lao động yêu cầu người sử dụng lao động phải tổ chức huấn luyện an toàn cho người lao động. Các khóa huấn luyện được thiết kế một cách cụ thể về nội dung kiến thức, thời gian phù hợp với yêu cầu thực tế của từng đơn vị được thực hiện bằng giáo án điện tử, chiếu phim chuyên đề với nội dung phong phú đảm bảo cho khóa học diễn ra một cách sinh động và có hiệu quả nhất. Thông tư 08/LĐTBXH-TT ngày 11/4/1995 và thông tư 23/LĐTBXH-TT ngày 19-9-1995 của Bộ Lao động TBXH quy định:

Mỗi năm mọi người làm việc trong đơn vị phải được huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động ít nhất một lần.

Khi tuyển lao động, trước khi giao việc phải huấn luyện đầy đủ cho người lao động các nội dung về kiến thức an toàn theo quy định tại khoản 1 mục II thông tư 08/LĐTBXH-TT

Người sử dụng lao động phải căn cứ vào danh mục nghề, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động để lập danh sách những người lao

động thuộc các nghề này và tổ chức huấn luyện hết sức cụ thể, tỉ mỉ. Sau khi huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu, những đối tượng này sẽ được cấp

thẻ an toàn.

+ Nhà thầu thi công xây dựng phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng. Trường hợp các biện pháp an toàn liên quan đến nhiều bên thì phải được các bên thỏa thuận.

+ Các biện pháp an toàn, nội quy về an toàn phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành. Ở những vị trí nguy hiểm trên

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

60

công trường, phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.

+ Nhà thầu thi công xây dựng, chủ đầu tư và các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có

vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Người để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

+ Nhà thầu xây dựng có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động có phải giấy chứng nhận đào tạo an toàn lao động. Nghiêm cấm sử dụng người lao động chưa được đào tạo và chưa được hướng dẫn về an toàn lao động.

+ Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động theo quy định khi sử dụng lao động trên công trường.

+ Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

+ Người sử dụng lao động phải thường xuyên kiểm tra máy, thiết bị, cải thiện điều kiện làm việc để đảm bảo cho người lao động được làm việc trong môi trường an toàn. Xây dựng đầy đủ các quy trình, biện pháp làm việc an toàn, vệ sinh lao động theo hướng dẫn tại các Tiêu chuẩn, Quy phạm kỹ thuật an toàn và hướng dẫn cho người lao động trước khi làm việc. Tổ chức huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động

đầy đủ cho người lao động theo quy định tại Thông tư số 37/2005/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2005 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và tuyên truyền, giáo dục cho người lao động tự giác chấp hành các quy định về an toàn, vệ sinh lao động. Đặc

biệt chú ý đối với những người lao động làm các công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại hoặc tiếp xúc với những đối tượng có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

+ Chẩn chỉnh công tác thống kê, báo cáo tai nạn lao động toàn quốc; Thanh tra,

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

61

kiểm tra chuyên đề về công tác báo cáo cũng như kiên quyết áp dụng các chế tài đối với cơ sở không chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo về TNLD.

+ Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành điều tra kịp thời, chính xác các vụ tai nạn lao động chết người trong các thành phố, khu vực kinh tế, chú ý các doanh nghiệp nhỏ và vừa có quy trình sản xuất phức tạp, độc hại, ảnh hưởng môi trường nhưng thiếu ý thức phòng ngừa TNLD.

+ Xử lý nghiêm những cá nhân thiếu tinh thần trách nhiệm, vi phạm các quy định về an toàn, vệ sinh lao động và kiên quyết đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự các cá nhân có trách nhiệm liên quan nếu có những vi phạm pháp luật lao động để xảy ra tai nạn lao động chết người nghiêm trọng.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động nhằm nâng cao trách nhiệm đối với các đơn vị, cơ sở sản xuất kinh doanh và người lao động để mọi người đều có ý thức cảnh giác và phòng ngừa tai nạn lao động.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

62

PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

1.1. Kết quả đạt được

Quản lý an toàn lao động là một trong những yếu tố quan trọng góp phần giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển hơn trong quá trình tham gia vào sản xuất. oạt động bảo hộ lao động gắn liền với hoạt động sản xuất và công tác của con người. Nó phát triển phụ thuộc vào sự phát triển của nền kinh tế, khoa học, công nghệ và y u cầu phát triển xã hội của mỗi nước. Bảo hộ lao động là một yêu cầu khách quan để bảo vệ người lao động. Và là yếu tố chủ yếu, năng động nhất của lực lượng sản xuất xã hội.

Qua thời gian thực tập, được trực tiếp quan sát và tham gia vào công tác thực hiện bảo hộ lao động tại Công ty xây dựng cổ phần Đường Bộ I Thừa Thiên Huế. Cùng với hành trang là nền tảng kiến thức được trau dồi và tích lũy trong thời gian học tập tại trường và thời gian tìm hiểu, học hỏi thực tế tại đơn vị, tôi quyết định chọn đề tài “ **Phân tích tình hình quản lý an toàn lao động tại Công ty cổ phần Đường Bộ I – Thừa Thiên Huế**”.

Về cơ bản đề tài đã đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu đã đề ra.

- Thứ nhất, Hệ thống hóa cơ sở lý luận về công tác quản lý an toàn lao động của các doanh nghiệp theo Luật số 10/2012/QH13 Bộ luật lao động và Thông tư Số 04/2017/TT-BXD ngày 30 tháng 03 năm 2017 của Bộ xây dựng Quy định về Quản lý An toàn lao động tro g thi công xây dựng công trình.

- Thứ hai, Phân tích và đánh giá tình hình thực hiện bảo hộ lao động tại Công Ty Cổ Phần Đ ờng Bộ I – TT Huế.

- Thứ ba, Đưa ra một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo hộ lao động cho Công Ty Cổ Phần Đường Bộ I – TT Huế.

1.2. Hạn chế của đề tài

Do thời gian thực tập ngắn, đến ngày 28/12/2019 công ty đang trong quá trình thống kê báo cáo tài chính cuối năm và các số liệu khác của năm 2019 nên chưa cập nhật được tình hình quản lý an toàn lao động tại các Xí nghiệp một cách mới nhất.

Đề tài nghiên cứu và hoàn thành trong thời gian ngắn, kiến thức cũng như kinh nghiệm còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những sai sót nhất

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

63

định. Chưa phản ánh sâu sắc thực trạng quản lý an toàn lao động tại Công ty cổ phần Đường Bộ I – Thừa Thiên Huế, các giải pháp đưa ra còn mang tính chủ quan. Qua đây, em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến từ các cán bộ trong công ty và thầy cô giáo để em có thể hoàn thiện được bài khóa luận này.

II. KIẾN NGHỊ

2.1. Kiến nghị Công Ty Cổ Phần Đường Bộ I – TT Huế

Về biện pháp tổ chức công tác bảo hộ lao động

Cần phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa các cơ quan quản lý cấp ngành với Công đoàn để thực hiện công tác bảo hộ lao động. Xây dựng một hệ thống tổ chức quản lý thống nhất có hiệu lực đối với công tác bảo hộ lao động.

Cần có biện pháp khuyến khích thích đáng đối với các trường hợp thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động và xử phạt nghiêm minh đối với trường hợp cố tình vi phạm nội quy công tác bảo hộ lao động.

+ Cần cải thiện điều kiện lao động tốt hơn:

Hệ thống điện, điện chiếu sáng chưa được quy hoạch, thiết kế để quản lý sử dụng trong thi công còn hạn chế.

Vệ sinh môi trường có những lúc chưa đạt yêu cầu, nhất là giai đoạn cuối của công tác hoàn thiện, bàn giao công trình.

Các công trình khi triển khai thi công việc hoàn chỉnh và lập biện pháp an toàn lao động trong thi công còn sơ sài hay chủ quan, chậm hoàn tất thủ tục.

Lắp đặt hệ thống bao che an toàn đối với các thiết bị có yếu tố nguy hiểm còn sơ sài, khu vực thi công chưa được che chắn an toàn có thể gây nguy hiểm cho những người xung quanh, giao thông đi lại.

Chế độ bảo hộ lao động

Cần thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công nhân thực hiện tốt các nội quy, quy định về an toàn lao động.

Cần thường xuyên giám sát hơn nữa việc thực hiện công tác bảo hộ lao động tại mỗi xí nghiệp.

Thường xuyên kiểm tra an toàn lao động – phòng cháy chữa cháy tại mỗi công trình thi công

2.2. Hướng phát triển đề tài

Nếu có điều kiện tiếp tục và nghiên cứu đề tài em sẽ đi sâu nghiên cứu về thực trạng quản lý an toàn lao động của công ty hơn để đánh giá tình hình quản lý an toàn lao động, hoạt động của bộ máy bảo hộ lao động một cách cụ thể hơn.

Trình bày các quy định pháp luật dành riêng cho công ty xây dựng, nghiên cứu các chính sách, quy định mà công ty đang áp dụng, từ đó phân tích, so sánh và đưa ra phương án giải quyết.

Nêu một cách cụ thể, dẫn chứng rõ ràng để có một cái nhìn tổng quát về an toàn lao động và kết quả thực hiện an toàn lao động của công ty.

Phân tích rõ quy trình hoạt động của bộ máy bảo hộ lao động, phân tích đưa ra ưu điểm và nhược điểm, đưa ra các giải pháp nhằm hạn chế những rủi ro xảy ra.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

65

KẾT LUẬN CHUNG

Qua bốn năm học tập tại Trường Đại học Kinh tế – Đại học Huế, được lĩnh hội những kiến thức cơ bản về ngành Quản trị nhân lực và 3 tháng đi thực tập, tìm hiểu thực tế và cụ thể là về các vấn đề trong công tác BHLĐ, tôi nhận thấy rằng:

Công tác BHLĐ đóng một vai trò quan trọng trong lao động sản xuất là một trong những chính sách kinh tế – xã hội lớn của Đảng và Nhà nước, luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Tại công ty, công tác BHLĐ được ban lãnh đạo cũng như các ban ngành, toàn thể trong công ty chú trọng thực hiện. Mặc dù còn nhiều hạn chế song do nhận thức rõ tầm quan trọng và ý nghĩa lớn lao của công tác BHLĐ, đảm bảo ATLĐ cho NLĐ. Ban lãnh đạo công ty luôn phối hợp với tổ chức công đoàn trong thực hiện các chế độ chính sách BHLĐ cho NLĐ, tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại nhất định. Tìm hiểu thực trạng về công tác BHLĐ tại ông ty nói chung, nhằm vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế, góp phần cải thiện ĐKLV.

Do thời gian có hạn cũng như hạn chế về mặt kinh nghiệm nên tập báo cáo thực tập tốt nghiệp sẽ không tránh khỏi những thiếu sót tôi mong rằng sẽ nhận được ý kiến đóng góp của các thầy, các cô, cùng các chú, bác, anh chị ở Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế.

Qua đây tôi xin chân thành cảm ơn thầy giáo Th.S Bùi Văn Chiêm – Giảng viên khoa Quản trị kinh doanh đã giúp đỡ và hướng dẫn để tôi hoàn thành bài viết này. Tôi cũng xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và chỉ bảo tận tình của dì Nguyễn Thị Hoài tại Xí nghiệp Đường Bộ 106 Công ty cổ phần Đường Bộ I – TT Huế.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

66

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu trong nước

1. Bài giảng An toàn lao động trong xây dựng, Đại học Bách Khoa, Đại học Đà Nẵng, chủ biên Hoàng Công Cần, Phan Hồng Sáng.
2. Tài liệu huấn luyện về an toàn – vệ sinh lao động, NXB Lao động – Xã hội
3. Thư viện pháp luật
<https://thuvienphapluat.vn>
4. Cổng thông tin điện tử Bộ Lao Động – Thương Binh và Xã Hội
<http://www.molisa.gov.vn>
5. Cục An toàn lao động
<http://antoanlaodong.gov.vn>
6. Văn bản Pháp Luật – Thư viện pháp luật Việt Nam – Cơ sở dữ liệu Luật
<https://luatvietnam.vn/lao-dong>
7. Một số tài liệu bảo hộ lao động, bài giảng an toàn lao động trong xây dựng khác.

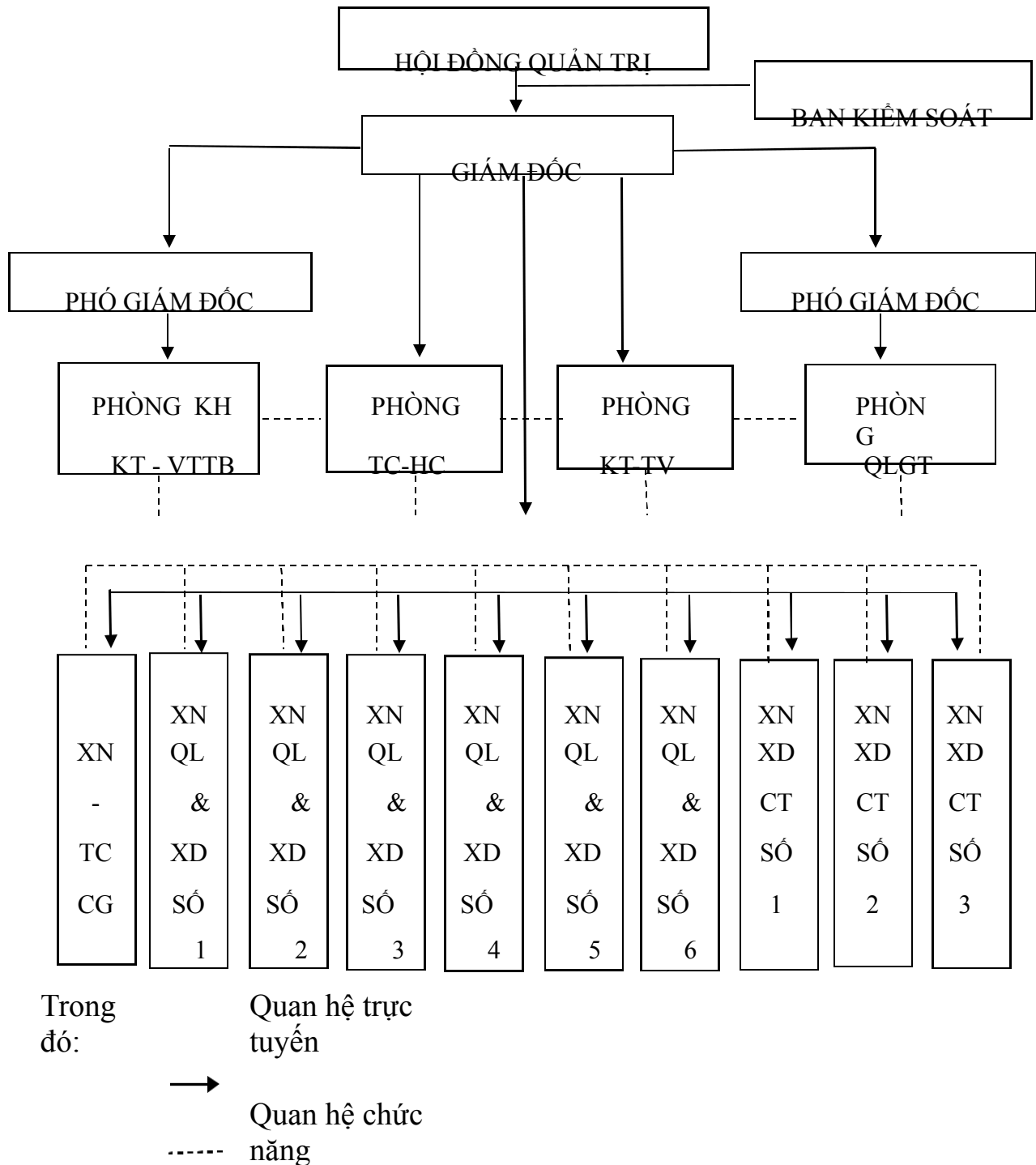
Tài liệu nước ngoài

1. Bộ lao động Hoa Kỳ
<https://www.osha.gov>
2. Cục thống kê lao động Hoa Kỳ
<https://www.bls.gov>

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

67

PHỤ LỤC



Phụ lục 1: Mô hình tổ chức hiện tại của Công ty:

Hình 2.4. Sơ đồ bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đường bộ I – TT Huế

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

Phụ lục 2

CÔNG TY CỔ PHẦN

ĐƯỜNG BỘ I – TT HUẾ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

-----□□-----

Số:/QĐ-P3GL

Huế, ngày tháng năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Nội quy về an toàn vận hành máy móc, thiết bị.

(Sửa đổi, bổ sung lần 01 năm 2018)

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BỘ I – TT HUẾ

Căn cứ Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18/6/2012 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2013.

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/06/2015; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016.

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/05/2016 của Bộ Lao Động – hương binh và Xã hội Quy định một số nội dung tổ chức thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BLĐTBXH ngày 06/3/2014 của Bộ Lao Động – Thương binh và Xã hội Ban hành danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013 của Bộ Lao Động

– Thương binh và Xã hội Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với công vi ệc hàn hơi;

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

Căn cứ Thông tư số 20/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29/07/2011 của Bộ Lao Động – Thương binh và Xã hội Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với máy hàn điện và công vi ệc hàn điện;

Căn cứ Thông tư số 52/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao Động – Thương binh và Xã hội Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với Cầu trục, cổng trục;

Căn cứ Tiêu chuẩn quốc gia số 9394:2012 về đóng và ép cọc - Thi công và nghiệm thu; Căn cứ Tiêu chuẩn Việt Nam số 5308:1991 về Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng;

Căn cứ "Giáo trình An toàn v ệ sinh lao động trong thi công xây d ựng" của Nhà xuất bản Giao thông v ận tải về An toàn khi làm vi ệc với máy lu;

Căn cứ "Giáo trình Thực hành máy lu " của Nhà xu ất bản lao động xã hội về An toàn khi làm vi ệc với máy xúc, c ần trục;

Căn cứ "Giáo trình Máy xây d ựng" của Nhà xuất bản xây dựng về An toàn lao động trong sử dụng máy xây d ựng;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động c ủa Công ty C ổ phần Đường Bộ ban hành theo Quyết định số số 844/QĐ-XDGL ngày 24/8/2015;

Căn cứ Quyết định số 05A/QĐ- XDGL ngày 03/01/2018 Quy định về an toàn v ệ sinh lao động (Sửa đổi bổ sung lần 02);

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-TCHC ngày 24/09/2012 Quyết định về việc ban hành nội quy an toàn vận hành máy, thi ết bị.

Căn cứ yêu cầu hi ệm vụ và tình hình thực tế của Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quy ết định này "Nôi quy an toàn v ận hành máy móc, thi ết bị".

Điều 2. Quyết định này thực hiện kể từ ngày ký, thay th ế quyết định số 510/QĐ-TCHC ngày 24/09/2012 Ban hành n ội quy an toàn vận hành máy, thi ết bị;

Mỗi quý m ột lần chủ trì họp và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác th ực hiện Nội quy an toàn vận hành xe máy thi ết bị, tổng hợp báo cáo.

Điều 3. Các phó giám đốc, Trưởng các phòng ban chuyên môn, Tr ưởng Ban điều hành, Trưởng các đơn vị trực thuộc và CBCNV - Lao động trong Công ty ch ịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

Nơi nhận :

- Như điều 3 ;
 - P3 gửi Email:
 - + Ban G (G1÷G5);
 - + Phòng (P1÷P8);
 - + Đơn vị (D1÷D8,X1÷X3) -
- Lưu P3 bản gốc.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Hậu

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

Khóa luận tốt nghiệp

GVHD: ThS. Bùi Văn Chiêm

QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Quy ết định/QĐ - XDGL ngày/...../2018
số:

của Giám đốc Công ty C ỏ phần Xây dựng và Thương mại Gia Lâm)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định về an toàn - vệ sinh lao động của Công ty C ỏ phần Đường bộ I – TT Huế (sau đây gọi tắt là Quy định) quy định những nội dung công tác an toàn - vệ sinh lao động (ATVSLĐ) mà ác tập thể, cá nhân ph ải thực hiện nhằm cải thiện điều kiện làm việc, ngăn ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo đảm an toàn, sức khỏe cho người lao động, góp ph ần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các trường hợp không quy định trong Quy định này sẽ được giải quyết theo quy định của Bộ Luật Lao động và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng Quy định này là cán b ộ quản lý và người lao động đang làm việc trong Công ty.

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC BỘ MÁY LÀM CÔNG TÁC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 3. Hội đồng An toàn vệ sinh lao động Công ty (g ọi tắt là Hội đồng) do Giám đốc Công ty ra Quy ết định thành lập hằng năm với thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nhà nước và phù h ợp với đặc điểm của Công ty.

Điều 4. Hội đồng ATVSLĐ đơn vị có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

- Xây dựng quy chế quản lý, chương trình hành động, kế hoạch ATVSLĐ và các biện pháp ATVSLĐ, cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động (TNLĐ) và bệnh nghề nghiệp (BNN).
- Định kỳ hàng tháng tổ chức kiểm tra tại các công trường, xây dựng kế hoạch ATVSLĐ và đánh giá công tác ATVSLĐ của công ty. Trong kiểm tra nếu phát hiện có nguy cơ mất an toàn có quy định yêu cầu trưởng đơn vị thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ đó.
- Chủ tịch Hội đồng ATVSLĐ quy định chế độ làm việc của Hội đồng và nhiệm vụ của các thành viên trong Hội đồng.

Điều 5. Phòng Tổ chức - Hành chính thực hiện chức năng thường trực Hội đồng ATVSLĐ của Công ty; tham mưu, giúp việc Giám đốc về lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động; chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng của Công ty và các Ban điều hành, các đơn vị trực thuộc trong việc quản lý, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện công tác ATVSLĐ của các đơn vị.

Điều 6. Lãnh đạo công ty phối hợp với Ban chấp hành công đoàn ra quyết định thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên (ATVSV) hằng năm.

Công đoàn đơn vị quản lý hoạt động mạng lưới ATVSV, phối hợp với Lãnh đạo công ty tạo điều kiện nâng cao nghiệp vụ, động viên về vật chất và tinh thần để ATVSV hoạt động có hiệu quả.

Điều 7. Mỗi ban chỉ huy công trường được thành lập một tổ ATVSLĐ-BHLĐ thực hiện công tác ATVSLĐ-BHLĐ thường xuyên trên công trường. Trong đó đội trưởng hoặc đội phó trực tiếp chỉ huy công trường là tổ trưởng, các đội tham gia thi công công trình và tổ trưởng tổ lao động tại công trường cử các tổ viên ATVSLĐ.

Điều 8. Mỗi đội xây dựng phải có ít nhất 01 thành viên trong Tổ ATVSLĐ; mỗi tổ lao động phải có ít nhất 01 an toàn vệ sinh viên.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ TRONG CÔNG TÁC AN TOÀN LAO ĐỘNG CỦA CÁC BỘ PHẬN LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 9. Chuyên viên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc công tác ATVSLĐ và BHLĐ (gọi chung là chuyên viên ATVSLĐ). Chuyên viên ATVSLĐ có các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Chức năng:

Bộ phận an toàn - vệ sinh lao động có chức năng tham mưu, giúp việc cho người sử dụng lao động trong việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động an toàn - vệ sinh lao động.

2. Nhiệm vụ:

a) Phối hợp với các bộ phận có liên quan trong cơ sở lao động tiến hành các công việc sau:

- Xây dựng nội quy, quy chế, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn - vệ sinh lao động, phòng, chống cháy nổ trong cơ sở lao động;
- Quản lý theo dõi việc đăng ký, kiểm định các máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn - vệ sinh lao động;
- Xây dựng kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động hằng năm và đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch; đánh giá rủi ro và xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp;
- Tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định về an toàn - vệ sinh lao động của Nhà nước, của cơ sở lao động trong phạm vi cơ sở lao động;
- Tổ chức huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động cho người lao động;

- Kiểm tra về an toàn - vệ sinh lao động theo định kỳ ít nhất 1 tháng/1 lần các bộ phận sản xuất và những nơi có các công vi ệc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;
- Kiểm tra môi trường lao động, an toàn thực phẩm (nếu đơn vị tổ chức bữa ăn công nghiệp); theo dõi tình hình thương tật, bệnh tật phát sinh do nghề

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

nghiệp; đề xuất với người sử dụng lao động các biện pháp quản lý, chăm sóc sức khỏe lao động.

b) Đề xuất, tham gia kiểm tra việc chấp hành các quy định về an toàn-vệ sinh lao động trong phạm vi cơ sở lao động theo quy định tại Điều 17 Thông tư này;

- Đề xuất với người sử dụng lao động biện pháp khắc phục các tồn tại về an toàn - vệ sinh lao động.

3. Quyền hạn:

- Được tham dự các cuộc họp giao ban sản xuất, sơ kết, tổng kết tình hình SXKD và các cuộc họp kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch ATVSLĐ.

- Được tham dự các cuộc họp về xây dựng kế hoạch SXKD, lập và duyệt các đề án thiết kế, thi công, nghiệm thu và tiếp nhận đưa vào sử dụng nhà xưởng, máy, thiết bị mới xây dựng, lắp đặt hoặc sau cải tạo, mở rộng để tham gia ý kiến về mặt ATVSLĐ.

- Trong khi kiểm tra các bộ phận sản xuất nếu phát hiện thấy có vi phạm hoặc có nguy cơ xảy ra TNLĐ, chuyên viên ATVSLĐ có quyền yêu cầu người phụ trách bộ phận đó ra lệnh đình chỉ công việc hoặc được ra lệnh tạm đình chỉ (nếu thấy khẩn cấp) để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, đồng thời báo cáo với lãnh đạo công ty.

Điều 10. Tổ ATVSLĐ-BHLĐ có nhiệm vụ: Tổ chức kiểm tra thường xuyên, đột xuất tình hình thực hiện công tác ATVSLĐ tại các đơn vị, các điểm thi công trên công trường. Phát hiện, xử lý các nguy cơ dẫn đến tai nạn lao động; Phối hợp cùng lực lượng an toàn viên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở người lao động thực hiện đầy đủ những quy định của công ty về ATVSLĐ-BHLĐ. Khi có tai nạn xảy ra kịp thời sơ cấp cứu và báo cáo Ban Giám đốc Công ty để có biện pháp giải quyết xử lý nhanh chóng.

Điều 11. Trưởng các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm thực hiện công tác hạn ATVSLĐ-BHLĐ với nhiệm vụ và quyền sau đây:

1. Nhiệm vụ:

- Trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động theo quy định của Nhà nước và của Công ty tại đơn vị.

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân đối với người lao động khi

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

làm việc trên công trường theo tiêu chuẩn đã được Công ty trang c áp cho người lao động.

- Trực tiếp hoặc cử người giám sát việc thực hiện các quy định, nội quy, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động trong đơn vị; phối hợp với Công đoàn và Công ty duy trì hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh viên.

- Thường xuyên hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy định, biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động trong đơn vị do mình phụ trách.

2. Quyền hạn:

- Buộc người lao động phải tuân thủ các quy định, nội quy, biện pháp an toàn vệ sinh lao động.

- Đề nghị biểu dương, khen thưởng người chấp hành tốt và đề nghị kỷ luật người vi phạm quy định an toàn vệ sinh lao động.

- Đề xuất với Ban Giám đốc hoặc với Hội đồng ATVSLĐ các biện pháp đảm bảo ATVSLĐ trong phần việc do mình phụ trách.

Điều 12. Người lao động có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Người lao động có quyền:

- Được đảm bảo các điều kiện làm việc công bằng, an toàn, vệ sinh lao động, yêu cầu người sử dụng lao động có trách nhiệm đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình lao động tại nơi làm việc.

- Được cung cấp thông tin đầy đủ về các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc và những biện pháp phòng, chống; được huấn luyện, đào tạo về an toàn vệ sinh lao động;

- Yêu cầu cán bộ phụ trách trực tiếp bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh, cải thiện điều kiện lao động; trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và các chế độ khác; huấn luyện an toàn vệ sinh lao động; thực hiện biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động theo quy định của Nhà nước và Công ty.

- Từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc khi thấy rõ có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; đe dọa nghiêm trọng tính mạng, sức khỏe của mình

và phải báo ngay với người phụ trách trực tiếp; từ chối trở lại làm việc nơi nói trên nếu những nguy cơ đó chưa được khắc phục.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

- Khiếu nại với Hội đồng BHLĐ Công ty khi cấp trên quản lý trực tiếp vi phạm quy định của Công ty hoặc không thực hiện đúng các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

2. Người lao động có nghĩa vụ:

- Chấp hành nghiêm các quy định, nội quy về an toàn lao động, vệ sinh lao động có liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao. Có trách nhiệm phát hiện, kiến nghị bổ sung, hoàn chỉnh các quy định, nội quy cho phù hợp với điều kiện lao động thực tế.

- Sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp, các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động nơi làm việc, nếu làm mất hoặc hư hỏng thì phải bồi thường.

- Báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện có nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây độc hại hoặc sự cố nguy hiểm, tham gia cấp cứu và khắc phục hậu quả tai nạn lao động khi có lệnh của người có thẩm quyền.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

CHƯƠNG IV

TRANG CẤP BẢO HỘ LAO ĐỘNG

Điều 13. Mọi người lao động tham gia làm việc tại Công ty phải nghiêm túc chấp hành công tác bảo hộ lao động theo quy định của Nhà nước và của Công ty.

1. Tiêu chuẩn trang cấp bảo hộ lao động đối với người lao động trong một năm:

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ BẢO HỘ LAO ĐỘNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG (01 năm)	GHI CHÚ
I	Đối với Ban chỉ huy công trình + Bảo vệ			

1	Quần áo BHLĐ	Bộ	01
2	Áo mưa	Bộ	01
3	Giày BHLĐ	Đôi	01
4	Mũ nhựa cứng BHLĐ	Cái	01

II	Đối với thợ vận hành máy móc thiết bị			
1	4	2	Quần áo BHLĐ	
2	III	3	Áo mưa	
3	1		Giày BHLĐ	

Mũ nhựa cứng BHLĐ	Bộ	01	
	Bộ	01	
Đôi với công nhân lao động	Đôi	01	
Quần áo BHLĐ	Cái	01	
Áo mưa			
Giày BHLĐ	Bộ	Tối thiểu	
	Bộ	01 bộ	
	Đôi	01	
		01	

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

4	Mũ nhựa cứng BHLĐ	Cái	01	
---	----------------------	-----	----	--

Ngoài ra các trường hợp cần trang bị các thiết bị an toàn khác, Công ty trang bị theo đúng chủng loại ngành nghề thi công, như: Dây đai an toàn được trang bị cho người lao động làm việc trên cao; Ủng cao su; Kính phòng hộ; Kính hàn; Găng tay (đối với thợ hàn) v.v...

- Kinh phí BHLĐ cấp cho các tổ lao động Công ty sẽ trừ vào kinh phí nghiệm thu của tổ (đã tính vào đơn giá khoán).

2. Các điều kiện phục vụ an toàn tại công trường:

Công ty trang bị dụng cụ, trang thiết bị phục vụ cho công tác thi công phù hợp với từng công trường cụ thể: Biển báo nguy hiểm, biển cảnh báo; Tủ thuốc y tế công trường; Trang bị phòng chống cháy nổ; Trang bị sơ cứu hiện trường; Nội quy công trường, lưới, rào chắn v.v...

3. Các điều nghiêm cấm:

- Nghiêm cấm sử dụng các bảo hộ lao động dùng thay thế các công cụ, dụng cụ thi công hoặc thay thế các vật dụng khác.

- Không được bán, đổi bảo hộ lao động cho người ngoài và đồng nghiệp lấy tiền hoặc vật chất sử dụng nhu cầu riêng của bản thân.

- Không được dùng bảo hộ lao động của tập thể làm công cụ, tài sản riêng của cá nhân.

CHƯƠNG V

QUY TẮC CHUNG VỀ AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE LAO ĐỘNG

Điều 14. Tiêu chuẩn chung đối với người lao động tham gia thi công trên công trường:

- Tuổi đời phải đủ 18 tuổi trở lên.

- Có giấy khám nghiệm đảm bảo sức khỏe do cơ quan y tế cấp.

- Không mắc bệnh nghề nghiệp.
- Có tay nghề chuyên môn đối với công việc đang làm.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

- Đã được học tập và kiểm tra đạt yêu cầu về an toàn lao động (Hàng năm phải được huấn luyện lại ít nhất một lần về ATVSLĐ-BHLĐ).
- Đã được trang bị và hướng dẫn sử dụng các phương tiện bảo vệ cá nhân.

Điều 15. Các biện pháp nghiêm cấm người lao động:

- Không được uống rượu, bia hoặc dùng thuốc kích thích trước và trong thời gian làm việc.
- Không được đi qua các thiết bị nâng khi đang làm việc.
- Không được đi gần các loại phương tiện vận chuyển, máy thi công đang lưu thông trong công trường.
- Không được bám đu các phương tiện vận chuyển, máy thi công đang hoạt động.
- Không được ngồi nghỉ dưới tầm với cần cẩu, máy xúc đào, nơi ô tô thường xuyên qua lại, trên và dưới mái ta luy có nguy cơ sạt lở.
- Không phải thợ vận hành được giao nhiệm vụ thì không được vận hành các loại xe máy thiết bị thi công.
- Không làm việc trong điều kiện thiếu ánh sáng, các thiết bị thi công không đảm bảo an toàn.
- Không được quăng quật các bình khí (Ôxy, acetilen, bình hơi...), thùng chứa các chất dễ cháy (xăng, dầu...).
- Không được cãi chửi nhau, gây ức chế trong giờ làm việc.
- Không đi dép lê, guốc, đội nón, mũ mềm trong thời gian làm việc (Phải tuyệt đối sử dụng các trang thiết bị bảo hộ lao động đã được cấp phát).

CHƯƠNG VI

AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG TRONG THI CÔNG

Điều 16. An toàn lao động đối với công tác đào đất thủ công:

1. Chỉ những người hội đủ điều kiện quy định tại Điều 14 mới được

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

tham gia thi công.

Trước khi bắt tay vào đào đất phải yêu cầu cán bộ chỉ huy thi công cho biết: Đặc điểm của đất nền và những điều cần chú ý khi làm vi ệc; Tại nơi đào đất có những công trình kết cấu ngầm nào cần né trá nh.

2. Các dụng cụ cầm tay (cuốc, xẻng v.v..) dùng cho vi ệc đào đất phải được kiểm tra về tình trạng tốt trước khi làm vi ệc. Các dụng cụ bị hư hỏng phải được thu hồi để đưa đi sửa chữa hay hủy bỏ và người công nhân đào đất không được sử dụng các dụng cụ đó.

3. Đào đất dưới móng lên phải đổ cách miệng hố đào ít nhất là 0,5m. Đối với những hố đào có mái dốc mà góc nghiêng lớn hơn góc trượt tự nhiên của đất thì phải tính toán xác định vị trí đổ đất nhưng không được nhỏ hơn 0,5m. Đất đổ lên miệng hố phải có độ dốc ít nhất là 45 độ theo mặt phẳng nằm ngang. Khi đào đất dưới hố móng sâu phải có biện pháp đề phòng đất đá lăn theo bờ dốc.

4. Phải làm mương rãnh thoát nước và có biện pháp chống xói lở ở về mùa mưa cho khu vực đang đào đất . Trong khi đào phải chú ý quan sát tình trạng của đất để kịp thời chủ động ngăn chặn hiện tượng lở đất.

5. Khi hố móng đạt tới độ sâu 0,5m phải làm bậc hay dùng thang cho công nhân lên xuống.

6. Cắm cọc nghi (nhất là tụ tập đông người) tại cạnh hố đào hoặc thành đất đắp đề phòng sụt lở đất.

7. Nghiêm cấm đào đất theo kiểu hàm ếch trong bất cứ hoàn cảnh nào.

8. Xung quanh khu vực đang đào đất phải đặt rào chắn hay biển báo để ngăn không cho người lạ mặt, đặc biệt là trẻ em rơi xuống hố, nhất là hố ngập nước về mùa mưa.

9. Kết thúc ca làm vi ệc phải thu dọn và làm vệ sinh dụng cụ, làm vệ sinh cá nhân.

Điều 17. An toàn lao động đối với công tác gia công lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn:

1. Chế tạo, gia công ván khuôn phải tuân thủ thiết kế thi công đã được phê duyệt hoặc phải theo điều kiện thực tế từng công trường theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của cán bộ kỹ thuật hoặc người có trách nhiệm.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

2. Khi cầu ván khuôn t ầm lớn phải đảm bảo vững chắc, tránh va chạm vào các b ộ phận kết cấu đã được lắp dựng.
3. Trước khi đổ bê tông ph ải được kiểm tra kỹ ván khuôn n ếu có hi ện tượng hư hỏng biến dạng phải được sửa chữa lại.
4. Khi lắp dựng ván khuôn trên cao ho ặc vùng nguy hi ểm phải được đeo dây an toàn và các trang bị bảo hộ cần thiết.
5. Chỉ được tháo dỡ ván khuôn khi bê tông đã đạt cường độ thiết kế theo chỉ dẫn của CBKT.
6. Khi tháo ván khuôn ph ải thường xuyên kiểm tra quan sát tình hình các bộ phận kết cấu nếu thấy có hi ện tượng biến dạng phá dừ g gay báo cho người có trách nhi ệm để xử lý k ịp thời
7. Kết thúc ca làm vi ệc phải thu dọn và làm v ệ sinh dụng cụ, vệ sinh ván khuôn, làm v ệ sinh cá nhân.

Điều 18. An toàn lao động đối với công tác gia công, l ắp dựng cốt thép:

1. Chuẩn bị và gia công c ốt thép phải được tiến hành khu vực riêng xung quanh có rào b ảo vệ hoặc biển báo.
2. Cắt, uốn, kéo thép ph ải dùng máy ho ặc các thiết bị chuyên dùng.
3. Bàn gia công c ốt thép phải được định vị chắc chắn, nhất là gia công cốt thép có đường kính lớn hơn 20mm.
4. Gia công và l ắp đặt c ốt thép phải theo sự chỉ dẫn của cán bộ kỹ thuật, đội trưởng.
5. Trước khi chuyển các tấm lưới khung thép đến vị trí lắp đặt phải kiểm t a các mối hàn, nút bu ộc.
6. Mang đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ cần thiết trong khi tham gia thi công.

7. Khi cắt bỏ các thép th ừa trên cao phải đeo dây đai an toàn và có người cảnh giới bên dưới.

8. Khi lắp dựng cốt thép gần hoặc dưới đường dây tải điện phải được ngắt điện, trường hợp không ng ắt điện được phải có bi ện pháp ngăn ngừa truyền điện vào lưới thép.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

9. Khi nắn thẳng thép bằng máy phải có biện pháp ngăn ngừa thép gãy văng bắn vào người.

10. Kết thúc ca làm việc phải thu dọn và làm vệ sinh dụng cụ, làm vệ sinh cá nhân.

Điều 19. An toàn lao động đối với công tác làm việc trên cao:

1. Khi làm việc phải sử dụng đúng và đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân được cấp phát theo chế độ. Đặc biệt chú ý kiểm tra dây đai an toàn (dây, móc, khóa) hàng ngày trước khi sử dụng.

2. Chỉ được làm việc trên cao sau khi đã đặt rào ngăn và biển cấm bên dưới xung quanh khu vực đang làm công việc đó để báo cho mọi người biết vùng nguy hiểm do vật liệu và dụng cụ có thể rơi xuống.

3. Kết thúc ca làm việc phải thu dọn và làm vệ sinh dụng cụ, làm vệ sinh cá nhân.

Điều 20. An toàn lao động đối với công tác đổ, đầm bê tông:

1. Trước khi đổ bê tông phải được kiểm tra, nghiệm thu việc lắp đặt ván khuôn, cốt thép, giàn giáo, sàn thao tác, đường vận chuyển, ánh sáng ...

2. Tại khu vực thi công đổ bê tông không cho người qua lại bên dưới, trường hợp bắt buộc phải có tấm che trên lối đi lại.

3. Thi công bê tông ngoài trời phải có trang bị che mưa, nắng, ban đêm phải có hệ thống chiếu sáng.

4. Dùng đầm rung (Đầm động cơ điện) để đổ bê tông:

- Vỏ đầm rung được nối với tiếp đất.

- Dùng dây điện có vỏ bọc cao su nối từ bảng phân phối điện đến động cơ đầm.

- Sau mỗi lần làm việc liên tục từ 30 đến 35 phút phải cho động cơ nghỉ từ 5 đến 7 phút.

- Công nhân vận hành phải mang ủng cao su và các trang bị phòng hộ cá nhân khác.
- Khi kết thúc công việc phải được tháo động cơ đầm ra khỏi nguồn điện, tháo vòi ra khỏi động cơ, lau chùi động cơ, vòi và thu dọn vào vị trí bảo

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

quản.

5. Cấm những người không có nhiệm vụ đứng ở sàn rót vữa bê tông, công nhân làm nhiệm vụ xi nhan cần trục, móc ben bê tông phải đeo găng tay và các trang thiết bị khác.

6. Khi sử dụng đổ bê tông bằng máy bơm:

- Máy bơm hoạt động có áp lực cao trong đường ống có thể gây tai nạn do áp lực như vỡ ống, bật vòng ống bơm bê tông, các mảnh vỡ hoặc ống vào người và thiết bị.

- Đặt máy bơm ở vị trí có nền vững chắc ổn định, kê, cèn máy vững chắc, trong quá trình bơm thường xuyên kiểm tra độ ổn định của máy.

- Khi vận chuyển, lắp đặt ống bơm không để rơi ống gây tai nạn cho người và hỏng ống. Khi nối ống các vòng ống phải được bảo đảm chắc chắn, tránh bật ra khi bơm bê tông.

- Các ống nối vào máy bơm phải được kín khít.

7. Kết thúc ca làm việc phải thu dọn và làm vệ sinh dụng cụ, làm vệ sinh cá nhân.

Điều 21. An toàn lao động đối với công tác kích kéo:

1. Khi kích, kéo phải có người chỉ huy thống nhất hoặc công nhân lành nghề phụ trách, phải hợp đồng động tác chặt chẽ, thống nhất với đồng đội và kê chèn bảo hiểm chắc chắn.

2. Trong khi làm việc phải thường xuyên chú ý đến sự ổn định hoặc biến dạng của các giá đỡ, các giá đóng cọc, các hố thế, cọc thế (nhất là khi có tải trọng đang treo trên giá), các loại thiết bị thi công cần trục, mối nối dây cáp và các loại tải trọng treo trực.

3. Phải sử dụng các máy móc, thiết bị, dụng cụ thi công có liên quan trong công tác lắp ráp, lao lắp dầm cần nghiêm túc tuân thủ các điều quy định có liên quan đến nghề nghiệp kích kéo.

4. Kết thúc ca làm việc phải thu dọn và làm vệ sinh dụng cụ, làm vệ sinh

cá nhân.

Điều 22. An toàn lao động đối với công tác hàn:

- 1. An toàn trong công tác hàn hơi:**

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

- Bình sinh khí Axê ty len, chai oxy, mỏ hàn v.v. gọi chung là thiết bị hàn hơi. Toàn bộ thiết bị hàn khi không sử dụng phải được bảo quản trong kho cẩn thận.

- Khi đưa thiết bị hàn hơi vào sử dụng phải tiến hành bảo dưỡng cẩn thận các chi tiết lắp ráp hoàn chỉnh và kiểm tra trước khi dùng.

- Địa điểm hàn hơi phải rộng rãi, các chai oxy và bình sinh khí Axêtylen phải đặt xa nhau và xa chất dễ cháy ít nhất là 10 mét.

- Khi mở van phải mở từ từ, khi sử dụng phải thường xuyên kiểm tra xem có rò rỉ khí không, áp lực hơi có hợp với yêu cầu công tác không.

- Khi điều chế bình khí cần đặt nơi bằng phẳng kiểm tra cẩn thận.

- Cấm dùng bình khí sai nguyên tắc, cấm sử dụng các bộ phận của bình quá thời hạn sử dụng như van an toàn, áp kế, bộ phận dập lửa, vòng lọc bụi v.v..

- Trước khi điều chế Axêtylen phải cho hết không khí trong bình ra để tránh tạo thành hỗn hợp nổ.

- Cấm mở nắp tháo bã hay ném thêm đất đèn vào khi buồng phản ứng còn nóng.

- Khi vận chuyển bình khí phải đặt trên giá có đệm không va chạm, không văng vác.

- Kết thúc ca làm việc phải thu dọn và làm vệ sinh dụng cụ, làm vệ sinh cá nhân.

2. An toàn trong công tác hàn điện:

- Máy biến thế hàn, máy hàn tự hành, dây hàn, kim hàn gọi chung là thiết bị hàn.

- Công nhân vận hành, thợ hàn điện phải thực hiện đúng các quy định về an toàn lao động.

- Thiết bị hàn điện khi không sử dụng phải được bảo quản trong kho, phải đặt trên bục gỗ cách mặt đất 30 cm trở lên.
- Khi đưa thiết bị hàn vào sử dụng phải tiến hành kiểm tra theo các điểm sau:
 - + Động cơ nổ theo các quy định về động cơ nổ.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

- + Máy phát điện theo các quy định về máy phát điện.
- + Máy biến thế, tăng phô phải kiểm tra độ cách điện của các cuộn dây và vỏ, nếu quá tiêu chuẩn quy định phải sửa chữa lại.
 - Phải kiểm tra xem dây tải điện lớp vỏ còn tốt không? tiết diện dây có đảm bảo không?
 - Các máy điện, biến thế phải đặt nơi cao ráo, ít người qua lại, phải kê cao cách mặt đất 30 cm, có mái che mưa nắng và có cầu dao cắt điện khỏi mạch hay máy.
 - Kim hàn phải đảm bảo cách điện hoàn toàn với tay cầm, Vỏ máy hàn, biến thế hàn phải có dây tiếp đất đúng quy định.
 - Sau khi kiểm tra toàn bộ thấy an toàn mới đóng điện cho máy làm việc.
 - Kết thúc ca làm việc phải thu dọn và làm vệ sinh dụng cụ, làm vệ sinh cá nhân.

Điều 23. An toàn lao động đối với công tác điện:

Để đảm bảo an toàn điện trên công trường, cần tuân thủ các tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật an toàn về điện từ khâu thiết lập, lắp đặt đường dây, hệ thống điện đến khâu sử dụng, bảo dưỡng...

Trong quá trình sử dụng đường dây, thiết bị điện trên công trường do đặc thù công việc là thường xuyên thay đổi, di chuyển, mưa, nắng... nên việc kiểm tra phải được thực hiện thường xuyên để phát hiện những hư hỏng, nguy cơ TNLD về điện để có biện pháp khắc phục kịp thời, do vậy:

1. Người làm công tác về điện phải là những người đã qua các trường lớp đào tạo về nghề điện, những người hiểu biết về điện và phải được học an toàn lao động về điện.
2. Các thiết bị, công cụ, dụng cụ, cầu dao điện... phải được bố trí hợp lý, dễ nhìn, dễ thao tác và phải được che chắn bảo vệ cẩn thận.

3. Công nhân điện phải mang đầy đủ các trang thiết bị an toàn, dụng cụ về điện trong khi làm việc.

4. Trước khi làm việc hoặc sau khi kết thúc công việc phải bàn giao, kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, công cụ... phục vụ cho công tác liên quan

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

đến an toàn điện.

5. Khi tiến hành công tác lắp đặt, sửa chữa, nối đường dây điện ... phải ngắt cầu dao nguồn cung cấp điện và cử người canh gác trong suốt thời gian lắp đặt, sửa chữa và kết hợp treo biển báo đang sửa chữa. Chỉ đóng điện sử dụng khi đã đảm bảo an toàn.

6. Các thiết bị, công cụ, dụng cụ, cầu dao điện ... phải được bảo vệ, bảo quản chu đáo làm mái che để tránh mưa, nắng.

7. Các đầu nối trong các thiết bị điện, các đầu nối giữa thiết bị điện và dây dẫn phải được đấu nối chặt chẽ và đảm bảo an toàn.

8. Dây dẫn điện phải đúng yêu cầu kỹ thuật cho từng loại thiết bị điện, các chỗ đấu nối phải được gắn băng dính cách điện, dây điện phải được sắp đặt gọn gàng, được treo ở độ cao hợp lý.

9. Không dùng dây dẫn mục nát, chất lượng kém, không đúng chủng loại, tiết diện.

10. Không kéo lê dây điện các loại trên mặt bằng đang thi công có nhiều gồ gề, vật liệu sắc nhọn.

11. Các thiết bị, công cụ, dụng cụ, máy thi công sử dụng điện, cầu dao điện... phải bắt buộc nối tiếp địa .

12. Sau khi thi công xong, các thiết bị, công cụ, dụng cụ, dây điện... phải được thu dọn gọn gàng và để đúng nơi quy định.

CHƯƠNG VII

AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG TRONG VẬN HÀNH MÁY XÂY DỰNG

Điều 24. An toàn lao động đối với công tác vận hành máy ép cừ:

- Trước khi thi công phải kiểm tra tình trạng kỹ thuật tất cả các máy móc thiết bị đủ và đạt tiêu chuẩn.

- Chuẩn bị đường để đảm bảo cho máy móc di chuyển trong quá trình thi công được an toàn.
- Phải thường xuyên kiểm tra các mối hàn liên kết, các bulông, xích truyền lực, pully cáp, mô tơ và hệ thống điện...
- Chỉ được vận hành khi máy ép đã định vị ổn định.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

- Ép xong một cọc khi di chuyển máy đến vị trí cọc mới phải chú ý đến nền đất tránh hiện tượng nền đất bị sụt, lún làm nghiêng máy, lật máy.
- Cần cầu tuyệt đối không được đứng dưới đường dây điện cao thế.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân vận hành trên công trường (Giày, quần áo, mũ bảo hộ....)
- Tập huấn quy trình an toàn lao động cho công nhân vận hành và thường xuyên yêu cầu cán bộ tại công trình kiểm tra, giám sát, nhắc nhở.
- Đặt các biển báo nguy hiểm tại các vị trí cần thiết.
- Cử người hướng dẫn, xi nhan máy, phân luồng (Nếu cần)
- Những người không có nhiệm vụ tuyệt đối không được vận hành những máy móc thiết bị thi công trên Công trường.
- Công nhân lao động phụ máy chỉ được làm việc dưới sự chỉ đạo của Cán bộ kỹ thuật và thợ máy.
- Tuyệt đối cấm những người không có nhiệm vụ đi vào khu vực thi công.

Điều 25. An toàn lao động đối với công tác khoan cọc nhồi:

- Đối với người điều khiển máy khoan cọc phải trên 18 tuổi và được đào tạo huấn luyện kỹ càng.
- Vị trí cần trực đứng cần phải có nền vững hoặc đệm kê chắc chắn.
- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị như: mũ bảo hộ, phương tiện bảo vệ tai, mắt....
- Máy móc, thiết bị cần phải kiểm tra kỹ lưỡng và có các thông số phù hợp đáp ứng được yêu cầu thi công.
- Lỗ khoan là khu vực có không gian khá hẹp nên cần tuân thủ các biện pháp hướng dẫn để không gian làm việc an toàn .
- Trong quá trình khoan, những chất phế thải bỏ đi cần phải để xa khỏi chỗ khoan tránh nguy hại.

- Khi thi công phải có thiết bị chuyên dụng và được thiết kế chắc chắn, nguồn điện phải được duy trì tốt trong quá trình làm việc đảm bảo sự an toàn và công việc đúng với tiến độ.

Điều 26. An toàn lao động đối với vận hành cần cầu bánh lốp:

1. Chỉ những người đã qua đào tạo về chuyên môn và huấn luyện về an toàn lao động mới được vận hành cần trục. Nghiêm cấm người không có trách nhiệm tự ý điều khiển cần trục.

2. Trước khi vận hành phải kiểm tra tình trạng kỹ thuật của thiết bị:

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

thiết bị an toàn, thiết bị phòng ngừa, phanh, cáp,... nếu phát hiện có trục trặc, hư hỏng phải khắc phục xong mới được vận hành.

3. Cần phối hợp chặt chẽ với người xi nhan, người làm công việc treo buộc và tiếp nhận tải. Thực hiện các công việc ở công trường phải tuân thủ hướng dẫn của người có trách nhiệm.

4. Không được nâng tải lớn hơn trọng tải ở tầm với tương ứng.

5. Không được nâng tải khi tải treo chưa ổn định.

6. Không được nâng tải bị vùi dưới đất, bị vật khác đè lên.

7. Không được cầu vồng, kéo lê tải.

8. Không được vừa nâng tải vừa quay hoặc di chuyển cần trục.

9. Không được nâng, hạ tải vượt quá vận tốc quy định.

10. Không thả chùng hoặc tháo bỏ dây treo tải khi chưa đặt tải vào vị trí vững

chắc.

11. Không để cần trục đứng làm việc hoặc di chuyển trên nền đất yếu, đất mới đắp, gần sát mép hố đào, v.v. hoặc có độ dốc lớn hơn quy định.

12. Cấm nâng, hạ hoặc chuyển tải khi có người ở trên tải.

13. Cấm người không có nhiệm vụ đứng trong phạm vi bán kính quay của

cần.

14. Không chụm tải qua người ở phía dưới.

15. Không chụm tải theo phương ngang khi không đảm bảo khoảng cách từ phía dưới tải nâng đến độ cao các vật chướng ngại trên đường chuyển tải tối thiểu là 50cm.

16. Cấm vận hành cần trục khi có hiện tượng khác lạ.

17. Không để cần trục làm việc hoặc di chuyển gần đường dây tải điện, vi phạm khoảng cách an toàn lưới điện.

18. Không treo tải lơ lửng trong lúc chờ đợi cũng như khi nghỉ việc.

19. Cấm công nhân vận hành cần trục rời khỏi cabin khi động cơ đang làm việc.

20. Cấm công nhân vận hành cần trục và những người cùng làm việc sử dụng rượu bia và các chất kích thích khác.

Điều 27. An toàn lao động đối với vận hành xe ô tô các loại:

1. Chỉ những người đã được đào tạo lái xe tương ứng và đã qua huấn luyện bảo hộ lao động mới được vận hành xe.

2. Phải sử dụng đúng và đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân được cấp phát theo chế độ.

3. Trước khi cho xe chạy người lái xe phải:

- Kiểm tra tình trạng kỹ thuật của xe bao gồm : hệ thống phanh hãm, hệ

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

thông tay lái, các côn chuy ển và dẫn hướng, các ống hãm, các chốt an toàn ... các hệ thống đèn chiếu sáng, đèn báo hiệu, còi, gạt nước mưa, độ mòn v ổ xe, để tin chắc chúng ở trong tình trạng tốt.

- Kiểm tra các chốt hãm giữ thùng ben kh ỏi bị lật, khả năng kẹp chặt thùng ben và cơ cấu nâng tình trạng các chốt phía sau thùng xe.

- Kiểm tra các cây dùng để ch ằng buộc hàng trên xe, dụng cụ chữa cháy...

- Kiểm tra nhiên liệu, dầu bôi trơn, nước làm mát.

4. C ắm ch ờ người trong các thùng xe. Người áp tải hàng ch ỉ được ngồi trong cabin (buồng lái).

5. Khi đưa xe tải, xe tự đổ vào lấy hàng từ ph ễu chứa, từ máy xúc ph ải tính toán sao cho cabin xe không đi qua dưới bunker (boongke). G ầu xúc c ủa máy xúc không đưa qua lại trên cabin xe. Dòng ch ảy ủa vật liệu từ miệng rót của boongke, silo phải rơi đúng tâm thùng xe.

6. Chỉ được phép xuống hàng (trút hàng) khi đã nhận được lệnh cho phép từ nơi tiếp nhận. C ắm b ốt d ỡ hàng khi xe c ủa dừng hẳn. Chỉ khi nhận được tín hiệu cho vào nhận hàng xe mới đ ược c vào vị trí cần thiết. Xe chỉ rời khỏi vị trí nhận hàng khi đã nhận được tín hiệu cho phép.

7. Đối với xe tải tự đổ:

- Trước khi nâng hay hạ thùng xe, lái xe ph ải đứng lên bậc quan sát và biết chắc rằng không có n ười ở đằng sau hay ở gần thùng xe.

- Nếu thùng xe đã g ằm nghiêng mà vật liệu còn bám l ại chưa rơi hết thì dùng x ẻng hay cào cán dài để xử lý ti ếp, không được lắc hay gõ đập vào

thùng xe. Ph ải tạo lối đi dọc theo ô tô dành cho công nhân làm công vi ệc vét sạch thùng xe nh ất là đang ở tư thế nâng thùng trút hàng trên các n ền đắp hay g ầu cạn.

- Khi đổ đất lấp hố, không được cho xe tiến sát gần mép miệng hố dưới 1m.

- C ắm ch ạy xe khi thùng xe còn ở tư thế nâng sau khi đã trút hàng xong.

8. Đối với xe tải thường hàng chất lên xe phải theo nguyên tắc sau:

- Chất hàng vào gi ữa thùng xe.
- Hàng nặng chất xuống dưới, hàng nhẹ chất lên trên.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

- Hàng phải được chằng buộc cẩn thận, không được lung lay.
- Chất hàng đúng tải trọng cho phép.

9. Khi rời xe nghỉ việc người lái phải tắt máy, kéo thắt tay, cài số. rút chìa khóa điện và khóa cửa lại. Khi xe đang đậu mà máy vẫn nổ thì người lái xe không được rời khỏi xe đi nơi khác.

10. Lái xe phải sử dụng thành thạo dụng cụ phòng cháy đặt trên xe để chữa cháy. Vị trí dùng xe để chữa cháy phải được xem xét để không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh nhưng phải làm nhanh nhất sau khi có dấu hiệu cháy. Phải thường xuyên chăm sóc các phương tiện chữa cháy để bảo

đảm sự hoạt động tin cậy của chúng.

Điều 28. An toàn lao động đối với vận hành máy ủi:

- Chỉ những người hội đủ các điều kiện sau đây được phép lái máy ủi:
 - Đã được đào tạo chuyên môn và được cấp bằng lái máy ủi.
 - Được huấn luyện bảo hộ lao động.
 - Sử dụng đúng và đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân được cấp phát theo chế độ.
- Chỉ được phép làm việc với máy ủi có lý lịch máy, có bản hướng dẫn bảo quản và sử dụng, có sổ theo dõi tình trạng kỹ thuật hàng ngày của máy.
- Trước khi làm việc, người lái phải kiểm tra lại tất cả các bộ phận của máy, phải quy định phạm vi hoạt động của máy.
- Công nhân lái máy phải luôn luôn thực hiện các qui định sau:
 - Khi máy di chuyển phải quan sát phía trước.
 - Ban đêm hoặc tối trời không được làm việc nếu không đủ đèn chiếu sáng.
 - Khi ngừng việc phải hạ ben nằm trên mặt đất.
 - Chỉ được tra dầu mỡ ở những vị trí được quy định cho việc đó.

5. Sau khi kết thúc công việc chỉ được làm vệ sinh máy khi nó đã ngừng hẳn hoạt động và lưới ben đã được hạ xuống đất.

Điều 29. An toàn lao động đối với vận hành máy xúc:

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

1. Chỉ những người hội đủ các điều kiện sau đây được phép lái xe máy xúc:
 - Đã được đào tạo chuyên môn và được cấp bằng lái máy xúc.
 - Được huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động.
 - Sử dụng đúng và đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân được cấp phát theo chế độ.
2. Phải chịu sự hướng dẫn và giám sát bởi cán bộ kỹ thuật chỉ huy khi làm việc gần các công trình ngầm và công trình nổi có tại hiện trường nhằm bảo đảm an toàn tính mạng và xe máy.
3. Trước khi cho máy vận hành phải yêu cầu những người không có phận sự rời khỏi máy xúc và ra khỏi khu vực bán kính làm việc của nó. Cấm mọi người chui vào gầm máy xúc với bất cứ lý do nào. Trong khi máy đang hoạt động, thợ phụ phải ngồi đúng vị trí của mình.
4. Phải kiểm tra để khẳng định tình trạng kỹ thuật hoàn hảo của xe máy (đèn, còi, tay lái máy...) trước khi đưa xe vào vận hành.
5. Trước khi khởi động động cơ và các bộ phận máy phải bật các tín hiệu đề phòng (ví dụ nhấn chuông, còi báo). Nếu khởi động máy bằng tay thì phải nắm tay quay sao cho tất cả các ngón tay ở cùng một phía để đề phòng piston bị nén đánh trả lại, gây ra tai nạn ở bàn tay.
6. Nghiêm cấm:
 - Đưa gầu xúc qua phía trên buồng lái.
 - Thay đổi độ nghiêng của máy hay độ vươn của cần khi gầu xúc đang mang tải hay quay gầu.
 - Thắt đột ngột.
 - Để máy xúc hoạt động khi đang dùng tay cố định dây cáp hay dùng tay nắm thẳng dây cáp khi tời đang quấn cáp.
7. Khi máy đang hoạt động không được rời khỏi nơi làm việc.

8. Kết thúc ngày làm việc phải ghi nhận xét tình trạng máy vào sổ giao nhận ca và bàn giao cho ca sau với sự ký nhận của cả hai bên đầy đủ.

Điều 30. An toàn lao động khi làm việc ở dây chuyền ép gạch:

1 - Công nhân vận hành máy phải mang đầy đủ trang bị phòng hộ lao

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

động. Chỉ có người được phân công điều khiển máy mới được phép vận hành máy.

2 - Người được phân công vận hành máy có trách nhiệm kiểm tra máy trước khi vận hành:

+ Kiểm tra nguồn điện 3 pha phải có đầy đủ cả 3 pha và dây trung tính, điện áp 3 pha cho phép $380V \pm 10\%$.

+ Kiểm tra tốc độ bôi trơn bạc và trục dẫn hướng các chi tiết chuyển động khác của máy đảm bảo theo các điều kiện kỹ thuật.

+ Kiểm tra hệ thống thủy lực: Động cơ bơm dầu, dầu t u ý lực, t u ý ô dẫn dầu, xi lanh khí ở trạng thái sẵn sàng làm việc.

+ Kiểm tra toàn bộ các bu lông, ốc, vít của máy phải được vặn chặt trước khi vận hành.

3 - Khi máy đang hoạt động người thao tác không được thò đầu, thò tay vào các khu vực chuyển động của máy. Phải dùng bàn chải có cán dài để lau chày không được thò tay vào để lau.

4 - Khi vệ sinh phải tắt máy, cắt điện và treo biển cấm đóng điện, dùng gỗ kê để chống dàn khuôn rơi (Khi đã cắt điện, vẫn có điện áp dư trong dầu, nếu chạm vào cần gạt dàn chày sẽ rơi xuống). Tuân thủ theo mệnh lệnh của một người, tránh xảy ra các sự cố mất an toàn.

5 - Thường xuyên kiểm tra đường tiếp địa của máy đảm bảo đúng quy phạm an toàn kỹ thuật.

6 - Sau mỗi ca làm việc phải vệ sinh sạch sẽ máy, các dụng cụ sản xuất, khu vực sản xuất phải luôn sạch sẽ, gọn gàng tránh xảy ra mất an toàn lao động.

7 - Khi có sự cố khác thường phải dừng máy báo cho người có trách nhiệm đến giải quyết.

8 - Không được rời khỏi vị trí làm việc khi máy đang hoạt động.

Điều 31. An toàn lao động khi sử dụng máy đầm cóc:

- Người điều khiển máy đầm cóc phải có những kiến thức kỹ thuật thiết bị đầy đủ, có sức khỏe tốt. Không nên chỉ một người điều khiển trong một thời gian dài bởi hoạt động trong một thời gian dài người vận hành có thể bị rối loạn xương khớp do lực đầm của máy rất lớn.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

- Máy đầm cóc được sử dụng động cơ chạy xăng có cấu tạo thiết kế mới nhất với động cơ 4 thì, chính vì máy chạy bằng xăng nên trước khi sử dụng việc bạn cần làm là kiểm tra lượng xăng có trong máy có đảm bảo đầy đủ không và bổ sung thêm nếu cần thiết.
- Kiểm tra kỹ càng các thiết bị trong máy, tiến hành chạy thử và nhờ người có kinh nghiệm kiểm tra, dừng máy ngay khi có dấu hiệu bất thường xảy ra.
 - Hệ thống khởi động của máy: giật nổ, kéo dây khởi động.
 - Khi máy bắt đầu chạy tăng ga cho máy đầm cóc chạy một cách từ từ, tuyệt đối không tăng nhanh làm máy giật mạnh không kiểm soát được gây nguy hiểm đến tính mạng người sử dụng và làm giảm tuổi thọ của máy.
- Máy đầm cóc hoạt động trên nguyên tắc giật nổ để chạy nên người điều khiển đầm phải giữ máy chắc tay để máy đầm nhảy mất phương hướng, mất kiểm soát.
 - Đầm liên tục và trải đều khắp mặt sàn chứ không nên đầm ở 1 vị trí duy nhất bởi điều đó sẽ dễ khiến mặt sàn bị nghiêng, không đều.
 - Sau khi sử dụng cần vệ sinh máy sạch sẽ, ghi lại tình trạng máy và bàn giao lại cho người sử dụng sau.
- Trên đây là những nguyên tắc vàng khi sử dụng máy đầm cóc. Để sử dụng máy đầm cóc mang lại hiệu quả cao thì người sử dụng phải thực hiện đúng những nguyên tắc đó.

Điều 32. An toàn lao động đối với các dụng cụ điện cầm tay:

- Chỉ những người đã được huấn luyện về an toàn điện và sử dụng dụng cụ điện cầm tay.
- Chỉ được vận hành những dụng cụ điện cầm tay đáp ứng các quy định của quy chuẩn này.
 - Mỗi dụng cụ điện cầm tay phải có sổ theo dõi riêng. Người có trách nhiệm bảo quản và sửa chữa dụng cụ phải ghi chép kết quả việc kiểm tra định kỳ, bảo dưỡng và sửa chữa dụng cụ.
 - Giữ nơi làm việc gọn gàng và có chiếu sáng tốt trong khi sử dụng dụng cụ điện cầm tay.

- Không vận hành dụng cụ điện cầm tay trong môi trường dễ cháy, nổ (môi trường có chất lỏng, khí bụi dễ cháy hoặc môi trường có chứa những chất có tác dụng làm hỏng các chi tiết kết cấu cách điện của dụng cụ).

- Trong môi trường có chứa nước nhỏ giọt, hoặc ở ngoài trời trong lúc có mưa, sương mù không được vận hành những dụng cụ không có cấu tạo kiểu chống tia nước, chống ngấm nước.

- Không để trẻ em và người không có nhiệm vụ lại gần khi vận hành dụng cụ điện cầm tay.

+ Quy định đảm bảo an toàn về điện.

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

- Phích cắm của dụng cụ điện cầm tay phải khớp với ổ cắm. Không được sửa đổi phích cắm theo bất kỳ cách nào. Không được sử dụng phích cắm đổi nối bất kỳ cho dụng cụ điện cầm tay có nối đất.
- Không sử dụng sai dây nguồn. Không sử dụng dây nguồn để mang, kéo hoặc rút phích cắm của dụng cụ điện cầm tay. Giữ cho dây nguồn tránh xa nguồn nhiệt, dầu, các gờ sắc nhọn hoặc các bộ phận truyền động.
- Khi vận hành dụng cụ điện cầm tay ở ngoài trời, phải sử dụng dây nguồn mở rộng thích hợp cho sử dụng ngoài trời.
- Phải chú ý bảo vệ dây cáp mềm cấp điện cho dụng cụ điện cầm tay để tránh bị xây xát cách điện, tránh dây bị dính dầu mỡ hoặc tiếp xúc với các vật nóng.
 - Việc nối các thiết bị điện phục vụ cho dụng cụ điện cầm tay (như máy biến áp, thiết bị biến tần...) với lưới điện và tháo chúng ra khỏi lưới phải do người có chuyên môn về điện chịu trách nhiệm.
 - Cấm sử dụng chất kích thích trong khi vận hành dụng cụ điện cầm tay.
 - Sử dụng trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân thích hợp khi vận hành dụng cụ điện cầm tay như mặt nạ chống bụi, giày an toàn chống trơn trượt, mũ cứng, phương tiện bảo vệ thính giác, kính bảo vệ mắt.
- Chú ý ngăn ngừa khởi động dụng cụ điện cầm tay không chủ ý. Phải đảm bảo rằng cơ cấu cắt đã ở vị trí cắt trước khi nối với nguồn điện để sử dụng.
- Phải đảm bảo tất cả các chìa vặn hoặc dụng cụ sửa chữa đã được bỏ ra khỏi dụng cụ điện cầm tay trước khi cho nó hoạt động.
- Không vớ quá xa khi sử dụng dụng cụ điện cầm tay. Giữ thân người luôn ở tư thế cân bằng khi thao tác ở mọi thời điểm.
- Nếu thiết bị có trang bị để nối với cơ cấu hút bụi và phương tiện gom bụi thì phải đảm bảo rằng chúng được nối và sử dụng đúng.
- Với các dụng cụ điện cầm tay có khối lượng lớn hơn 10kg, phải trang bị cơ cấu để nâng, treo dụng cụ khi làm việc.
- Không gò ép dụng cụ điện cầm tay hoạt động không đúng công dụng. Sử dụng đúng dụng cụ điện cầm tay cho từng công việc.

- Không sử dụng dụng cụ điện cầm tay nếu cơ cấu đóng cắt không bật và tắt nguồn được.
- Cắt nguồn điện trước khi tiến hành điều chỉnh, thay thế phụ kiện, tạm ngừng công việc hoặc cất giữ dụng cụ điện cầm tay.
- Cất dụng cụ điện cầm tay ở xa tầm với của trẻ em, không để người chưa được huấn luyện về an toàn đối với dụng cụ điện cầm tay vận hành dụng cụ.
- Chỉ sử dụng dụng cụ điện cầm tay, phụ kiện và các chi tiết của dụng cụ cho các công việc phù hợp với chức năng của dụng cụ và theo hướng dẫn của nhà sản xuất, có tính đến điều kiện làm việc và công việc cần thực hiện.
- Khi sử dụng dụng cụ điện cầm tay, phải chú ý tới cả những yêu cầu nêu

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

trong chỉ dẫn sử dụng dụng cụ, giữ gìn dụng cụ cẩn thận, không để dụng cụ bị va đập, quá tải hoặc bị tác động của bụi bẩn, dầu mỡ, không để nước nhỏ giọt, nước mưa hoặc chất lỏng khác bắn vào các dụng cụ không có bảo vệ chống ẩm.

+ Sửa chữa và bảo dưỡng.

- Người sử dụng dụng cụ điện cầm tay phải thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và thống kê các công việc máy đã làm. Nếu bị hỏng thì phải sửa chữa dụng cụ điện cầm tay trước khi sử dụng, dụng cụ phải được vệ sinh sạch sẽ sau khi sử dụng. Sau khi sửa chữa mỗi dụng cụ phải được thử lại theo tiêu chuẩn tương ứng của bộ TCVN 7996 phần 2 (IEC 60745-2)

- Dụng cụ điện cầm tay phải được bảo trì bởi người sửa chữa đã qua đào tạo và chỉ sử dụng các bộ phận thay thế tương tự.

Điều 33. An toàn lao động đối với các máy, thiết bị khác:

1. Chỉ những người đã được đào tạo chuyên môn và sử dụng đúng và đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân được cấp phát theo chế độ mới được vận hành, sử dụng máy, thiết bị.

2. Trước khi làm việc, phải kiểm tra lại tất cả các bộ phận của máy, thiết bị.

3. Kết thúc ca làm việc phải ngừng máy hoàn toàn mới được làm vệ sinh thiết bị. Sau đó thu dọn nơi làm việc cho trật tự, ngăn nắp, làm vệ sinh cá nhân.

CHƯƠNG VIII

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 34. Định kỳ và hàng năm Công ty họp đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thi đua khen thưởng sẽ xem xét biểu dương và khen thưởng đối với các cá nhân và tập thể thực hiện tốt công tác ATVSLĐ. Công tác ATVSLĐ là một chỉ tiêu để xem xét thi đua và nâng bậc lương hàng năm.

Điều 35. Đối với các tập thể, cá nhân vi phạm các quy định của Nhà nước, của Công ty về ATVSLĐ, để xảy ra TNLĐ do nguyên nhân chủ quan phải tổ chức kiểm điểm, đề ra biện pháp khắc phục và xem xét hình thức kỷ luật và phải chịu bồi thường trách nhiệm vật chất theo quy định.

Đối với các cá nhân quản lý các loại xe, máy, thiết bị dễ xảy ra tai nạn gây thiệt hại về tài sản do nguyên nhân chủ quan như: vận hành không đúng quy trình, quy phạm, không kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên, không tuân thủ

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh

quy trình an toàn lao động thì sẽ phải bồi thường trách nhiệm vật chất cho những thiệt hại gây ra và người quản lý trực tiếp của các cá nhân đó sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký Quy định ban hành và áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Các quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 37. Trưởng các phòng nghiệp vụ liên quan, Trưởng các ban điều hành, trưởng các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm phổ biến Quy định này đến toàn thể CBCNV và tổ chức thực hiện các nội dung của quy định.

Điều 38. Phòng Tổ chức - Hành chính có trách nhiệm phối hợp với các phòng ban chuyên môn, Trưởng các ban điều hành, trưởng các đơn vị hướng dẫn triển khai và theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Điều 39. Trong quá trình thực hiện Quy định, nếu có điểm nào vướng mắc hoặc cần bổ sung, sửa đổi, các đơn vị báo cáo bằng văn bản về Công ty (Phòng TCHC) để tổng hợp trình Giám đốc xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận :

- Ban Giám đốc (để chỉ đạo);
- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: TC-HC.

Nguyễn Quốc Hậu

SVTH: Nguyễn Phạm Mai Linh